

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

LÊ THỊ THU HƯỜNG

**THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI
TỪ THỰC TIỄN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Chuyên ngành : Luật Hiến pháp và Luật Hành chính
Mã số : 60.38.01.02

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:
PGS.TS. NGUYỄN THỊ VIỆT HƯỜNG**

HÀ NỘI, năm 2016

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu và kết quả nghiên cứu nêu trong luận văn là trung thực, được các cơ quan cho phép sử dụng và chưa từng được công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

Học viên

Lê Thị Thu Hường

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT CỦA THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI.....	7
1.1. Khái niệm, đặc điểm, vai trò của thực hiện pháp luật về bình đẳng giới.....	7
1.2. Nội dung thực hiện pháp luật về bình đẳng giới	17
1.3. Các yếu tố ảnh hưởng tới thực hiện pháp luật về bình đẳng giới.	23
CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG	28
2.1. Các yếu tố đặc thù của thành phố Đà Nẵng ảnh hưởng đến thực hiện pháp luật về bình đẳng giới.....	28
2.2. Thực trạng pháp luật của Nhà nước nói chung	30
2.3. Thực trạng pháp luật về bình đẳng giới	31
2.4. Thực tiễn thực hiện pháp luật về bình đẳng giới tại thành phố Đà Nẵng	34
2.5. Nguyên nhân của ưu điểm và hạn chế trong thực hiện pháp luật về bình đẳng giới ở thành phố Đà Nẵng	57
CHƯƠNG 3. QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP ĐẢM BẢO THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI TỪ THỰC TIỄN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG	61
3.1. Quan điểm đảm bảo thực hiện pháp luật về bình đẳng giới ở nước ta hiện nay	61
3.2. Giải pháp đảm bảo thực hiện pháp luật về bình đẳng giới ở Thành phố Đà Nẵng	66
KẾT LUẬN	76
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	

DANH MỤC CÁC BẢNG

Số hiệu bảng	Tên bảng	Trang
2.1.	Tỷ lệ nữ cấp ủy thành phố các nhiệm kỳ Đại hội	35
2.2.	Nữ đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố từ khóa VI đến khóa IX	35
2.3.	Tỷ lệ nữ Ban Thường vụ cấp ủy thành phố các nhiệm kỳ Đại hội	36
2.4.	Số liệu cán bộ nữ đang giữ chức danh trưởng phòng, phó trưởng phòng các phòng, ban thuộc khối Đảng, đoàn thể	37
2.5.	Số liệu cán bộ nữ đang giữ chức danh giám đốc, phó giám đốc sở; chủ tịch, phó chủ tịch UBND quận huyện; trưởng phòng, phó trưởng phòng sở ngành, UBND quận huyện; chủ tịch, phó chủ tịch Hội đồng nhân dân/Ủy ban nhân dân phường, xã	37

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Bình đẳng giới là khát vọng chung của nhân loại, là một mục tiêu quan trọng trong các văn kiện quốc tế về quyền con người và là một trong những tiêu chí quan trọng để đánh giá sự phát triển của một xã hội, của một đất nước. Từ đó, vừa là mục tiêu của sự phát triển vừa là yếu tố để nâng cao khả năng tăng trưởng kinh tế Quốc gia. Đối với Việt Nam nói chung, thành phố Đà Nẵng nói riêng trong quá trình xây dựng và phát triển đất nước, các cấp ủy Đảng, chính quyền luôn quan tâm đến vấn đề bình đẳng giới. Điều này được khẳng định là nhà nước ta đã có một hệ thống văn bản pháp luật khá đầy đủ điều chỉnh về bình đẳng giới trên các lĩnh vực của đời sống xã hội để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, phòng chống hành vi xâm phạm đến quyền bình đẳng giới như: Bộ luật Dân sự, Luật Hôn nhân và gia đình, Luật Bảo vệ chăm sóc và giáo dục trẻ em, Luật Bình đẳng giới, Luật Phòng, chống bạo lực gia đình, một số luật khác và các văn bản dưới luật có liên quan.

Tuy nhiên, thực tế tác động của nó mang lại không ít bất công, thực trạng bất bình đẳng giới, khoảng cách giới, phân biệt đối xử về giới vẫn đang tồn tại trong đời sống xã hội, tiêu biểu như: định kiến giới, bạo lực gia đình, bất bình đẳng về vị trí, vai trò của phụ nữ so với nam giới trong các lĩnh vực của đời sống xã hội. Bên cạnh đó, một số chế tài pháp luật chưa nghiêm đối với những hành vi vi phạm quyền, nhân phẩm phụ nữ, quyền trẻ em... Để đạt được một cách hoàn toàn đầy đủ và vững chắc các mục tiêu bình đẳng giới ở nước ta vẫn còn là một quá trình dài và khó khăn, do nhiều nguyên nhân khác nhau như hệ thống pháp luật, nhận thức của cán bộ và người dân về vấn đề này còn hạn chế, quá trình thi hành luật bình đẳng giới còn bất cập. Thực trạng này đòi hỏi phải có thêm những nghiên cứu để tìm ra giải pháp tiếp tục thúc đẩy bình đẳng giới ở nước ta. Vì vậy, việc nghiên cứu, tìm hiểu các quy định về bình đẳng giới không chỉ là yêu cầu của các nhà nghiên cứu khoa học mà còn là nhu cầu thiết thực của từng công dân trong xã hội.

Với ý nghĩa đó, nhằm góp phần giúp mọi đối tượng có cái nhìn bao quát, toàn diện về bình đẳng giới cũng như pháp luật bình đẳng giới, tác giả chọn đề tài:

“Thực hiện pháp luật về bình đẳng giới từ thực tiễn Thành phố Đà Nẵng”. Với đề tài này tác giả muốn được góp một phần công sức nhỏ bé vào việc hoàn thiện pháp luật về bình đẳng giới và hy vọng góp phần tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật về bình đẳng giới ở Đà Nẵng trong giai đoạn hiện nay.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Bình đẳng giới và thực hiện pháp luật về bình đẳng giới là chủ đề thu hút sự quan tâm của nhiều tầng lớp, nhiều giới và nhà nghiên cứu ở Việt Nam cũng như trên thế giới. Liên quan trực tiếp đến đề tài có những bài viết, công trình nghiên cứu sau:

- *“Xã hội học về giới và phát triển”* của Lê Ngọc Hùng, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, năm 2000;
- *“Sự bình đẳng về cơ hội kinh tế của phụ nữ trong pháp luật và thực tiễn thi hành pháp luật ở Việt Nam”* của TS Ngô Bá Thành, xuất bản năm 2001;
- *“Đưa vấn đề giới vào phát triển: thông qua sự bình đẳng giới về quyền, nguồn lực và tiếng nói”*, Nxb Văn hóa - Thông tin, năm 2001;
- *Phụ nữ - những ưu ái và thiệt thòi - nhìn từ góc độ xã hội, pháp lý* của TS Hoàng Thị Kim Quế (Tập chí Nghiên cứu lập pháp, số 9, 2003);
- *Công ước về việc loại bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử đối với phụ nữ* của TS Ngô Bá Thành (Tập chí Luật học, số 2, 1982);
- *Bàn về vấn đề phụ nữ tham chính* của ThS Bùi Văn Tiếng (Báo Đà Nẵng, số ra ngày 18/10/2002);
- *“Bình đẳng giới- hiện trạng chính sách và pháp luật về bình đẳng giới”* của Lương Phan Cừ, xuất bản năm 2004;
- *“Gia đình, phụ nữ Việt Nam với dân số, văn hóa và sự phát triển bền vững”*, của GS Lê Thị - Viện khoa học xã hội Việt Nam, Nxb Khoa học xã hội, năm 2004;
- *“Phát huy nguồn lực trí thức nữ Việt Nam trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa”* của TS Đỗ Thị Thạch, Nxb Chính trị quốc gia, năm 2005;
- *“Giới, việc làm và đời sống gia đình”* của Viện Khoa học xã hội Việt Nam,

Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ, Trung tâm Nghiên cứu giới và gia đình, Nxb Khoa học xã hội, năm 2007;

- *“Suy nghĩ về bình đẳng giới dưới góc nhìn pháp luật”* của LS Trịnh Đình Thê, Nxb Tư pháp, năm 2007;

- *Tăng cường sự tham gia của phụ nữ vào các vị trí lãnh đạo, quản lý* của ThS Bùi Văn Tiếng (Báo Đà Nẵng, số ra ngày 5/3/2004);

- *Quyền bầu cử và ứng cử của công dân trong chế độ ta* của Đàm Văn Hiều (Tạp chí Luật học, số 3, 1975);

- *Một số vấn đề về công tác cán bộ nữ trong tình hình mới* (Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị 37-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa VII);

- *Quyền chính trị của phụ nữ trong Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử đối với phụ nữ và trong pháp luật Việt Nam* của TS Nguyễn Văn Mạnh;

- *Công ước của Liên hiệp quốc và pháp luật Việt Nam về xóa bỏ phân biệt đối xử với phụ nữ* của Viện Nghiên cứu khoa học pháp lý - Bộ Tư pháp;

- *Vai trò của nữ cán bộ quản lý nhà nước trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa* của TS Võ Thị Mai;

- *Cẩm nang về bình đẳng giới* của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Nxb Lao động - Xã hội, Hà Nội, 2012);

- *Công nghiệp hóa, hiện đại hóa, dân chủ hóa với bình đẳng giới ở Việt Nam hiện nay* của nhiều tác giả (Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2012).

- *“Một số giải pháp ngăn chặn tình trạng bạo lực gia đình đối với người phụ nữ ở thành phố Đà Nẵng (2008)”*;

- *“Định hướng nghề nghiệp cho phụ nữ trong độ tuổi từ 18- 35 ở vùng di dời giải tỏa”*(2010). Ngoài ra trong năm 2012 -2013, Hội LHPN Tp cũng đã tiến hành “Khảo sát thực trạng Bình đẳng giới trong lĩnh vực giáo dục- đào tạo trên địa bàn thành phố” và “Khảo sát nhận thức của xã hội về Bình đẳng giới trong đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp xã, phường”;

- *Về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”* Nghị quyết số 11-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa X;

- *Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011 – 2020*;

- “*Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nữ, từng bước bảo đảm sự tham gia bình đẳng giữa nam và nữ trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo*” theo Kế hoạch về bình đẳng giới giai đoạn 2011 – 2015, Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011 – 2020 tại thành phố Đà Nẵng.

Các bài viết, công trình nghiên cứu trên đã có những liên quan nhất định đến đề tài luận văn, nhưng đều chưa đứng góc độ của pháp luật bình đẳng giới; chưa nghiên cứu một cách hệ thống cơ sở lý luận cũng như các quy phạm pháp luật, giải pháp khả thi để thực hiện pháp luật về bình đẳng giới.

Đề tài “*Thực hiện pháp luật về bình đẳng giới từ thực tiễn thành phố Đà Nẵng*” là công trình khoa học độc lập, có tham khảo nhưng không trùng lặp với các công trình nghiên cứu trên, nghiên cứu có hệ thống những vấn đề lý luận và pháp luật về thực hiện pháp luật bình đẳng giới, đánh giá thực tiễn pháp luật về bình đẳng giới ở thành phố Đà Nẵng và đề xuất các giải pháp nhằm giảm dần khoảng cách về giới ở thành phố Đà Nẵng hiện nay.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Mục đích tổng quát của luận văn là xây dựng cơ sở khoa học cho việc đề xuất các giải pháp đảm bảo thực hiện pháp luật về bình đẳng giới ở thành phố Đà Nẵng nói riêng, trên địa bàn cả nước nói chung.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Làm sáng tỏ những vấn đề lý luận của thực hiện pháp luật về bình đẳng giới.
- Tập hợp và phân tích hệ thống các quy phạm pháp luật hiện hành liên quan đến thực hiện pháp luật về bình đẳng giới.
- Đánh giá thực trạng thực hiện pháp luật về bình đẳng giới. Trên cơ sở đó, chỉ ra thành tựu, hạn chế và nguyên nhân của thành tựu, hạn chế trong thực hiện pháp luật bình đẳng giới tại thành phố Đà Nẵng.
- Đưa ra quan điểm và đề xuất những giải pháp đảm bảo thực hiện pháp luật về bình đẳng giới tại thành phố Đà Nẵng.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu: Tập trung vào việc thực hiện pháp luật của chính quyền địa phương, các cơ quan nhà nước có liên quan và các chủ thể khác...

4.2. Phạm vi nghiên cứu: Luận văn tập trung đánh giá hoạt động thực hiện pháp luật về bình đẳng giới tại địa bàn Đà Nẵng. Các số liệu, thông tin làm cơ sở đánh giá được thu thập trong khoảng thời gian 5 năm (từ năm 2012 đến 2016)

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận: Luận văn được thực hiện dựa trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về Nhà nước và pháp luật trong sự nghiệp đổi mới, các quan điểm về quyền con người thể hiện trong các Công ước quốc tế mà Việt Nam đã tham gia, ký kết.

5.2. Phương pháp nghiên cứu: Các phương pháp cụ thể được sử dụng nghiên cứu đề tài bao gồm: phương pháp phân tích, tổng hợp, đối chiếu, so sánh giữa lý luận và thực tiễn nhằm làm rõ các quy định của pháp luật về bình đẳng giới. Các phương pháp này giúp cho việc nghiên cứu đề tài được xem xét ở nhiều góc độ khác nhau, từ đó hoàn thiện hơn nữa các quy định của pháp luật, góp phần vào việc thực hiện mục tiêu về bình đẳng giới.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

6.1. Ý nghĩa lý luận: Trong thời gian qua, đã có một số đề tài, luận văn nghiên cứu về pháp luật bình đẳng giới, tuy nhiên những đề tài này chỉ đề cập đến một số khía cạnh này hay khía cạnh khác của bình đẳng giới, chưa có đề tài nào nghiên cứu một cách có hệ thống vấn đề thực hiện pháp luật về bình đẳng giới tại thành phố Đà Nẵng. Vì vậy đây là công trình khoa học đầu tiên nghiên cứu pháp luật một cách tương đối toàn diện về thực hiện pháp luật về bình đẳng giới ở Đà Nẵng.

Luận văn góp phần làm sáng tỏ những vấn đề lý luận và thực tiễn cho việc thực hiện có hiệu quả pháp luật về bình đẳng giới ở thành phố Đà Nẵng trong thời gian tới.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn: Luận văn có thể dùng làm tài liệu tham khảo cho việc

ngiên cứu và giảng dạy các vấn đề liên quan đến quyền của phụ nữ, công tác cán bộ nữ.

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu và kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, nội dung luận văn gồm 3 chương như sau:

Chương 1: Những vấn đề lý luận và pháp luật của thực hiện pháp luật về bình đẳng giới

Chương 2: Thực trạng thực hiện pháp luật về bình đẳng giới tại thành phố Đà Nẵng

Chương 3: Quan điểm và giải pháp đảm bảo hiệu quả thực hiện pháp luật về bình đẳng giới từ thực tiễn thành phố Đà Nẵng

CHƯƠNG 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT CỦA THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI

1.1. Khái niệm, đặc điểm, vai trò của thực hiện pháp luật về bình đẳng giới

1.1.1. Khái niệm thực hiện pháp luật về bình đẳng giới

1.1.1.1. Khái niệm bình đẳng giới

Bình đẳng giới là mục tiêu và thước đo tiến độ phát triển của một xã hội và là một tiêu chí văn hóa. Sự bình đẳng giới được thể hiện ở nhiều phương diện, cụ thể như: Bình đẳng trong đối xử, bình đẳng về cơ hội, bình đẳng về hưởng thụ, lợi ích, bình đẳng trong kiểm soát và ra quyết định... Như vậy, bình đẳng giới không chỉ đơn giản là số lượng của phụ nữ và nam giới, hay trẻ em trai và trẻ em gái tham gia trong tất cả các hoạt động là như nhau, cũng không có nghĩa là nam giới và phụ nữ giống nhau, mà bình đẳng giới có nghĩa là nam giới và phụ nữ được công nhận và hưởng các vị thế ngang nhau trong xã hội. Nam, nữ có điều kiện bình đẳng để phát huy đầy đủ các tiềm năng của họ, có cơ hội để tham gia, đóng góp và hưởng lợi bình đẳng khi họ tham gia vào các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hoá và xã hội. Ở nước ta, xuất phát từ vấn đề quyền con người, Hiến pháp đã ghi nhận quyền bình đẳng giữa nam và nữ trên mọi phương diện. Điều đó là một sự tiến bộ lớn, tuy nhiên, nếu chỉ dừng lại ở mức độ này, phụ nữ vẫn chưa được bình đẳng thực sự. Thực tế cho thấy, trong quá trình phát triển, giữa nam và nữ đã không có cùng một điểm xuất phát, cho nên cơ hội mở ra như nhau nhưng phụ nữ khó nắm bắt được nó như nam giới. (Ví dụ: Trong lĩnh vực lao động, khi cơ hội tìm việc làm mở ra cho cả nam và nữ thì phụ nữ khó có thể đón nhận được cơ hội đó như nam giới vì nhiều lý do như: Sức khỏe, do con nhỏ, do công việc gia đình).

Bình đẳng giới thể hiện vị trí, vai trò của nam và nữ ngang nhau trong các quan hệ xã hội, do đó bình đẳng giới có các đặc điểm sau:

Thứ nhất, tính ngang quyền: Để đạt được bình đẳng giới, phụ nữ cần được tạo điều kiện và cơ hội ngang bằng nam giới trong mọi lĩnh vực của đời sống xã

hội. Ví dụ, cần có quy định như nhau (bình đẳng), chung cho phụ nữ và nam giới về hưởng thụ các quyền và gánh vác các nghĩa vụ. Đây là các quy định bình đẳng mang tính tối thiểu, không thể thiếu để đảm bảo về mặt pháp lý quyền bình đẳng nam nữ (công dân nam và nữ đều có quyền bầu cử, ứng cử; có quyền tự do kinh doanh theo quy định của pháp luật; có quyền tự do kết hôn và tự do ly hôn...).

Thứ hai, tính ưu đãi: Xuất phát từ những đặc điểm sinh học và do đặc điểm truyền giống của phụ nữ khác biệt so với nam giới nên để đạt được bình đẳng giới thì cần có sự đối xử ưu đãi, khuyến khích đặc biệt và hợp lý đối với phụ nữ.

Thứ ba, tính linh hoạt: Bình đẳng giới cần phải hiểu rằng không phải lúc nào nam và nữ cũng như nhau mà bình đẳng giới cần phải được hiểu linh hoạt trong những hoàn cảnh cụ thể ví dụ như do đặc điểm của phụ nữ là xét về thể lực yếu hơn nam giới do đó cần có chính sách ưu tiên trong lao động đối với lao động nữ nhất là phụ nữ làm việc trong môi trường nặng nhọc, độc hại. Sự đối xử ưu đãi với phụ nữ cần được điều chỉnh linh hoạt trong từng hoàn cảnh lịch sử cụ thể, không mang tính bất biến. Khi khoa học kỹ thuật phát triển, điều kiện lao động được cải thiện, cần có sự điều chỉnh cho phù hợp nhằm loại bỏ quy định cấm này đối với các ngành nghề, lĩnh vực đã được cải thiện điều kiện lao động, để tạo thêm cơ hội có việc làm cho phụ nữ.

Thứ tư, tính phân loại: Trong khi tìm hiểu về bình đẳng giới chúng ta cũng cần tìm hiểu trên nhiều phương diện khác nhau, đó là không chỉ nhìn nhận bình đẳng giới trong mối tương quan giữa phụ nữ và nam giới mà còn phải nhìn nhận trong từng giới nghĩa là bình đẳng còn được xem xét giữa các tầng lớp phụ nữ thuộc các thành phần xã hội khác nhau trong các vùng miền khác nhau trong phạm vi của Quốc gia. Ví dụ, những quy định tăng độ tuổi nghỉ hưu đối với phụ nữ thì có thể có lợi cho nữ giới lao động làm việc ở những môi trường, những công việc nhẹ nhàng như làm văn phòng, giảng dạy, nghiên cứu hay ngoại giao,...nhưng lại bất lợi đối với nữ giới ở khu vực lao động nặng nhọc, nguy hiểm và phụ nữ nông thôn. Do đó chúng ta cần hiểu bình đẳng giới một cách linh hoạt để từ đó làm giảm khoảng cách đối xử phân biệt giới.

Như vậy bình đẳng giới cần được hiểu dưới các khía cạnh sau:

Thứ nhất, bình đẳng giới không chỉ có ý nghĩa cơ học là số lượng của phụ nữ và nam giới tham gia trong tất cả các hoạt động là như nhau. Bình đẳng giới có nghĩa là nam và nữ giới được công nhận và được hưởng các vị thế ngang nhau trong xã hội.

Thứ hai, bình đẳng giới không có nghĩa là nhìn nhận nam giới và nữ giới giống y hệt nhau mà sự tương đồng và khác biệt tự nhiên giữa nam và nữ được công nhận và có giá trị như nhau. Bình đẳng giới có nghĩa là nam và nữ được hưởng các thành quả một cách bình đẳng.

Hiểu sâu xa thì bình đẳng giới là vấn đề cơ bản về quyền con người và là yêu cầu về sự phát triển bền vững. Có thể nói, ý nghĩa quan trọng của bình đẳng giới là nam và nữ có thể trải nghiệm những điều kiện bình đẳng để phát huy đầy đủ các tiềm năng của họ, có cơ hội để tham gia, đóng góp vào công cuộc phát triển quốc gia trong lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa và xã hội.

1.1.1.2. Khái niệm pháp luật về bình đẳng giới

Việt Nam là một trong những quốc gia rất quan tâm đến việc ban hành hệ thống pháp luật về bình đẳng giới trong mọi lĩnh vực. Ngay từ đầu mới lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, trong phần mở đầu bản Tuyên ngôn Độc lập ngày 2 tháng 9 năm 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh tuyên bố: *“Tất cả mọi người sinh ra đều có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc”* [6, tr.17].

Hiến pháp đầu tiên của nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Hiến pháp 1946, đã ghi nhận: *“Tất cả quyền bính trong nước là của toàn thể nhân dân Việt Nam, không phân biệt nòi giống, gái trai, giàu nghèo, giai cấp, tôn giáo”* (Điều 1) [30, tr.2]; *“Đàn bà ngang quyền với đàn ông về mọi phương diện”* (Điều 9) [30, tr.4]. Hơn nữa, trong quá trình tổ chức thực hiện Hiến pháp 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh còn nhấn mạnh: *“Đảng và Chính phủ ta cần phải có kế hoạch thiết thực để bồi dưỡng, cân nhắc và giúp đỡ để phụ nữ phụ trách ngày thêm nhiều mọi công việc kể cả công việc lãnh đạo”* [34, tr.20].

Sau Hiến pháp 1946, các Hiến pháp 1956, Hiến pháp 1980, Hiến pháp 1992 đều tiếp tục khẳng định bình đẳng giới trong các lĩnh vực. Hiến pháp 1992 quy định rõ: *“Công dân nam nữ có quyền ngang nhau về mọi mặt chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và gia đình. Nghiêm cấm mọi hành vi phân biệt đối xử với phụ nữ, xúc phạm nhân phẩm phụ nữ”* (Điều 63) [30, tr.12].

Trên cơ sở Hiến pháp 1992, trong thời gian qua, hàng loạt các văn bản pháp luật của Nhà nước đã được ban hành nhằm nâng cao vị thế của phụ nữ trong xã hội và thực hiện bình đẳng giới như Bộ luật Dân sự, Bộ luật Lao động, Luật Hôn nhân và Gia đình, Pháp lệnh Dân số... và không thể không nhắc đến Luật Phòng chống bạo lực gia đình, Luật Bình đẳng giới, thậm chí không thể không nhắc đến Công ước về Xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW) mà Việt Nam là một trong những quốc gia đầu tiên trên thế giới ký tham gia ngay từ năm 1980, trong đó nêu rõ: *“Các nước tham gia Công ước phải áp dụng mọi biện pháp thích hợp nhằm xóa bỏ sự phân biệt đối xử với phụ nữ trong đời sống chính trị và cộng đồng của đất nước và đặc biệt là phải đảm bảo cho phụ nữ, trên cơ sở bình đẳng với nam giới, được thụ hưởng các quyền sau: Tham gia bỏ phiếu trong mọi cuộc bầu cử và trưng cầu dân ý, được quyền ứng cử vào tất cả các cơ quan dân cử; được tham gia xây dựng và thực hiện các chính sách của chính phủ, tham gia vào bộ máy và các chức vụ nhà nước ở mọi cấp chính quyền; tham gia vào các tổ chức xã hội và hiệp hội phi chính phủ liên quan đến đời sống công cộng và chính trị của đất nước”* [11, tr. 11].

Đặc biệt, bình đẳng giới trong Hiến pháp năm 2013 cơ bản tiếp tục kế thừa các quy định của Hiến pháp năm 1992. Hiến pháp 2013 quy định các vấn đề chung, có tính nguyên tắc liên quan đến gia đình tại Điều 16 *(mọi người đều bình đẳng trước pháp luật; không ai bị phân biệt đối xử trong đời sống chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội)* và Điều 26 *(công dân nam nữ bình đẳng về mọi mặt; Nhà nước có chính sách bảo đảm quyền và cơ hội bình đẳng giới; Nhà nước, xã hội và gia đình tạo điều kiện để phụ nữ phát triển toàn diện, phát huy vai trò của mình trong xã hội)*. Các quy định trực tiếp về hôn nhân, gia đình được Hiến định tại Điều 36: *nam nữ có quyền kết hôn, ly hôn; hôn nhân theo nguyên tắc tự nguyện, tiến bộ,*

*một vợ, một chồng, vợ chồng bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau; Nhà nước bảo hộ hôn nhân và gia đình, bảo hộ quyền lợi của người mẹ và trẻ em. Điều 60 quy định: Nhà nước, xã hội tạo môi trường xây dựng gia đình Việt Nam ấm no, tiến bộ, hạnh phúc... Bên cạnh đó, một số nội dung liên quan đến gia đình, bình đẳng giới cũng đã được Hiến định trong một số điều, khoản của các Chương II *Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân* và Chương III *Kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường*.*

Có thể thấy, Hiến pháp năm 2013 đã quy định sự bình đẳng nam - nữ một cách toàn diện hơn, tổng quát hơn và tiến bộ hơn. Quy định nam - nữ bình đẳng về mọi mặt trong tất cả các lĩnh vực. Đây không chỉ là bình đẳng về quyền lợi mà còn là bình đẳng về trách nhiệm, nghĩa vụ trong mọi lĩnh vực. So với Hiến pháp năm 1992, nội dung không phân biệt đối xử chuyển từ không phân biệt đối xử với phụ nữ đã mở rộng sang không phân biệt đối xử về giới. Các quy định này đã bảo đảm được các nguyên tắc của Công ước loại bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW). Và, một lần nữa các văn bản pháp luật của Nhà nước lại tiếp tục được ban hành nhằm đảm bảo quyền của phụ nữ trong xã hội và thực hiện bình đẳng giới như Luật Hôn nhân và Gia đình (sửa đổi năm 2014).

Qua những phân tích trên, có thể hiểu pháp luật về bình đẳng giới là hệ thống các quy tắc xử sự có tính chất bắt buộc chung do nhà nước đặt ra hoặc thừa nhận thể hiện ý chí của nhà nước nhằm đảm bảo việc nam, nữ có vị trí, vai trò ngang nhau, được tạo điều kiện và cơ hội phát huy năng lực của mình cho sự phát triển của cộng đồng, của gia đình và thụ hưởng như nhau về thành quả của sự phát triển đó trên cơ sở giáo dục thiết phục và cưỡng chế.

1.1.1.3. Khái niệm thực hiện pháp luật về bình đẳng giới

Trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, Nhà nước không chỉ không ngừng xây dựng, hoàn thiện pháp luật mà còn có trách nhiệm tổ chức thực hiện pháp luật, kịp thời phát hiện, đấu tranh phòng ngừa và xử lý các hành vi vi phạm để pháp luật được thực thi nghiêm chỉnh, thống nhất. Các quy phạm pháp luật muốn đi vào cuộc sống và phát huy hiệu quả điều chỉnh thì phải gắn với các quan hệ xã hội, với chủ thể, được thực hiện qua hoạt động có mục đích của chủ thể. Hơn nữa, đó

còn là một yếu tố, giai đoạn không thể thiếu của cơ chế điều chỉnh pháp luật. Sau khi được ban hành, để phát huy vai trò, pháp luật phải được các chủ thể tiếp nhận, tôn trọng và tự giác thực hiện. Vì thế, thực hiện pháp luật là quá trình các chủ thể khi gặp phải tình huống, sự kiện mà quy phạm pháp luật đã dự liệu, từ nhận thức, chuyển hóa sáng tạo chúng vào tình huống cụ thể đó bằng hành vi thực tế, hợp pháp của mình. Ngoài ra, thực hiện pháp luật còn là nghĩa vụ của tất cả cơ quan, tổ chức, cá nhân và được tiến hành bằng nhiều hình thức với quy trình khác nhau.

Thực hiện pháp luật về bình đẳng giới bao gồm nhiều biện pháp tác động trong một quá trình nên có tính liên tục, thường xuyên. Việc thực hiện pháp luật về bình đẳng giới được xem là bộ phận quan trọng trong tổng thể các biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới trên các lĩnh vực gắn với bảo đảm công bằng xã hội, hướng đến phát triển bền vững. Thực hiện pháp luật về bình đẳng giới giúp chủ thể (nam - nữ) này tiếp cận pháp luật, nhận thức đầy đủ về vị trí, vai trò của họ trong xã hội; thúc đẩy tiến trình bình đẳng giới sớm đạt mục tiêu mong đợi. Do thuộc tính điều chỉnh và bắt buộc chung của pháp luật, nên thực hiện pháp luật về bình đẳng giới đối với nước ta là nghĩa vụ và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân, trong đó trước hết và chủ yếu thuộc về Nhà nước mà đại diện là cơ quan, đội ngũ cán bộ, công chức - người làm công tác tham mưu, hoạch định chính sách cán bộ nữ. Các chủ thể này phải là tấm gương sáng trong tuân thủ, chấp hành và áp dụng pháp luật một cách đúng đắn, sáng tạo. Nhà nước có trách nhiệm thiết lập các thể chế, thiết chế hỗ trợ nam giới và phụ nữ thực hiện pháp luật; giúp họ tiếp cận pháp luật, sử dụng các thiết chế hỗ trợ trong thực hiện các chính sách bình đẳng giới.

Như vậy, có thể hiểu *thực hiện pháp luật về bình đẳng giới* là một quá trình hoạt động có mục đích làm cho những quy định của pháp luật bình đẳng giới đi vào cuộc sống, trở thành những hành vi thực tế hợp pháp của các chủ thể pháp luật. *Hay nói cách khác*, thực hiện pháp luật về bình đẳng giới là hoạt động thực tiễn của các cơ quan, tổ chức, cá nhân được tiến hành theo những hình thức pháp lý nhất định, có mối liên hệ và quy định lẫn nhau trong một cơ chế phù hợp với điều kiện của từng giai đoạn lịch sử, nhằm hiện thực hóa các yêu cầu, nội dung của quy phạm pháp luật về bình đẳng giới, bảo đảm cho bình đẳng giới được thiết lập và duy trì

trong đời sống xã hội và gia đình.

1.1.2. Đặc điểm của thực hiện pháp luật về bình đẳng giới

1.1.2.1. Đặc điểm về chủ thể thực hiện

Chủ thể thực hiện pháp luật về bình đẳng giới mang tính đa dạng và phong phú. Cụ thể:

Các cơ quan nhà nước: đây là chủ thể đặc biệt vì trong quá trình thực hiện, cơ quan nhà nước phải thể hiện là chủ thể mang tính quyền lực nhà nước, nhân danh nhà nước thực hiện trách nhiệm quản lý xã hội, đảm bảo cho quyền bình đẳng giới được tổ chức thực hiện trên một phạm vi rộng lớn là toàn quốc. Bên cạnh đó, các cơ quan nhà nước phụ thuộc vào chức năng, nhiệm vụ của mình để đảm bảo cho bình đẳng giới được đảm bảo. Trách nhiệm của từng cơ quan nhà nước không giống nhau bởi bình đẳng giới liên quan đến mỗi cơ quan khác nhau. Cơ quan hành chính, cơ quan tư pháp và cơ quan lập pháp có sự chi phối và tham gia ở các khía cạnh khác nhau trong thực hiện pháp luật bình đẳng giới.

Các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp

Các tổ chức kinh tế

Các đơn vị sự nghiệp

Các đơn vị vũ trang nhân dân

Các gia đình, dòng họ và công dân Việt Nam có liên quan đến việc thực hiện mục tiêu bình đẳng giới, xóa bỏ phân biệt đối xử về giới, tạo cơ hội như nhau cho nam và nữ nhằm tiến tới bình đẳng giới thực chất giữa nam và nữ trong mọi lĩnh vực.

1.1.2.2. Đặc điểm về phạm vi thực hiện pháp luật về bình đẳng giới

Phạm vi thực hiện pháp luật về bình đẳng giới là môi trường và những giới hạn không gian, địa lý để các chủ thể tiến hành các hoạt động thực hiện pháp luật về bình đẳng giới. Để có được phạm vi thực hiện pháp luật về bình đẳng giới đòi hỏi nhà nước phải quy định trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, gia đình, cá nhân trong việc thực hiện bình đẳng giới; chế độ và trách nhiệm pháp lý của các chủ thể trong thực hiện pháp luật về bình đẳng giới mang tính chất quản lý hành chính.

1.1.2.3. Đặc điểm về nội dung thực hiện

Thực hiện pháp luật về bình đẳng giới có nội hàm phong phú và bao trùm toàn bộ đời sống xã hội. Nội dung đó được thể hiện thông qua các chiến lược, chính sách, mục tiêu của nhà nước về bình đẳng giới, hướng đến việc thúc đẩy các quyền con người trong các lĩnh vực được tổ chức thực hiện trong thực tiễn. Do đó, một trong những nội dung không thể thiếu trong thực hiện pháp luật về bình đẳng giới gồm các biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới; phổ biến, chính sách pháp luật về bình đẳng giới, bồi dưỡng kiến thức, nâng cao nhận thức giới cho đội ngũ cán bộ - những người có liên quan đến việc thực thi chính sách đến bình đẳng giới.

1.1.3. Vai trò của thực hiện pháp luật về bình đẳng giới

Xuất phát từ khái niệm và đặc điểm thực hiện pháp luật về bình đẳng giới trên đây, có thể thấy thực hiện pháp luật về bình đẳng nam - nữ có vai trò đặc biệt quan trọng trong đời sống xã hội.

1.1.3.1. Thực hiện pháp luật về bình đẳng giới là phương thức để đường lối, chính sách, pháp luật đi vào thực tiễn đời sống xã hội

Thực hiện pháp luật bình đẳng giới là cách thức, biện pháp cơ bản, có hiệu lực, hiệu quả nhất để đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, nhất là chính sách bảo đảm bình đẳng giới trong tham gia quản lý nhà nước, tham gia hoạt động xã hội; trong tham gia xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của cộng đồng hoặc quy định, quy chế của cơ quan tổ chức; trong việc tự ứng cử và được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân, tự ứng cử và được giới thiệu ứng cử vào cơ quan lãnh đạo của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp; bình đẳng về tiêu chuẩn chuyên môn, độ tuổi khi được đề bạt, bổ nhiệm vào cùng vị trí quản lý, lãnh đạo của cơ quan tổ chức được thể hiện trong các quy phạm pháp luật đi vào cuộc sống, trở thành hiện thực trong thực tiễn. Ở nước ta, Đảng Cộng sản Việt Nam là lực lượng lãnh đạo. Sự lãnh đạo đó được thực hiện bằng việc đề ra đường lối, chủ trương, chính sách. Nhà nước thể chế hóa chủ trương, đường lối lãnh đạo của Đảng đối với việc thực hiện bình đẳng giới thành pháp luật. Nội dung pháp luật bình đẳng giới là chủ trương, quan điểm, chính sách của Đảng đối với bình

đẳng nam - nữ trong xã hội. Do vậy, thực hiện pháp luật về bình đẳng giới là cách thức cơ bản, có hiệu lực, hiệu quả nhất để chủ trương, chính sách đi vào cuộc sống và phát huy hiệu quả trong điều chỉnh các quan hệ xã hội và đến với các chủ thể; giúp họ nắm bắt đầy đủ và thực hiện tốt hơn chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Qua đó giúp Đảng, Nhà nước kiểm nghiệm tính đúng đắn của các chính sách, pháp luật đã được ban hành trong thực tiễn để kịp thời sửa đổi, bổ sung cho phù hợp; phát hiện, uốn nắn sai sót trong tổ chức thực hiện để bảo đảm thực hiện tốt hơn các chính sách bình đẳng giới trong mọi lĩnh vực.

1.1.3.2. Thực hiện pháp luật về bình đẳng giới đảm bảo mục tiêu phát triển bình đẳng nam nữ

Thực hiện pháp luật về bình đẳng giới là một trong những phương tiện thực hiện mục tiêu của Nhà nước ta là xóa bỏ phân biệt đối xử về giới, tạo cơ hội như nhau cho nam và nữ, tiến tới bình đẳng giới thực chất giữa nam và nữ trong mọi lĩnh vực; là phương thức đề cao trách nhiệm của cơ quan, người có thẩm quyền trong bảo đảm công bằng chính trị - xã hội; bảo đảm bình đẳng giới góp phần thúc đẩy phụ nữ tham chính ngày càng nhiều hơn, chủ động hơn, đóng góp ngày càng lớn hơn cho phát triển của cộng đồng, đất nước. Vì vậy, các cơ quan, cán bộ, công chức, công dân phải nghiêm chỉnh tuân thủ, chấp hành và thực hiện đúng pháp luật; tích cực phòng ngừa, đấu tranh và chống các hành vi vi phạm pháp luật, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các chủ thể. Thực hiện pháp luật bình đẳng giới là phương thức đề cao hơn nữa trách nhiệm của cơ quan, người có thẩm quyền trong bảo đảm cho pháp luật được thực thi nghiêm chỉnh, thống nhất; giúp phụ nữ khi tham gia vào các quan hệ trong xã hội được đối xử công bằng, bình đẳng như các chủ thể khác.

1.1.3.3. Thực hiện pháp luật về bình đẳng giới là phương thức giúp các cơ quan, tổ chức, gia đình, cá nhân nâng cao ý thức pháp luật

Thực hiện pháp luật về bình đẳng giới đóng vai trò quan trọng trong việc củng cố, nâng cao ý thức pháp luật đồng thời bồi dưỡng năng lực làm chủ để tham gia quản lý nhà nước và xã hội, giải quyết công việc chung của cộng đồng; giúp các cơ quan, tổ chức, gia đình, cá nhân nắm vững pháp luật, nhận thức sâu sắc, hiểu biết

đầy đủ hơn về chuẩn mực xã hội, thấy được giới hạn của các hành vi bình đẳng và bất bình đẳng; biết được những nguyên tắc cơ bản về bình đẳng giới, những hành vi bị nghiêm cấm. Nhờ đó, các cơ quan, tổ chức, gia đình, cá nhân nhận thức được bản chất pháp lý của các tình huống, sự kiện; biết lựa chọn hành vi xử sự phù hợp; biết tìm kiếm giải pháp tốt nhất cho mình. Các cơ quan, tổ chức, gia đình, cá nhân sẽ nhận thức đầy đủ hơn về vị trí, vai trò của pháp luật, từ đó, tích cực, chủ động áp dụng pháp luật để bảo đảm mục tiêu bình đẳng giới trong tham gia các lĩnh vực. Hiểu biết pháp luật giúp các cơ quan, tổ chức, gia đình, cá nhân tôn trọng quyền hợp pháp của chủ thể khác; yêu cầu các chủ thể thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ; tham gia quản lý Nhà nước, hoạt động xã hội, góp phần thực thi công lý, bảo đảm công bằng xã hội. Các cơ quan, tổ chức, gia đình, cá nhân sẽ nhận thức đầy đủ hơn về vai trò, trách nhiệm của mình trước Nhà nước và xã hội, trong thúc đẩy bình đẳng giới trong mọi lĩnh vực.

1.1.3.4. Thực hiện pháp luật về bình đẳng giới là biện pháp phòng ngừa các hành vi vi phạm pháp luật về bình đẳng giới và tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa

Thực hiện pháp luật về bình đẳng giới giúp các chủ thể nhận thức được giới hạn hành vi bị nghiêm cấm, nhờ đó, mỗi chủ thể sẽ tự giác và chủ động thực thi quyền, nghĩa vụ; không vi phạm quyền lợi hợp pháp của Nhà nước và chủ thể khác. Khi phát hiện chủ thể thực hiện hành vi vi phạm pháp luật bình đẳng giới thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử lý hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự (Điều 42 Luật Bình đẳng giới).

1.1.3.5. Thực hiện pháp luật về bình đẳng giới đóng vai trò quan trọng trong việc khẳng định uy tín và trách nhiệm của Nhà nước trước cộng đồng quốc tế trong việc đảm bảo và thúc đẩy quyền con người

Việc ban hành các quy định pháp luật về bình đẳng giới đã nâng vị thế của Việt Nam trên chính trường quốc tế. Tuy nhiên, để khẳng định về thực tiễn thì chỉ có tiến hành thực hiện pháp luật về quyền con người nói chung, bình đẳng giới nói riêng mới là biện pháp có hiệu quả, đảm bảo rằng pháp luật về bình đẳng giới đang hiện hữu.

1.2. Nội dung thực hiện pháp luật về bình đẳng giới

Xác định tầm quan trọng của việc thực hiện pháp luật về bình đẳng giới, nên trong quá trình thực hiện cần tập trung vào các nội dung như sau:

- Thực hiện pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị

Trước xu thế hội nhập quốc tế, Hiến pháp sửa đổi năm 2013 đã được sửa đổi, bổ sung phù hợp, với những điểm mới quan trọng, nổi bật là đề cao quyền con người. Cụ thể tại Chương II của Hiến pháp quy định *"Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân"*. Theo đó, nội dung của nguyên tắc bình đẳng trước pháp luật được quy định tại Điều 16: *"Mọi người đều bình đẳng trước pháp luật. Không ai bị phân biệt đối xử trong đời sống chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội"*.

Khoản 1, 2, 3, 4 Điều 11 Luật Bình đẳng giới quy định bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị như sau:

Nam, nữ bình đẳng trong tham gia quản lý nhà nước, tham gia hoạt động xã hội.

Nam, nữ bình đẳng trong tham gia xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của cộng đồng hoặc quy định, quy chế của cơ quan, tổ chức.

Nam, nữ bình đẳng trong việc tự ứng cử và được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân; tự ứng cử và được giới thiệu ứng cử vào cơ quan lãnh đạo của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp.

Nam, nữ bình đẳng về tiêu chuẩn chuyên môn, độ tuổi khi được đề bạt, bổ nhiệm vào cùng vị trí quản lý, lãnh đạo của cơ quan, tổ chức [30, Điều 11].

Nhiều năm qua, Đảng, Nhà nước đã ban hành các chủ trương, chính sách về bình đẳng giới để phụ nữ Việt Nam có cơ hội phát huy tài năng của mình và tham gia những vị trí lãnh đạo chủ chốt các cơ quan Đảng, Nhà nước, chính quyền các địa phương, các đơn vị, doanh nghiệp... Những đảm bảo về mặt pháp lý đó đã và đang ngày càng tạo điều kiện cho phụ nữ Việt Nam tham gia các công tác xã hội, công tác quản lý, công tác lãnh đạo trong các cấp Đảng ủy cũng như tham gia vào quản lý của bộ máy nhà nước.

- *Thực hiện pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực kinh tế, lao động việc làm*

Hiến pháp năm 2013, Quyền bình đẳng giới được ghi nhận trong quyền tự do kinh doanh: “*Công dân có quyền tự do kinh doanh trong những ngành nghề mà pháp luật không cấm*” (Điều 33); “*Công dân có quyền sở hữu về thu nhập hợp pháp, của cải để dành, nhà ở, tư liệu sinh hoạt, tư liệu sản xuất, phần vốn góp trong doanh nghiệp hoặc trong các tổ chức kinh tế khác*” (Điều 32); Công dân có quyền làm việc, lựa chọn nghề nghiệp, việc làm và nơi làm việc. Người làm công ăn lương được bảo đảm các điều kiện làm việc công bằng, an toàn; được hưởng lương, chế độ nghỉ ngơi. Nghiêm cấm phân biệt đối xử, cưỡng bức lao động, sử dụng nhân công dưới độ tuổi lao động tối thiểu (Điều 35).

Cá nhân không phân biệt nam hay nữ đều có quyền như nhau trong việc lựa chọn hình thức, lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh, thành lập doanh nghiệp, tự do giao kết hợp đồng, thuê lao động và các quyền khác phù hợp với quy định của pháp luật. Đặc biệt, Luật doanh nghiệp sửa đổi 2012 (Điều 9) cụ thể hoá quyền này, mọi cá nhân không phân biệt nam nữ đều có quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp. Sự ra đời của Luật doanh nghiệp đã góp phần bảo đảm việc thực hiện quyền tự do kinh doanh của các công dân nói chung và của phụ nữ nói riêng theo nguyên tắc “mọi công dân có quyền tự do kinh doanh theo pháp luật”. Quyền này còn được cụ thể hoá trong Luật Hợp tác xã năm 2013 (Điều 10) quy định cá nhân có quyền khởi xướng thành lập hợp tác xã và tham gia hợp tác xã. Luật Doanh nghiệp và Luật Hợp tác xã tạo ra một khung pháp lý thông thoáng bảo đảm cho phụ nữ dễ dàng tham gia hoạt động sản xuất kinh doanh, góp phần nâng cao vị trí kinh tế của người phụ nữ trong xã hội.

Thể chế hóa quan điểm của Hiến pháp, Khoản 1, 2 Điều 13 Luật Bình đẳng giới quy định bình đẳng giới trong lĩnh vực lao động gồm: 1. Nam, nữ bình đẳng về tiêu chuẩn, độ tuổi khi tuyển dụng, được đối xử bình đẳng tại nơi làm việc về việc làm, tiền công, tiền thưởng, bảo hiểm xã hội, điều kiện lao động và các điều kiện làm việc khác. 2. Nam, nữ bình đẳng về tiêu chuẩn, độ tuổi khi được đề bạt, bổ nhiệm giữ các chức danh trong các ngành, nghề có tiêu chuẩn chức danh. Trên cơ

sở Hiến pháp cũng như các nguyên tắc của Luật Bình đẳng giới, nhà nước ta đã tạo dựng cơ sở pháp lý về lao động việc làm cho người lao động nói chung và cho lao động nữ nói riêng ngày càng được hoàn thiện, thể hiện qua các văn bản pháp lý đã được ban hành như: Bộ Luật lao động, Luật Bảo hiểm xã hội.

- Thực hiện pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo

Giáo dục là một trong những chính sách được ưu tiên ở Việt Nam và Chính phủ đã có nhiều nỗ lực trong việc thực hiện bình đẳng giới trong lĩnh vực giáo dục. Đại hội IX của Đảng đã chỉ rõ: "Thực hiện tốt luật pháp và chính sách bình đẳng giới, bồi dưỡng, đào tạo nghề nghiệp, nâng cao học vấn, có cơ chế, chính sách để phụ nữ tham gia ngày càng nhiều vào các cơ quan lãnh đạo và quản lý ở các cấp, các ngành;

Điều 14 Luật Bình đẳng giới quy định nội dung bình đẳng giới trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo như sau: 1. Nam, nữ bình đẳng về độ tuổi đi học, đào tạo, bồi dưỡng. 2. Nam, nữ bình đẳng trong việc lựa chọn ngành, nghề học tập, đào tạo. 3. Nam, nữ bình đẳng trong việc tiếp cận và hưởng thụ các chính sách về giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ. 4. Nữ cán bộ, công chức, viên chức khi tham gia đào tạo, bồi dưỡng mang theo con dưới ba mươi sáu tháng tuổi được hỗ trợ theo quy định của Chính phủ.

- Thực hiện pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực khoa học và công nghệ

Hiến pháp 2013 quy định: “Mọi người có quyền nghiên cứu khoa học và công nghệ, sáng tạo văn học, nghệ thuật và thụ hưởng lợi ích từ các hoạt động đó” (Điều 40).

Điều 15 Luật Bình đẳng giới quy định nội dung bình đẳng giới trong lĩnh vực khoa học và công nghệ như sau: Nam, nữ bình đẳng trong việc tiếp cận, ứng dụng khoa học và công nghệ. Nam, nữ bình đẳng trong việc tiếp cận các khóa đào tạo về khoa học và công nghệ, phổ biến kết quả nghiên cứu khoa học, công nghệ và phát minh, sáng chế [34, Điều 15].

Ngoài ra, Đảng và nhà nước còn ban hành nhiều nghị quyết, chỉ thị trong đó có Nghị quyết 153 về công tác cán bộ nữ năm 1967, Nghị quyết 04 năm 1993, Nghị quyết 11 năm 2007 trong đó khẳng định việc tạo điều kiện, bồi dưỡng, đào tạo và sử

dụng cán bộ nữ, đặc biệt trong lĩnh vực khoa học, kỹ thuật. Chỉ thị 37/1994 nêu rõ: "Đặc biệt chú ý chính sách khuyến khích tài năng phụ nữ trong các trường học, trong mọi lĩnh vực hoạt động. Những nữ khoa học có tài, những cán bộ nữ quản lý giỏi cần được khuyến khích sử dụng, khi cần thiết có thể nghỉ hưu ở tuổi 60 như nam giới" [5].

- Thực hiện pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực văn hoá, thông tin, thể dục, thể thao

Mục đích phấn đấu của Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là làm cho dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Trong đó cốt lõi là làm cho mỗi con người Việt Nam được phát triển toàn diện cả về thể lực và trí lực. Do vậy, phải đặt vấn đề, bình đẳng và bình đẳng giới trong văn hoá, thông tin, thể dục, thể thao. Luật phổ cập giáo dục năm 1991, Luật Giáo dục 2005 và nhiều văn bản pháp luật khác của Việt Nam quy định hoạt động thể dục, thể thao là môn học bắt buộc trong các trường học từ mầm non đến đại học đối với học sinh nam và nữ nhằm mục đích rèn luyện thân thể. Hiến pháp 2013 quy định: "Thanh niên được Nhà nước, gia đình và xã hội tạo điều kiện học tập, lao động, giải trí, phát triển thể lực, trí tuệ, bồi dưỡng đạo đức, truyền thống dân tộc, ý thức công dân; đi đầu trong công cuộc lao động sáng tạo và bảo vệ Tổ quốc..." (Điều 37); Mọi người có quyền nghiên cứu khoa học và công nghệ, sáng tạo văn học, nghệ thuật và thụ hưởng lợi ích từ các hoạt động đó (Điều 40); Mọi người có quyền hưởng thụ và tiếp cận các giá trị văn hoá, tham gia vào đời sống văn hóa, sử dụng các cơ sở văn hóa (Điều 41);

- Thực hiện pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực y tế

Điều 38 Hiến pháp 2013 quy định: Mọi người có quyền được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, bình đẳng trong việc sử dụng các dịch vụ y tế và có nghĩa vụ thực hiện các quy định về phòng bệnh, khám bệnh, chữa bệnh. Nghiêm cấm các hành vi đe dọa cuộc sống, sức khỏe của người khác và cộng đồng.

Điều 17 Luật Bình đẳng giới quy định nội dung bình đẳng giới trong lĩnh vực y tế như sau:

Nam, nữ bình đẳng trong tham gia các hoạt động giáo dục, truyền thông về

chăm sóc sức khỏe, sức khỏe sinh sản và sử dụng các dịch vụ y tế.

Nam, nữ bình đẳng trong lựa chọn, quyết định sử dụng biện pháp tránh thai, biện pháp an toàn tình dục, phòng, chống lây nhiễm HIV/AIDS và các bệnh lây truyền qua đường tình dục.

Phụ nữ nghèo cư trú ở vùng sâu, vùng xa, là đồng bào dân tộc thiểu số, trừ các đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, khi sinh con đúng chính sách dân số được hỗ trợ theo quy định của Chính phủ [30, Điều 17].

- Thực hiện pháp luật về bình đẳng giới trong gia đình

Với mục tiêu xây dựng một xã hội công bằng, dân chủ và văn minh nhà nước ta luôn chủ trương kiên quyết loại bỏ sự phân biệt đối xử giữa nam và nữ trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Tháng 8/2002, Quốc hội ra quyết định thành lập Ủy ban dân số, gia đình và trẻ em. Trong những năm gần đây, vị trí, vai trò của gia đình trong nuôi dạy và phát triển các thế hệ người Việt Nam tương lai được đặc biệt chú trọng.

Chủ trương đó đã được thể hiện trong một số văn bản quan trọng như: Hiến pháp 2013 quy định: Nam, nữ có quyền kết hôn, ly hôn. Hôn nhân theo nguyên tắc tự nguyện, tiến bộ, một vợ một chồng, vợ chồng bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau. Nhà nước bảo hộ hôn nhân và gia đình, bảo hộ quyền lợi của người mẹ và trẻ em (Điều 36); Trẻ em được Nhà nước, gia đình và xã hội bảo vệ, chăm sóc và giáo dục; được tham gia vào các vấn đề về trẻ em. Nghiêm cấm xâm hại, hành hạ, ngược đãi, bỏ mặc, lạm dụng, bóc lột sức lao động và những hành vi khác vi phạm quyền trẻ em. (Điều 37).

Luật Hôn nhân và gia đình (năm 2014); Pháp lệnh Dân số 2008 đã tiếp tục thể chế hoá điều này. Tháng 5/2001 Thủ tướng Chính phủ đã ký quyết định lấy ngày 28/6 làm “Ngày gia đình Việt Nam”.

Quá trình thực hiện pháp luật bình đẳng giới trên thực tế được thuận lợi, bao gồm: 1) Nâng cao nhận thức về pháp luật bình đẳng giới cho các chủ thể để tất cả các chủ thể đều nắm được các quyền, nghĩa vụ của mình và của chủ thể khác. Việc giúp các chủ thể hiểu biết pháp luật bình đẳng giới là đảm bảo cho các chủ thể đạt được một số hiểu biết nhất định, qua đó tự điều chỉnh hành vi xử sự của mình trong

các quan hệ; giúp họ nhận thức, hiểu rõ bản chất ưu việt của pháp luật xã hội chủ nghĩa; thấy được pháp luật bình đẳng giới là phương tiện có hiệu lực sắc bén giúp bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp khỏi sự xâm hại của hành vi vi phạm pháp luật. Thực hiện pháp luật bình đẳng giới là quá trình giáo dục ý thức của các chủ thể có trách nhiệm trong thúc đẩy phụ nữ tham gia chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội,...; là xác định cụ thể về quyền và nghĩa vụ của họ đối với nhà nước, xã hội; 2) Giúp các chủ thể thấy được quyền, nghĩa vụ, hành vi được phép và không được phép làm để họ chủ động và tự giác thực hiện quyền, nghĩa vụ, ứng xử theo pháp luật một cách tự giác. Qua đó thúc đẩy các chủ thể tham gia tích cực vào việc thiết lập, bảo vệ trật tự, kỷ cương; đấu tranh phòng chống vi phạm pháp luật với tinh thần tự giác cao. Thực hiện pháp luật về bình đẳng giới còn gắn với quá trình giải quyết các vấn đề nảy sinh trong cuộc sống hàng ngày, giúp cho các chủ thể nắm được các tình huống pháp lý, cách xử sự đối với tình huống để tham gia tích cực vào các quan hệ pháp luật trong xã hội.

Sử dụng pháp luật là hình thức thực hiện pháp luật mà chủ thể pháp luật sử dụng các quyền năng pháp lý để bảo vệ các quyền hợp pháp khác của mình. Các quyền tự do này được pháp luật quy định dưới dạng tiềm năng mà chủ thể có thể thực hiện hoặc không thực hiện mà không bị pháp luật bắt buộc hoặc ngăn cấm. Như vậy, sử dụng pháp luật rộng hơn và bao hàm tuân thủ pháp luật. Hình thức này gắn với tổ chức thực hiện quy phạm pháp luật quy định hành vi được phép thực hiện. Vận dụng lý luận trên, nội dung sử dụng pháp luật bình đẳng giới là các cơ quan, tổ chức, gia đình, cá nhân thực hiện trên thực tế quyền năng pháp lý của mình được pháp luật quy định nhằm biến chúng thành hành vi thực tế, hợp pháp hoặc căn cứ vào quy định cho phép của pháp luật để thực hiện quyền, tự do pháp lý của mình. Nội hàm của nó gồm các hoạt động của chủ thể mang tính tích cực, chủ động, nhằm thực hiện quyền pháp lý, việc được phép làm và thuộc về quyền hạn của mình trong quan hệ với chủ thể khác một cách đúng đắn, không làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của chủ thể khác. Hình thức này giúp các cơ quan, tổ chức, gia đình, cá nhân biết được giới hạn hành vi mà pháp luật cho phép thực hiện, biết sử dụng pháp luật để tích cực, chủ động tham gia vào các quan hệ trong xã hội, để thực hiện

quyền và yêu cầu các chủ thể khác phải tôn trọng các quyền đó. Khi giới hạn các quyền bị xâm hại, đe dọa xâm hại hoặc không được tôn trọng, họ có thể yêu cầu các chủ thể hoặc cơ quan có thẩm quyền can thiệp buộc các chủ thể phải tôn trọng. Thực hiện tốt hình thức này là bảo đảm quan trọng để các quy phạm pháp luật cho phép được thực hiện trên thực tế.

1.3. Các yếu tố ảnh hưởng tới thực hiện pháp luật về bình đẳng giới.

1.3.1. Yếu tố chính trị

Đường lối chính trị của một quốc gia là nhằm xây dựng và bảo vệ lãnh thổ, bảo vệ độc lập dân tộc, xây dựng nền kinh tế phát triển, nền dân chủ thực sự. Đường lối chính trị đó phải được thể chế hóa trong Hiến pháp và pháp luật. Hiến pháp quy định chế độ chính trị, tổ chức hoạt động của các cơ quan nhà nước và tổ chức xã hội, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. Đó chính là cơ sở pháp lý để xây dựng một xã hội có cơ cấu tổ chức và chế độ chính trị hướng tới tôn trọng, bảo vệ quyền bình đẳng giới, quyền con người.

Ở Việt Nam, sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản là điều kiện tiên quyết bảo đảm Nhà nước Việt Nam là Nhà nước thực sự của dân, do dân và vì dân. Muốn dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa trong sự nghiệp phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, tạo điều kiện bảo đảm thực hiện, bảo vệ quyền bình đẳng giới, quyền con người, muốn đường lối, chính sách, Nghị quyết của Đảng trở thành hiện thực trong cuộc sống xã hội thì sự lãnh đạo của Đảng phải được thể chế hóa thành pháp luật.

1.3.2. Yếu tố kinh tế, văn hóa, xã hội

Yếu tố kinh tế: Phát triển kinh tế tạo cơ sở vật chất là một trong những điều kiện quan trọng bảo đảm thực hiện bình đẳng giới. Điều kiện kinh tế sẽ song hành với hiệu quả bảo đảm thực hiện bình đẳng giới. Nhưng muốn phát triển kinh tế thì đường lối, chính sách, cơ chế phải được cụ thể hóa trong pháp luật. Pháp luật sẽ tạo khuôn khổ môi trường pháp lý thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ phát huy được mọi tiềm năng, hạn chế các mặt tiêu cực, từ đó tạo điều kiện vững chắc cho việc thực hiện pháp luật về bình đẳng giới.

Yếu tố văn hóa – xã hội: Phát triển nền văn hóa giáo dục, nâng cao dân trí

cũng phải được thể chế hóa trong hệ thống pháp luật, bảo đảm cho con người được phát triển tự do và toàn diện, tạo điều kiện cho mọi người độc lập, nghiên cứu nâng cao nhận thức về mọi mặt, từ đó bảo đảm thực hiện pháp luật về bình đẳng giới.

Quan niệm văn hóa truyền thống, đó là hệ thống giá trị để phân biệt quốc gia này với quốc gia khác, dân tộc này với dân tộc khác...Chính vì vậy khi nói tới văn hóa là nói tới trình độ văn minh của một xã hội. Trình độ phát triển của một xã hội không hoàn toàn phụ thuộc vào số lượng, chất lượng của các đạo luật, mà phụ thuộc vào chỗ những quy định pháp luật có đi vào cuộc sống hay không. Ví dụ quy định về bình đẳng giới, quy định về xử phạt đối với những hành vi xâm phạm quyền bình đẳng giới có được thực hiện nghiêm minh hay không. Tư tưởng “trọng nam khinh nữ” cũng như quan điểm định kiến giới đã ăn sâu vào ý thức của cả nam giới và phụ nữ, đã in đậm trong cách sống hàng ngày, trong phong tục tập quán của người dân. Vì vậy, không thể làm thay đổi nhận thức của cả nam và nữ về vấn đề bình đẳng giới trong một sớm một chiều.

Thông tin, giáo dục, truyền thông về bình đẳng giới là điều kiện quan trọng nhằm nâng cao nhận thức về bình đẳng giới. Việc thông tin, giáo dục, truyền thông về bình đẳng giới được đưa vào chương trình giáo dục trong nhà trường, trong các hoạt động của cơ quan, tổ chức và cộng đồng. Việc thông tin, giáo dục, truyền thông về bình đẳng giới thông qua các chương trình học tập, các ấn phẩm, các chương trình phát thanh, truyền hình và các hình thức khác.

1.3.3. Yếu tố pháp luật

Yếu tố pháp luật có vai trò đặc biệt quan trọng mang tính quyết định đến việc thực hiện pháp luật về bình đẳng giới. Yếu tố pháp luật có ảnh hưởng đến thực hiện bình đẳng giới bao gồm: chất lượng của pháp luật thực định đối với bình đẳng giới; nhận thức và hiểu biết pháp luật của xã hội và của các tổ chức, cơ quan, gia đình và cá nhân.

Chất lượng của pháp luật thực định đối với bình đẳng giới là yếu tố đảm bảo đầu tiên để thực hiện pháp luật, bởi lẽ không có pháp luật có chất lượng sẽ rất khó khăn để đưa pháp luật vào cuộc sống, trở thành hiện thực. Muốn thực hiện pháp luật tốt, điều quan trọng nhất là phải có được hệ thống pháp luật có chất lượng, nếu

không sẽ rất khó khăn trong tổ chức thực hiện. Vì vậy, để thực hiện pháp luật bình đẳng giới thì hệ thống pháp luật về bình đẳng giới và pháp luật bình đẳng giới phải hoàn thiện. Đặc biệt, phải phù hợp với các điều ước quốc tế; ngôn ngữ và kỹ thuật soạn thảo văn bản phải dễ hiểu, dễ thực hiện phù hợp với trình độ và thuận tiện cho mọi chủ thể liên quan trong tiếp cận và sử dụng. Nội dung của pháp luật bình đẳng giới phải rõ ràng, công khai, minh bạch để các chủ thể dễ dàng tiếp cận, nắm bắt, hiểu biết và tự giác tổ chức thực hiện trên thực tế. Chính sách pháp luật về bình đẳng giới thể hiện trong các quy phạm pháp luật phải có đầy đủ điều kiện để bảo đảm tổ chức thực thi trên thực tế.

Nhận thức và hiểu biết pháp luật bình đẳng giới của xã hội là bảo đảm quan trọng trong thực hiện pháp luật bình đẳng giới. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam đòi hỏi pháp luật bình đẳng giới trong mọi lĩnh vực phải được các chủ thể, đặc biệt là cơ quan, cán bộ, công chức và cá nhân liên quan thực thi nghiêm chỉnh, thống nhất. Muốn vậy, các chủ thể phải nhận thức đầy đủ về pháp luật; đặc biệt, phải nâng cao nhận thức pháp luật các chủ thể trực tiếp thực thi, áp dụng pháp luật về bình đẳng giới. Nhận thức pháp luật bao gồm hiểu biết kiến thức cơ bản về pháp luật về bình đẳng giới; những yêu cầu, nguyên tắc mang tính mệnh lệnh, nghiêm cấm hoặc khuyến khích được làm của pháp luật. Việc hình thành kiến thức cơ bản về pháp luật giúp cho các chủ thể đạt được trình độ hiểu biết nhất định, hình thành lòng tin đối với pháp luật, tự giác điều chỉnh hành vi xử sự của mình trong các quan hệ xã hội; giúp họ hiểu rõ bản chất ưu việt của pháp luật và bản chất tốt đẹp của chế độ ta; thấy được pháp luật là công cụ có hiệu lực sắc bén trực tiếp bảo vệ quyền lợi của họ. Đây vừa là đảm bảo về mặt chủ quan để các chủ thể thực hiện pháp luật, vừa là mục tiêu cần phải đạt được trong thực hiện pháp luật bình đẳng giới.

Hình thành các thiết chế thực hiện pháp luật bình đẳng giới, hỗ trợ các chủ thể thực hiện pháp luật là bảo đảm về tổ chức thực hiện pháp luật bình đẳng giới trong mọi lĩnh vực. Các thiết chế thực hiện pháp luật bình đẳng giới là các tổ chức, cơ quan, gia đình, cá nhân có liên quan, điển hình như Bộ Tư pháp, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Ủy ban Quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội... mà trung tâm là Hội Liên hiệp Phụ nữ. Hệ thống tổ chức Hội Phụ

nữ được thành lập và hoạt động đến tận thôn, xóm, bản, tổ dân phố là sự thuận tiện về phương diện tổ chức để đưa pháp luật về bình đẳng giới đi vào cuộc sống, trở thành hiện thực trên thực tế và mang lại hiệu quả nhất vì nó giúp cộng đồng xã hội nâng cao hiểu biết pháp luật, ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật, góp phần phổ biến giáo dục pháp luật, bảo đảm công bằng xã hội. Vì vậy, hình thành các tổ chức chuyên trách vừa mang tính chất nhà nước, vừa mang tính chất xã hội là hết sức cần thiết để hỗ trợ các chủ thể thực hiện pháp luật bình đẳng giới. Các thiết chế hỗ trợ, giúp đỡ các chủ thể thực hiện pháp luật gồm: 1) Phối hợp với các tổ chức, cơ quan, cá nhân liên quan tuyên truyền, phổ biến và vận động nhân dân thực hiện chủ trương chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước liên quan đến bình đẳng giới; 2) Tham gia xây dựng và giám sát việc thực hiện luật pháp chính sách liên quan đến vấn đề bình đẳng giới nhằm tạo điều kiện để phụ nữ thực hiện bình đẳng và phát triển; 3) Đề xuất với Thủ tướng Chính phủ phương hướng, giải pháp để giải quyết những vấn đề liên quan đến bình đẳng giới trong các lĩnh vực...

1.3.4. Yếu tố nguồn lực

Yếu tố nguồn lực là điều kiện quan trọng để thực hiện pháp luật về bình đẳng giới; nhà nước cần có chủ trương tập trung nguồn lực và có chính sách huy động tối đa mọi nguồn lực trong nước, ngoài nước để đảm bảo và tăng cường thực hiện bình đẳng giới gồm: ngân sách nhà nước; đầu tư, đóng góp của các tổ chức, cá nhân, các tổ chức nước ngoài về tài chính, công sức, trí tuệ, kỹ thuật... Nhà nước quản lý trực tiếp các nguồn lực từ ngân sách nhà nước, từ các khoản viện trợ chính phủ; đồng thời có chính sách phù hợp huy động các nguồn lực, trong đó khuyến khích cơ quan, tổ chức, cá nhân hợp tác, giúp đỡ dưới mọi hình thức trong việc bảo đảm và tăng cường thực hiện pháp luật về bình đẳng giới.

Kết luận Chương 1

Thực hiện pháp luật về bình đẳng giới được hiểu là tổng thể các hoạt động có mục đích của các chủ thể nhằm hiện thực hóa các quy định của pháp luật về bình đẳng giới thành các hành vi thực tế, hợp pháp nhằm phát huy vai trò của pháp luật trong điều chỉnh các quan hệ xã hội.

Thực hiện pháp luật về bình đẳng giới bao gồm 3 nội dung sau đây:

Một là, Nhà nước nói chung và các cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền nói riêng triển khai các hoạt động tổ chức thực hiện và đưa chính sách pháp luật về bình đẳng giới vào cuộc sống.

Hai là, các cơ quan nhà nước và người có thẩm quyền tổ chức thực hiện các hoạt động áp dụng pháp luật bình đẳng giới và giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quá trình các chủ thể thực hiện quyền, nghĩa vụ hoặc xử lý các tranh chấp, vướng mắc, vi phạm pháp luật hoặc các sự kiện pháp lý khác phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện; khen thưởng, tôn vinh các hành vi tích cực.

Ba là, tổ chức và hỗ trợ để các chủ thể trong quá trình thực hiện pháp luật bình đẳng giới trên thực tế được thuận lợi.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

2.1. Các yếu tố đặc thù của thành phố Đà Nẵng ảnh hưởng đến thực hiện pháp luật về bình đẳng giới

2.1.1. Các yếu tố thuận lợi

Thành phố Đà Nẵng có diện tích tự nhiên là 1.283,42 km²; trong đó, các quận nội thành chiếm diện tích 241,51 km², các huyện ngoại thành chiếm diện tích 1.041,91 km². Đà Nẵng hiện tại có tất cả là 6 quận và 2 huyện là Hòa Vang và huyện đảo Hoàng Sa. Tổng số dân thành phố Đà Nẵng đến năm 2015 là 1.029.000 người. Dân cư sinh sống tại khu vực nội thị chiếm 86,9 % dân số toàn thành phố. Mật độ dân số của Đà Nẵng là 691,2 người/km². Dự tính với tốc độ tăng trưởng như hiện nay, Đà Nẵng sẽ đạt 1,6 triệu dân vào đầu năm 2020.

Đà Nẵng là thành phố phát triển năng động với cơ sở hạ tầng khá tốt. Đồng thời, Đà Nẵng cũng là trung tâm kinh tế, văn hoá, giáo dục, khoa học và công nghệ lớn nhất của khu vực Miền Trung - Tây Nguyên và là đô thị loại 1 trực thuộc Trung ương. Không chỉ là cửa ngõ của ba di sản văn hoá thế giới nổi tiếng như Cố đô Huế, Phố cổ Hội An và Thánh địa Mỹ Sơn, Đà Nẵng còn có một vị trí địa - chính trị hết sức đặc biệt: nằm ngay trên một trong những tuyến đường biển và đường hàng không quốc tế, là một trong những cửa ngõ quan trọng ra biển của Tây Nguyên và các nước Lào, Campuchia, Thái Lan, Myanmar đến các nước vùng Đông Bắc Á thông qua Hành lang kinh tế Đông Tây với điểm kết thúc là Cảng biển Tiên Sa. Đặc điểm về vị trí địa - chính trị đó đã tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển nhanh chóng và bền vững của Thành phố Đà Nẵng ở hiện tại và tương lai.

Đà Nẵng là vùng đất có truyền thống anh dũng, hùng anh trong chiến tranh; năng động, sáng tạo trong thời kỳ đổi mới; phụ nữ Đà Nẵng được đánh giá có tính cách mạnh mẽ, cần cù, chăm chỉ và khả năng lao động năng động với cường độ cao.

Đột phá về phát triển dịch vụ, nhất là dịch vụ du lịch và thương mại thực hiện đạt kết quả rõ nét; các công trình trọng điểm, công tác đền bù, giải tỏa, tái định

cư được tập trung chỉ đạo, đẩy nhanh tiến độ; các chính sách an sinh xã hội, đời sống của các tầng lớp nhân dân được quan tâm. Chính nhờ kinh tế - xã hội Đà Nẵng phát triển nên đời sống của nhân dân thành phố, trong đó có phụ nữ, ổn định và từng bước được nâng cao, là tiền đề quan trọng để thực hiện pháp luật về bình đẳng giới.

Điều đáng chú ý là ý thức thượng tôn pháp luật của người dân Đà Nẵng khá cao, thể hiện qua việc chấp hành tốt pháp luật trong tham gia giao thông (đội mũ bảo hiểm, đi theo làn xe...), giữ gìn và bảo vệ môi trường xanh, cải cách hành chính,... Chính điều này đã tác động hết sức thuận lợi đến việc thực hiện pháp luật về bình đẳng giới. Mặt khác, bình đẳng giới chỉ có thể đạt được khi quan điểm giới được lồng ghép trong luật pháp, trong các chính sách xã hội của các cấp các ngành và được hiện thực hóa trong cuộc sống. Đây chính là một trong những cản trở lớn nhất trong quá trình thực hiện bình đẳng giới, bởi lẽ không ít những chủ trương, chính sách hiện nay là trung tính. Do vậy, nâng cao kiến thức, thay đổi hành vi về giới cho các nhà lãnh đạo, cán bộ, người dân trong cộng đồng (bao gồm cả Nam giới và phụ nữ) góp phần tạo sự chuyển biến tích cực trong đời sống kinh tế - xã hội của thành phố, đặc biệt trong đời sống gia đình, phát huy dân chủ bình đẳng nam nữ, góp phần nâng cao vai trò vị thế của người phụ nữ trong gia đình và xã hội.

2.1.2. Các yếu tố bất lợi

Ảnh hưởng của tư tưởng “trọng nam khinh nữ” vẫn đang ăn sâu vào tiềm thức. Do cấu trúc thành phần dân cư đa dạng (có thành thị, nông thôn, người theo đạo, người không theo đạo, các tôn giáo khác nhau...) lại bị biến động lớn trong quá trình đô thị hoá, dẫn đến những khó khăn nhất định trong việc thực hiện bình đẳng giới. Đó là bởi các nhóm dân cư khác nhau có trình độ nhận thức khác nhau về bình đẳng nam nữ, đòi hỏi phải có những biện pháp tác động khác nhau, trong khi nguồn lực vật chất và con người của thành phố cho công tác này có hạn. Sự nhập cư của cư dân các địa phương khác, sự tăng lên về mật độ dân cư do kết quả của quá trình đô thị hoá cũng dẫn tới những bức xúc về điều kiện sống, sinh hoạt, làm việc, an sinh xã hội, từ đó làm tăng những vấn đề về bình đẳng giới, đặc biệt là sự phân biệt đối xử và bạo lực gia đình với phụ nữ. Tất cả những điều này là những thách

thức với thành phố Đà Nẵng trong việc thực hiện pháp luật về bình đẳng giới ở thời điểm hiện nay.

Tình trạng “núi kéo lẫn nhau” trong cán bộ nữ cũng là một trong những điều kiện gây bất lợi cho việc tham chính của cán bộ nữ. Đây cũng là nhận định của Bộ Chính trị (khóa X) nêu trong Nghị quyết 11-NQ/TW về “Công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”: “*Trong nội bộ phụ nữ còn có tình trạng núi kéo, chưa ủng hộ nhau*”. Tỷ lệ cán bộ nữ làm công tác quản lý, lãnh đạo còn thấp.

Một số văn bản hướng dẫn, thể chế hóa quy định của pháp luật liên quan đến bình đẳng giới chậm được ban hành. Việc triển khai quy định lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và đánh giá việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng và thẩm định các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật đạt kết quả chưa cao.

2.2. Thực trạng pháp luật của Nhà nước nói chung

Đà Nẵng đang trên con đường phát triển kinh tế xã hội theo định hướng xã hội chủ nghĩa, tạo những điều kiện thuận lợi nhất định đối với đời sống vật chất, tinh thần của người dân cũng như các hoạt động thực hiện pháp luật.

Có thể nói rằng, thực tiễn thực hiện pháp luật hiện nay có biểu hiện tương đối tốt. Thực hiện Đường lối của Đảng cộng sản Việt Nam, chính sách của nhà nước, sự quan tâm chỉ đạo của các cấp lãnh đạo, công tác tuyên truyền pháp luật của các cơ quan chức năng; tất cả những nhân tố đó đã tạo cho người dân một cái nhìn tổng quan và chính xác nhất về pháp luật, từ đó, người dân chấp hành, tuân thủ và thực hiện pháp luật một cách tự giác, chủ động và nghiêm chỉnh. Nhân dân ủng hộ nhiệt tình với các chủ trương của chính phủ, thành phố trong việc giải quyết dứt khoát, không tránh né dù đối tượng có cương vị, trọng trách cao đến đâu, cũng có nghĩa rằng nhu cầu công bằng xã hội được dư luận xã hội quan tâm, tán thành, ủng hộ. Không chỉ đem lại quyền lợi cho người dân mà thể hiện tính dân chủ của nhà nước. Điều này cũng cho thấy nhận thức về pháp luật của người dân đã được củng cố và nâng cao.

Sự phát triển về kinh tế với những chính sách kinh tế thuận lợi; đường lối chính trị đúng đắn, định hướng nhân cách con người; nét đẹp truyền thống và những đổi mới theo hướng tích cực, lối sống văn hóa cùng với các hệ thống pháp lý chặt chẽ đã tạo điều kiện cho người dân thực hiện pháp luật một cách hiệu quả nhất.

Bên cạnh những mặt tích cực trong thực tiễn hoạt động thực hiện pháp luật ở Đà Nẵng hiện nay thì trong thực tế vẫn còn tồn đọng một số hạn chế, bất cập trong quá trình thực hiện pháp luật. Mặc dù có sự chỉ đạo của các cơ quan chức năng có thẩm quyền, đường lối chính trị đúng đắn của nhà nước, tuy nhiên, vẫn tồn tại một bộ phận thực hiện pháp luật trái với quy định nhà nước, có thể gọi là vi phạm pháp luật. Điều này cho thấy ý thức pháp luật của những bộ phận này chưa cao, đã ảnh hưởng xấu tới sự ổn định và trật tự xã hội.

2.3. Thực trạng pháp luật về bình đẳng giới

Trong quá trình xây dựng và phát triển Thành phố, bình đẳng giới thực sự là vấn đề được quan tâm. Nhận thức về bình đẳng giới và sự quyết tâm thực hiện pháp luật về bình đẳng giới của lãnh đạo thành phố và của các cơ quan, ban ngành, đội ngũ cán bộ công chức cũng như nhân dân được nâng lên. Các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của nhà nước về bình đẳng giới được triển khai nghiêm túc, toàn diện.

Về mặt pháp lý, Thành uỷ, Hội đồng nhân dân (HĐND), Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố Đà Nẵng đã ban hành nhiều văn bản hướng dẫn, chỉ đạo cho việc thực hiện pháp luật về bình đẳng giới ở thành phố. Cụ thể như:

- Chương trình hành động số 17-CTr/TU ngày 08 tháng 8 năm 2007 của Thành uỷ Đà Nẵng thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW của Bộ Chính trị về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước;

- Quyết định số 2820/QĐ-UBND ngày 15 tháng 4 năm 2009 của Chủ tịch UBND thành phố ban hành Kế hoạch thực hiện Luật Bình đẳng giới và Nghị định số 70/2008/NĐ-CP của Chính phủ về việc triển khai thi hành Luật Bình đẳng giới trên địa bàn thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2009-2010;

- Quyết định số 4022/QĐ-UBND ngày 28 tháng 5 năm 2010 của UBND thành phố ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ và

Thành uỷ thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW của Bộ Chính trị về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước trên địa bàn thành phố Đà Nẵng đến năm 2020;

- Quyết định số 2146/QĐ-UBND ngày 22 tháng 3 năm 2011 của Chủ tịch UBND thành phố ban hành Chiến lược bình đẳng giới tại thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2011-2020;

- Quyết định số 6892/QĐ-UBND ngày 10 tháng 8 năm 2011 của Chủ tịch UBND thành phố ban hành Kế hoạch thực hiện bình đẳng giới tại thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2011-2015;

Bên cạnh việc ban hành các văn bản riêng, thành phố Đà Nẵng còn chú trọng lồng ghép yếu tố bình đẳng giới vào các văn bản pháp luật khác. Trung bình hàng năm, các cơ quan, ban ngành thành phố ban hành trên 40 văn bản quy phạm pháp luật. Trong quá trình thẩm định dự thảo văn bản, Sở Tư pháp thành phố đã chú trọng đánh giá việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới vào nội dung dự thảo văn bản. Nhờ vậy, hầu hết văn bản quy phạm pháp luật do các cơ quan, ban ngành của thành phố Đà Nẵng ban hành trong những năm gần đây đều bảo đảm yếu tố giới.

Cho đến nay, công tác thực hiện pháp luật về bình đẳng giới tại Đà Nẵng đã đạt được một số kết quả bước đầu, đó là: Các cấp các ngành có sự quan tâm vào cuộc, công tác quản lý nhà nước về bình đẳng giới được tăng cường; công tác phối hợp giữa các sở ngành và địa phương trong thực hiện pháp luật về bình đẳng giới ngày càng chặt chẽ và hiệu quả; việc thực hiện các mục tiêu, các chỉ tiêu chiến lược Quốc gia về bình đẳng giới cơ bản đạt kế hoạch đề ra, trong đó có một số lĩnh vực như: Lao động, việc làm, giảm nghèo, giáo dục và đào tạo, chăm sóc sức khỏe... Một số chỉ tiêu cụ thể như: Tỷ lệ nữ tham gia cấp ủy đảng các cấp trong nhiệm kỳ ngày càng tăng; trong đội ngũ cán bộ nữ lãnh đạo quản lý hiện nay có 02 đ/c là nữ giữ chức vụ UV BTV Thành ủy, có 55/400 cán bộ nữ được đề bạt, bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo thuộc diện BTV thành ủy quản lý. Hiện có 7/52 đồng chí lãnh đạo nữ là UVBCH Đảng bộ thành phố, chiếm 13,46%; có 14/88 đ/c là Giám đốc, Phó Giám đốc (chiếm 15,9%); đặc biệt có 24/119 đồng chí nữ được quy hoạch vào các chức danh chủ chốt của quận, huyện (tỷ lệ 20,1%); ở cấp phường, xã có 292/817 (tỷ

lệ 35,7%). Đến nay trên địa bàn thành phố có 27,29% doanh nghiệp do nữ làm chủ, hoạt động ở hầu hết mọi lĩnh vực ngành nghề, tỷ lệ lao động nữ được đào tạo nghề đạt 27%/30% kế hoạch giai đoạn, tỷ lệ nữ ở vùng nông thôn nghèo, vùng dân tộc thiểu số có nhu cầu được vay vốn ưu đãi từ các chương trình việc làm, giảm nghèo và các nguồn tín dụng chính thức đạt trên 97%, tỷ lệ biết chữ của nữ trong độ tuổi 15 - 45 đạt 99,46%, Đài Phát thanh Truyền hình thành phố, có chuyên mục, chuyên trang về bình đẳng giới phát định kỳ hàng tháng, 100% Đài truyền thanh quận, huyện và cơ sở xã, phường có chuyên mục nâng cao nhận thức về bình đẳng; Bên cạnh tỷ lệ phụ nữ mang thai được khám đủ 3 lần trong 3 kỳ thai nghén và tiếp cận dịch vụ chăm sóc, dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con tăng lên thì tỷ số giới tính khi sinh, tỷ lệ tử vong bà mẹ liên quan đến thai sản, tỷ lệ phá thai giảm mạnh; Có trên 95% nạn nhân bị bạo lực gia đình được phát hiện, được tư vấn về pháp lý và sức khỏe; trên 75% văn bản dự thảo có nội dung liên quan đến bình đẳng giới, bất bình đẳng giới, phân biệt đối xử về giới, lồng ghép vấn đề giới được góp ý thẩm định; trên 98% cán bộ chuyên trách làm công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ phụ nữ cấp thành phố và cấp quận, huyện được tập huấn nâng cao năng lực quản lý nhà nước về bình đẳng giới và kỹ năng hoạt động vì sự tiến bộ phụ nữ.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được của việc thực hiện pháp luật về bình đẳng giới, thì trong thực tế, nhận thức về bình đẳng giới có chuyển biến tích cực nhưng còn chậm, chưa sâu sắc và toàn diện. Giữa mong muốn, mục tiêu đề ra với thực tế thực hiện pháp luật về bình đẳng giới còn nhiều khoảng cách, con đường tiến tới bình đẳng giới thực chất vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức. Kết quả bầu cử đại biểu quốc hội Khóa XIV, tỷ lệ nữ đại biểu tuy có tăng hơn nhiệm kỳ trước nhưng vẫn còn thấp, Tỷ lệ nữ tham gia lãnh đạo trong các cơ quan cấp thành phố, quận, huyện, nhìn chung còn thấp; nhiều cơ quan chưa có phụ nữ tham gia trong ban lãnh đạo (cấp thành phố); Công tác tuyên truyền, phổ biến, vận động, giáo dục về giới, chính sách, pháp luật về bình đẳng giới chưa được thường xuyên; Công tác thống kê, phân tích dữ liệu giới còn hạn chế, một số chỉ tiêu đánh giá quy định trong mục tiêu chiến lược Quốc gia còn mang định tính rất khó xác định, nên chưa thể phân tích giới, lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong việc lập kế hoạch và

hoạch định một số chính sách cụ thể cũng như đánh giá đầy đủ hiệu quả của việc thực hiện pháp luật về bình đẳng giới; Nguồn lực cho hoạt động thực hiện pháp luật về bình đẳng giới ở các địa phương chủ yếu trông chờ vào ngân sách thành phố, hàng năm, tuy một số quận, huyện, có bố trí nguồn kinh phí sự nghiệp thực hiện công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ phụ nữ nhưng chỉ ở mức độ khiêm tốn, nhiều địa phương, đơn vị chưa bố trí nguồn kinh phí cho hoạt động này.

Chính vì vậy, tình hình thực hiện pháp luật về bình đẳng giới ở thành phố Đà Nẵng đòi hỏi cần phải được sự quan tâm, nỗ lực phấn đấu thực hiện của cả hệ thống chính trị, trong đó Nhà nước có vai trò trung tâm.

2.4. Thực tiễn thực hiện pháp luật về bình đẳng giới tại thành phố Đà Nẵng

Thực hiện pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị

Việc bảo đảm thực hiện pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị là rất quan trọng, bởi vì qua đó phụ nữ cũng như nam giới mới có điều kiện tự khẳng định vị trí của họ, vì khi tham gia vào quản lý ở các cấp tức là họ đã thực sự tham gia vào quyền lực nhà nước, đại diện cho mọi người nói chung và cho giới nói riêng trực tiếp tham gia vào công tác lập pháp và hoạch định chiến lược phát triển kinh tế-xã hội của địa phương.

Nhiều năm qua, Đà Nẵng đã ban hành các chủ trương, chính sách về bình đẳng giới để phụ nữ toàn thành phố có cơ hội phát huy tài năng của mình và tham gia những vị trí lãnh đạo chủ chốt các cơ quan Đảng, Nhà nước, chính quyền các địa phương, các đơn vị, doanh nghiệp... Những đảm bảo về mặt pháp lý đó đã và đang ngày càng tạo điều kiện cho phụ nữ thành phố Đà Nẵng tham gia các công tác xã hội, công tác quản lý, công tác lãnh đạo trong các cấp Đảng ủy cũng như tham gia vào quản lý của bộ máy nhà nước. Đặc biệt chú trọng đảm bảo tỷ lệ cán bộ nữ trong cơ cấu theo tinh thần Nghị quyết 11-NQ/TW của Bộ Chính trị với mục tiêu “Phấn đấu đến năm 2020, cán bộ nữ tham gia cấp ủy đảng các cấp đạt từ 25% trở lên; nữ đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp đạt từ 35% đến 40%. Thành phố đã triển khai đồng bộ nhiều chủ trương biện pháp để thực hiện như ban hành Đề án phát triển và tạo nguồn cán bộ nữ giữ các chức danh diện Ban Thường

Vụ Thành ủy quản lý đến năm 2020. Trong các nhiệm kỳ qua, tỷ lệ cán bộ nữ tham gia cấp ủy đều tăng hơn trước, cụ thể:

Bảng 2.1. Tỷ lệ nữ cấp ủy thành phố các nhiệm kỳ Đại hội

Đại hội	Nữ cấp ủy viên	Tổng số cấp ủy viên	Tỷ lệ (%)
Đại hội XVII (1997 - 2000)	03	45	6,7
Đại hội XVIII (2000 - 2005)	03	45	6,7
Đại hội XIX (2005 - 2010)	05	49	10,2
Đại hội XX (2010 - 2015)	04	55	7,3
Đại hội XXI (2015 - 2020)	07	52	13,46

Nguồn: Ban Tổ chức Thành ủy Đà Nẵng.

Bảng 2.2. Nữ đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố từ khóa VI đến khóa IX

Khóa	Đại biểu nữ/Tổng số đại biểu HĐND thành phố	Tỷ lệ (%)
Khóa VI (2005-2010)	11/45	24,4
Khóa VII (2010- 2015)	11/50	22
Khóa VIII (2011-2016)	14/50	28
Khóa IX (2016-2021)	12/49	24,5

Nguồn: Sở Nội vụ Thành phố Đà Nẵng.

Tỷ lệ cán bộ nữ diện Ban thường vụ Thành ủy quản lý luôn có xu hướng năm sau cao hơn năm trước (tính đến 3/2016, tổng số cán bộ diện Ban thường vụ Thành ủy quản lý 400 đồng chí, trong đó có 55 cán bộ nữ, chiếm tỷ lệ 13,75%). Ban Thường vụ Thành ủy Đà Nẵng đã quan tâm đúng mức đến công tác đề bạt, bổ nhiệm, giới thiệu bầu vào các chức danh Ban thường vụ Thành ủy quản lý, trong đó nữ 33 đồng chí (tỷ lệ 12%); các sở, ngành, quận huyện thường xuyên rà soát đội ngũ cán bộ, kịp thời bố trí, bổ nhiệm 1.285 cán bộ vào các chức danh theo phân cấp quản lý cán bộ, trong đó nữ 281 đồng chí, đạt 21,86%.

Bảng 2.3. Tỷ lệ nữ Ban Thường vụ cấp ủy thành phố các nhiệm kỳ Đại hội

Đại hội	Nữ	Tổng số UV BTV	Tỷ lệ (%)
Đại hội XVII (1997 - 2000)	01	10	10
Đại hội XVIII (2000 - 2005)	01	13	7,7
Đại hội XIX (2005 - 2010)	0	13	0
Đại hội XX (2010 - 2015)	0	15	0
Đại hội XXI (2015 – 2020)	02	15	13,3

Nguồn: Ban Tổ chức Thành ủy Đà Nẵng.

Ban Thường vụ thành ủy đã tập trung lãnh đạo thực hiện tốt công tác quy hoạch cán bộ, có biện pháp, chủ trương để đưa cán bộ nữ vào quy hoạch các chức danh cao hơn; nhiệm kỳ 2010-2015, quy hoạch Thành ủy khóa XXI gồm 58 đồng chí, trong đó nữ có 12 đồng chí, tỷ lệ 20,69% (khóa XX tỷ lệ nữ 10,81%); quy hoạch lãnh đạo cấp sở, ngành thành phố 236 đồng chí, trong đó nữ có 56 đồng chí, tỷ lệ 23,7% (khóa XX tỷ lệ nữ 13,58%); quy hoạch ban chấp hành đảng bộ quận huyện có 340 đồng chí, trong đó nữ có 24 đồng chí, tỷ lệ 36,17% (khóa XX tỷ lệ nữ 20,8%); đặc biệt có 119 đồng chí được quy hoạch vào các chức danh chủ chốt của quận, huyện có 24 nữ, tỷ lệ 20,1% (khóa XX tỷ lệ nữ 16,3%); ở cấp phường, xã, tổng số cán bộ quy hoạch ban chấp hành, các chức danh chủ chốt có 817 đồng chí, trong đó có 292 nữ, tỷ lệ 35,7% (khóa XX tỷ lệ nữ 27,13%).

Việc thi tuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp thuộc thành phố đã được UBND thành phố mạnh dạn triển khai từ năm 2006 đến nay. Có 28 lượt thi tuyển đã được tổ chức tại 13 cơ quan hành chính và 15 đơn vị sự nghiệp; qua đó, 91 người đã được bổ nhiệm vào các chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý với 53 cán bộ là nữ, chiếm 58,24%. Số lượng cán bộ nữ tập trung chủ yếu ở ngành giáo dục. Với định hướng mở rộng đối tượng thi tuyển, chính sách này được kỳ vọng sẽ nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, huy động được sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị tham gia vào sự nghiệp xây dựng và phát triển thành phố; đồng thời mở ra cơ hội cho những nữ công chức, viên chức có năng lực tham gia vào công tác quản lý, điều hành tại cơ quan, đơn

vị tại địa phương.

Hàng năm, Ban Thường vụ Thành uỷ đã chỉ đạo tổ chức đánh giá cán bộ, rà soát và bổ sung quy hoạch cán bộ, xem xét cơ cấu, bố trí cán bộ nữ ở các ngành, các lĩnh vực, đảm bảo tỷ lệ và chất lượng. Nhờ đó, số lượng cán bộ nữ lãnh đạo trong các cấp, các ngành tăng lên đáng kể.

Bảng 2.4. Số liệu cán bộ nữ đang giữ chức danh trưởng phòng, phó trưởng phòng các phòng, ban thuộc khối Đảng, đoàn thể

	Nữ	Tổng số	Tỷ lệ (%)
Khối Đảng thành phố	33	133	24,8
Khối đoàn thể thành phố	43	102	42,2
Khối Đảng quận, huyện	19	105	18,1
Khối đoàn thể quận huyện	35	97	36,1

Nguồn: Ban Tổ chức Thành uỷ Đà Nẵng.

Bảng 2.5. Số liệu cán bộ nữ đang giữ chức danh giám đốc, phó giám đốc sở; chủ tịch, phó chủ tịch UBND quận huyện; trưởng phòng, phó trưởng phòng sở ngành, UBND quận huyện; chủ tịch, phó chủ tịch Hội đồng nhân dân/Ủy ban nhân dân phường, xã

Chức danh	Nữ	Tổng số	Tỷ lệ (%)
Giám đốc, Phó giám đốc sở	14	88	15,9
Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND quận, huyện	4	37	10,8
Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng sở ngành, UBND quận, huyện	172	598	28,7
Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND/UBND phường/xã	58	245	23,6

Nguồn: Sở Nội vụ Thành phố Đà Nẵng.

Bên cạnh đó, công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nữ cũng được quan tâm. Giai đoạn 2010-2015 thành phố đã cử 1.421 lượt cán bộ nữ đi đào tạo chuyên môn trình độ Đại học, sau đại học; 1.873 lượt cán bộ nữ đi bồi dưỡng nghiệp vụ, quản lý nhà nước, tin học, ngoại ngữ...; Về đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị - hành

chính, từ năm 2010 đến nay, đã có 2.815 cán bộ, công chức được đào tạo lý luận chính trị (Trung cấp 2.056; cao cấp 759), trong đó có 1.082 cán bộ nữ, chiếm 38,44%; Nhằm tạo nguồn cán bộ trẻ lâu dài và chiến lược đến năm 2020, đến nay đã có 492 học viên cử đi học/522 lượt (trong đó có 422 đại học với 254 nữ, chiếm 60,1%; thạc sĩ, tiến sĩ 100 học viên, nữ chiếm 55%).

Công tác phát triển đảng viên nữ cũng luôn được quan tâm. Hầu hết các tổ chức cơ sở Đảng đều thường xuyên làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục, bồi dưỡng phát triển đảng viên nữ trong đoàn thanh niên, trong công nhân viên chức lao động ở các ngành. Trong giai đoạn 2010-2015, có 9.532 nữ trong tổng số 23.632 đảng viên mới kết nạp, chiếm tỷ lệ 40,3%.

Đến nay, đa số cán bộ nữ được đào tạo cơ bản về chuyên môn, nghiệp vụ và lý luận chính trị, 100% cán bộ nữ diện Thành ủy quản lý có trình độ từ đại học trở lên và đã qua chương trình đào tạo cao cấp chính trị. Trong quá trình thực hiện công tác cán bộ, các cấp ủy đảng, chính quyền các cấp đã có những quy định cụ thể về việc ưu tiên cho cán bộ nữ trong quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, đề bạt, thi tuyển, về tăng tỷ lệ nữ ở các cơ quan lãnh đạo của Đảng, Nhà nước, Mặt trận và các đoàn thể. Bên cạnh đó, các ngành, các địa phương cũng có sự quan tâm về vật chất và tinh thần đối với cán bộ nữ được cử đi đào tạo.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được trong sự nghiệp thực hiện bình đẳng giới. Trong lĩnh vực chính trị, con số thực chất đạt để tương xứng với vị thế, vị trí của lực lượng cán bộ nữ vẫn chưa đạt được so với mục tiêu đề ra.

Công tác qui hoạch cán bộ còn chưa được quan tâm đúng mức, dẫn đến thiếu cán bộ nữ kế cận cho nhiều vị trí lãnh đạo, quản lý và cũng là nguyên nhân khiến tỷ lệ nữ tham gia cấp ủy các khóa thấp.

Tỷ lệ cán bộ quản lý, lãnh đạo nữ còn thấp so với sự tăng lên cả về số lượng và chất lượng của lực lượng lao động nữ và so với cán bộ quản lý, lãnh đạo nói chung.

Theo bảng 1 cho thấy, cấp ủy thành phố Đà Nẵng chưa bao giờ đạt chỉ tiêu 15%, thậm chí nhiệm kỳ Đại hội lần thứ XX Đảng bộ thành phố còn giảm gần 3% so với nhiệm kỳ Đại hội lần thứ XIX Đảng bộ thành phố và cả hai nhiệm

kỳ này đều không có ủy viên ban thường vụ là nữ. Tỷ lệ nữ đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng ở các khóa, có thể thấy liên tiếp trong 4 nhiệm kỳ, Đà Nẵng chưa bao giờ đạt chỉ tiêu 30% nữ đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố đã nêu trong Chiến lược Quốc gia Vì sự tiến bộ của Phụ nữ Việt Nam (nay là Chiến lược Quốc gia về Bình đẳng giới).

Tính đến thời điểm 30/5/2016, thành phố Đà Nẵng có 2.476 cán bộ, công chức thuộc khối Nhà nước; trong đó nữ có 1.054 người (chiếm 42.57% trên tổng số). Trong khi đó, tỷ lệ cán bộ, công chức là nữ ở khối này được giao nhiệm vụ lãnh đạo, quản lý rất thấp (cao nhất chỉ được 28,7% ở cấp phòng). Tình hình này phù hợp với nhận định của Bộ Chính trị (khóa X) trong Nghị quyết 11-NQ/TW về *“Công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”*: *“Phụ nữ tham gia lãnh đạo, quản lý có tỷ lệ thấp, chưa tương xứng với năng lực và sự phát triển của lực lượng lao động nữ, nguồn cán bộ nữ hẫng hụt, ở một số lĩnh vực, tỷ lệ cán bộ nữ sụt giảm”*.

Cho đến nay, chưa có một văn bản nào của Chính phủ về thể chế hóa chủ trương của Đảng về quy hoạch phát triển cán bộ nữ trong phạm vi tổng thể toàn quốc - thậm chí trong phạm vi tổng thể toàn tỉnh/thành phố - về tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm và đề bạt cán bộ nữ trên cơ sở bình đẳng với nam giới, có tính đến điều kiện về giới. Một số chính sách cán bộ nữ trước đây còn nặng về huy động và khai thác sự đóng góp của phụ nữ chứ chưa chú ý đến trách nhiệm phải bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của họ. Ngoài ra chúng ta đang thiếu những chính sách cụ thể trong chiến lược xây dựng quy hoạch, đào tạo - bồi dưỡng, sử dụng và đề bạt cán bộ nữ cho phù hợp với từng ngành nghề cũng như thiếu chính sách giảm gánh nặng gia đình cho phụ nữ, nói khác đi là thiếu một hệ thống chính sách kinh tế - xã hội đồng bộ cho phụ nữ.

Các văn bản quy định về quyền bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị của phụ nữ còn rời rạc, tản mạn; chưa có bộ luật hay văn bản nào quy định riêng về quyền bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị của phụ nữ. Điều này dẫn đến việc thực thi các văn bản pháp luật không hiệu quả, hay nói cách khác, tính khả thi và hiệu lực của các văn bản pháp luật liên quan đến quyền bình đẳng giới trong lĩnh

vực chính trị của phụ nữ cần được xem xét thêm.

Công tác triển khai, phổ biến pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị thực sự chưa đạt hiệu quả, chưa phù hợp với từng đối tượng tham gia, chưa đều khắp đối với tất cả đối tượng cần thiết, mới chủ yếu tập trung ở bộ phận cán bộ làm công tác tổ chức cán bộ và cán bộ Hội Liên hiệp phụ nữ các cấp.

Thực hiện pháp luật bình đẳng giới trong lĩnh vực kinh tế, lao động, việc làm

Trên cơ sở Hiến pháp cũng như các nguyên tắc của Luật Bình đẳng giới, lãnh đạo Thành phố Đà Nẵng đã lãnh đạo và chỉ đạo các đơn vị, người sử dụng lao động không được sử dụng lao động nữ làm những công việc nặng nhọc, nguy hiểm hoặc tiếp xúc với chất độc hại có ảnh hưởng xấu tới chức năng sinh đẻ và nuôi con của lao động nữ; doanh nghiệp đang sử dụng lao động nữ làm các công việc nói trên phải có kế hoạch đào tạo nghề, chuyển dần những người lao động nữ sang công việc khác phù hợp, tăng cường các biện pháp bảo vệ sức khỏe, cải thiện điều kiện lao động hoặc giảm bớt thời gian làm việc đối với lao động nữ; người sử dụng lao động phải ưu tiên nhận phụ nữ vào làm việc khi người đó đủ tiêu chuẩn tuyển chọn làm công việc phù hợp với cả nam và nữ mà doanh nghiệp đang cần; Người sử dụng lao động không được sa thải hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với lao động nữ vì lý do kết hôn, có thai, nghỉ thai sản, nuôi con dưới 12 tháng tuổi; trừ trường hợp doanh nghiệp chấm dứt hoạt động. Lao động nữ được nghỉ trước và sau khi sinh con cộng lại là 4-6 tháng tùy theo điều kiện lao động, tính chất công việc nặng nhọc, độc hại và nơi xa xôi, hẻo lánh. Nếu sinh đôi trở lên thì từ con thứ hai trở đi, cứ mỗi con người mẹ nghỉ thêm 30 ngày.

Theo Điều tra lao động - việc làm của Cục thống kê thành phố, tỷ lệ lao động nữ đã chiếm 49,07% trong số người làm công ăn lương từ các lĩnh vực sản xuất - kinh doanh; Số chủ cơ sở sản xuất - kinh doanh là nữ chiếm 27,29%; tỷ lệ lao động nữ làm kinh tế hộ gia đình chiếm 49,42%. Mặc dù các số liệu thống kê cũng chỉ ra có một tỷ lệ lớn lao động nữ còn làm các công việc giản đơn (53,64%). Tỷ lệ lao động tham gia hoạt động khoa học và công nghệ thì nữ chiếm 34% và nam chiếm 66%; quản lý nhà nước về an ninh, quốc phòng, bảo đảm xã hội thì nữ chiếm 24,7% và nam chiếm 75%. Tuy vậy, có một số công việc vốn được coi là “truyền thống”

của phụ nữ thì tỷ lệ nữ tham gia vẫn còn rất cao. Chẳng hạn, tỷ lệ lao động làm việc trong lĩnh vực khách sạn, nhà hàng chiếm 71,6%, trong khi nam giới chỉ chiếm 28,4%; giáo dục đào tạo, nữ chiếm 69,2% và nam chiếm 30,8%; y tế và cứu trợ xã hội, nữ chiếm 59,6%, nam chiếm 40,4%.

Nhìn chung, phân bố cơ cấu nam, nữ trong các ngành nghề cho thấy, nam giới vẫn thường chiếm tỷ lệ cao hơn ở những nhóm việc như công nhân, lãnh đạo, dịch vụ cá nhân, công việc chuyên môn kỹ thuật và lực lượng vũ trang. Phụ nữ thường chiếm tỷ lệ cao ở một số nhóm nghề khác như nông nghiệp, buôn bán nhỏ, nhân viên văn phòng.

Vị thế việc làm của lao động nữ cũng có sự thay đổi tích cực. Trong 5 năm qua, từ 2010 đến 2015, nhóm lao động làm công ăn lương tăng rất mạnh trong cơ cấu phân bố lao động, từ 18,6% (2010) lên tới 30% (2015), trong đó lao động nam chiếm 50,03% và lao động nữ chiếm 49,07% (2015). Tỷ trọng lao động nữ trong số người làm công ăn lương tăng mạnh thể hiện sự thay đổi theo hướng giảm sự bất bình đẳng giới về việc làm có thu nhập ổn định giữa nam và nữ. Đây là một chỉ số quan trọng để đánh giá tình hình bình đẳng giới của Đà Nẵng có nhiều tiến bộ; giảm tỷ lệ thất nghiệp lao động nữ thành thị xuống còn 4,75%. Tổ chức 132 phiên giao dịch việc làm, trong đó có 23 phiên giao dịch di động tại các địa phương có di dời, giải tỏa, qua đó đã giới thiệu, giải quyết việc làm cho 42.690 lao động, trong đó có nhiều lao động nữ, lao động vùng nông thôn, vùng dân tộc thiểu số, lao động khuyết tật.

Ngoài ra, lãnh đạo thành phố đã có nhiều chủ trương, giải pháp tạo việc làm (trong chương trình xây dựng thành phố “3 có”(Có nhà ở, Có việc làm, Có nếp sống văn hoá văn minh đô thị)) và cải thiện đời sống cho phụ nữ ở nông thôn, khu vực giải tỏa, tái định cư, lao động nữ dôi dư khi cổ phần hoá các doanh nghiệp nhà nước, đào tạo nghề cho lao động nữ; đồng thời có chính sách về nhà ở, chăm lo đời sống văn hoá, tinh thần, bảo vệ quyền lợi cho lao động nữ làm việc tại các khu công nghiệp trên địa bàn thành phố.

Tuy nhiên, thực trạng thực hiện pháp luật bình đẳng giới trong lĩnh vực lao động, việc làm ở Đà Nẵng vẫn còn những hạn chế, bất cập đó là:

- Về tiêu chuẩn, độ tuổi khi tuyển dụng: Về tiêu chuẩn, độ tuổi khi tuyển

dụng người lao động theo Bộ luật lao động 2012 quy định việc tuyển dụng nam, nữ trong các nghề là bình đẳng. Tuy nhiên, trong hầu hết các nghề mà pháp luật không cấm, trên thực tế vẫn thấy rằng nữ lao động vẫn không được tuyển dụng nhiều hơn nam. Nhiều doanh nghiệp tuyển dụng lao động nữ lại đưa thêm các quy định về điều kiện tuyển dụng ngoài pháp luật lao động như: lao động nữ được tuyển dụng sau một thời gian nhất định mới được kết hôn hoặc mới được phép sinh con.

- *Về tiền lương và thu nhập*: do tiền lương và tiền công phụ thuộc vào kết quả lao động và hiệu quả kinh tế nên vấn đề này đã bảo đảm được tính công bằng không có sự phân biệt đối xử về giới. Tuy nhiên, trung bình tiền lương chính của lao động nữ vẫn thấp hơn so với lao động nam do nữ giới có trình độ trung bình thấp hơn so với nam giới nên phải làm những công việc có lương thấp hơn so với nam. Vì vậy, để đạt được bình đẳng giới cần phải có chính sách giáo dục đào tạo, bồi dưỡng trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho lao động nữ, phát triển nguồn nhân lực, đào tạo nghề cho lao động nữ.

Vấn đề quan tâm hiện nay là chất lượng công việc của lao động nữ vì chủ yếu các chị em vẫn chiếm số đông ở những lĩnh vực không đòi hỏi chuyên môn kỹ thuật cao, có thu nhập thấp và việc làm bấp bênh, độ rủi ro cao. Trong các ngành nghề đã có sự chuyển dịch lớn về cơ cấu lao động, nhưng vẫn thể hiện sự bất bình đẳng về giới, thể hiện qua tỷ lệ lao động nữ trong khu vực nông – lâm – ngư nghiệp dù có chiều hướng giảm nhưng xét về cơ cấu giới thì vẫn còn rất cao. Trong tất cả các ngành nghề và lĩnh vực, thu nhập của nữ chỉ bằng 74,5% so với nam. Trong một số ngành cụ thể, như nhóm nghề có chuyên môn kỹ thuật bậc trung, phụ nữ có thu nhập bằng 81,5% so với nam giới có cùng trình độ, hoặc ngay cả một số nghề, tỷ lệ tham gia của lao động nữ đã tăng (như công nghiệp chế biến), nhưng so về thu nhập vẫn ít hơn lao động nam; ở trong các khu vực kinh tế Nhà nước, tư nhân, kinh doanh cá thể, tập thể, vốn đầu tư nước ngoài thì vấn đề này vẫn là tình trạng chung. Nguyên nhân có thể đề cập trước hết là do sự cách biệt về trình độ chuyên môn kỹ thuật, bậc học càng lớn, cách biệt càng cao, dẫn đến tính cạnh tranh của lao động nữ không cao. Xuất phát từ nhiều góc độ khác nhau nhưng cuối cùng lao động nữ luôn gặp thiệt thòi hơn, họ khó tránh khỏi những rủi ro dễ vấp phải trong nền kinh tế thị

trường và hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay.

Thực hiện pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo

Chính sách giáo dục ở nước ta hiện nay được coi là chính sách quan trọng và luôn được Đảng và Nhà nước xác định một cách nhất quán là quốc sách hàng đầu; đầu tư cho giáo dục là đầu tư cho phát triển và mục tiêu của giáo dục là không ngừng nâng cao năng lực của mọi công dân, không phân biệt nam nữ. Nhờ vậy, Việt Nam đã đạt được những thành tựu to lớn trong việc nâng cao dân trí và chất lượng nguồn nhân lực, tỷ lệ dân số biết chữ cao hơn so với các nước có cùng trình độ phát triển. Đặc biệt, chính sách giáo dục đối với phụ nữ đã có sự quan tâm kịp thời.

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng kêu gọi: "Phụ nữ lại càng cần phải học, đã lâu chị em bị kìm hãm, đây là lúc chị em phải cố gắng để kịp nam giới". Hiến pháp Việt Nam công nhận quyền bình đẳng giữa nam và nữ trong giáo dục và đào tạo. Trẻ em trai và trẻ em gái, phụ nữ và nam giới đều có quyền tham gia vào tất cả các cấp giáo dục của xã hội

Đối với thành phố Đà Nẵng, mục tiêu nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nữ, từng bước bảo đảm sự tham gia bình đẳng giữa nam và nữ trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trong Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2010 - 2020, trong 05 năm qua bình đẳng giới trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo được thể hiện như sau:

Thành phố chú trọng triển khai tốt chương trình xoá mù chữ và phổ cập tiểu học, trung học cơ sở cho phụ nữ, nhất là địa bàn các xã miền núi, phường ven biển. Đến nay, tỷ lệ phụ nữ độ tuổi 15-45 biết chữ là 186.353/187.354 người, đạt 99,46%. Trong những năm gần đây, thành phố đã duy trì được kết quả phổ cập tiểu học và THCS đúng độ tuổi ở 100% xã phường, hoàn thành phổ cập giáo dục bậc trung học có 55/56 xã phường, đạt tỷ lệ 98,21%, 56/56 xã phường và 7/7 quận, huyện đạt chuẩn xoá mù chữ (đạt 100%).

Sở Nội vụ tham mưu UBND thành phố ban hành nhiều chính sách về công tác cán bộ, chính sách đào tạo, thu hút cán bộ, công chức, trong đó có lồng ghép các nội dung về bình đẳng giới nhằm tạo điều kiện cho cán bộ, công chức nữ được nâng cao năng lực và tham chính. Hàng năm, thành phố cử gần 3.500 lượt cán bộ, công

chức đi đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ, trong đó cán bộ nữ chiếm khoảng 40%, có 167/372 cán bộ nữ được đào tạo sau đại học, chiếm 44,9%; có 5.351/13.052 cán bộ được cử đi đào tạo chuyên môn nghiệp vụ, quản lý nhà nước, ngoại ngữ, tin học... chiếm 41%; đào tạo cao cấp lý luận chính trị trên 30%; bồi dưỡng kỹ năng quản lý điều hành cán bộ nữ chiếm 32%.

Ngành cũng chú trọng đến công tác quy hoạch đội ngũ cán bộ, trong đó đặc biệt quan tâm đến đội nữ cán bộ quản lý, nữ giáo viên trẻ, có năng lực, có hướng phát triển bổ sung vào đội ngũ cán bộ quy hoạch, kế cận hàng năm. Toàn thành phố có 01 Phó giám đốc Sở, 03/10 Trưởng phó phòng Sở, 03/07 Trưởng phòng, 06/19 Phó trưởng phòng các phòng Giáo dục và đào tạo quận, huyện; 04/19 hiệu trưởng, 20/51 phó hiệu trưởng trường THPT, 01/08 Giám đốc, 05/11 Phó giám đốc các Trung tâm Giáo dục thường xuyên là cán bộ nữ và tất cả Ban giáo hiệu các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở đều có nữ tham gia. Riêng năm 2015, Sở Giáo dục và đào tạo đề nghị ủy ban nhân dân thành phố bổ nhiệm 01 Phó giám đốc Sở bổ nhiệm 03 nữ và bổ nhiệm 03 nữ cán bộ quản lý các đơn vị, trường học.

Đặc biệt, ngành Giáo dục và Đào tạo đã chú trọng đến công tác đào tạo Sau đại học, đào tạo nghiệp vụ quản lý trường học cho đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục các cấp để có được đội ngũ cán bộ công chức viên chức có trình độ cao, đáp ứng với yêu cầu phát triển giáo dục và đào tạo; trong đó, tạo điều kiện đến cán bộ công chức viên chức nữ được tham gia học tập.

Nhờ làm tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng nên 100% cán bộ, giáo viên các bậc học đạt trình độ chuẩn hóa, trong đó có trên 85% trở lên đạt trình độ trên chuẩn; có 659 thạc sĩ (có 492 nữ, tỷ lệ 74,7%) và 8 tiến sĩ (có 01 nữ); 08 cán bộ, giáo viên (03 nữ, 37,5%) tham gia nghiên cứu sinh và 83 cán bộ, giáo viên (65 nữ, 78,3%) học cao học các chuyên ngành tại các trường đại học trong và ngoài nước.

Tuy nhiên, thực tế cho thấy, ở các cấp học càng cao thì khoảng cách giới càng lớn. Đặc biệt, đối với phụ nữ vùng nông thôn, vùng sâu và vùng xa thì vấn đề này lại càng trở nên cấp bách hơn. Các hiện tượng bỏ học cũng chủ yếu tập trung vào trẻ em gái và trong gia đình nghèo, cơ hội đến trường của các em gái còn thấp hơn nhiều so với các em trai. Sự khác biệt giới nêu trên đối với nhóm gia đình

nghèo, đời sống thấp và nhóm dân tộc thiểu số có nguyên nhân chi phí giáo dục, mức chi tiêu cho giáo dục những năm gần đây hầu như tăng gấp đôi ở mọi cấp học, nhưng nguyên nhân chính là nhóm này mang khá nặng tư tưởng định kiến giới, nên khi quyết định đầu tư giáo dục cho con cái thường có sự thiên vị đối với con trai. Họ quan niệm rằng, con trai sẽ có triển vọng và có được việc làm tốt hơn con gái khi có cùng trình độ học vấn, do đó ở cấp học càng cao thì sự có mặt của trẻ em gái càng ít đi cũng là điều dễ hiểu.

Hơn nữa, với tiến bộ của khoa học và công nghệ như hiện nay, nếu phụ nữ không được đào tạo và nâng cao trình độ thì khó có thể thích ứng với điều kiện làm việc và tăng hiệu quả lao động. Đặc biệt, trong kinh tế thị trường, nhiều nhóm ngành nghề đòi hỏi trình độ chuyên môn cao, việc phụ nữ bị tụt hậu quá xa sẽ là nguyên nhân dẫn đến sự thua kém của họ trong tìm kiếm việc làm và thu nhập.

- Thực hiện pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực khoa học và công nghệ

Trong điều kiện kinh tế xã hội phát triển, phụ nữ có nhiều cơ hội thuận lợi để phát huy tốt vai trò và vị thế của mình, nền tảng chính trị của đất nước ổn định là cơ hội hàng đầu đảm bảo cho phụ nữ phấn đấu tiên bộ, bình đẳng phát triển. Kinh tế tri thức đặt ra yêu cầu cao đòi hỏi người lao động phải có khả năng thường xuyên tiếp nhận tri thức mới. Do vậy, người phụ nữ có điều kiện học tập nâng cao trình độ là một cơ hội lớn. Tiến bộ khoa học kỹ thuật phát triển làm giảm bớt thời gian nội trợ của phụ nữ. Do đó, phụ nữ có nhiều thời gian tham gia các hoạt động xã hội khác nhau.

Tuy nhiên, Sự phát triển nhanh chóng của khoa học - công nghệ, đặc biệt là sự bùng nổ của công nghệ thông tin dẫn đến những biến đổi sâu sắc về kinh tế, xã hội những sự thay đổi quan trọng về cơ cấu ngành nghề, những đòi hỏi mới rất cao về trình độ và kỹ năng lao động, đồng thời cũng dẫn đến những chênh lệch ngày càng lớn về thu nhập giữa lao động trong các ngành nghề, giữa các loại lao động với hàm lượng tri thức khác nhau. Trong bối cảnh đó, đều phải đối mặt với nguy cơ là sẽ tăng tỷ lệ phụ nữ bị đứng ngoài lề so với sự phát triển chung, sẽ ngày càng ít phụ nữ được đào tạo và đào tạo lại ở mức đủ trình độ, kỹ năng hoạt động trong các

ngành nghề ứng dụng kỹ thuật, công nghệ cao. Điều đó đòi hỏi nhà nước phải có các chính sách đặc biệt, có tầm nhìn chiến lược theo quan điểm bình đẳng giới trong quá trình chuyển đổi cơ chế ngành nghề kinh tế - kỹ thuật nhằm xoá định kiến nghề nghiệp trên cơ sở giới tính trong các cơ sở giáo dục, đào tạo, trong các địa chỉ sử dụng lao động và trong cộng đồng nói chung.

Thực hiện pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực y tế

Khi nói đến bình đẳng giới trong lĩnh vực Y tế, phải xác định hai nhóm mục tiêu phải thực hiện.

Thứ nhất là nhóm mục tiêu thực hiện sự bình đẳng giới trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe cho mọi người nói chung. Nhằm đảm bảo bình đẳng giới trong tiếp cận và thụ hưởng dịch vụ chăm sóc sức khỏe; ngành Y tế cũng đặt mục tiêu nâng cao nhận thức bình đẳng giới cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong ngành; hỗ trợ giảm thiểu hậu quả đối với sức khỏe là nạn nhân bạo lực gia đình.

Thứ hai là nhóm chỉ tiêu về đảm bảo quyền bình đẳng với cán bộ y tế với việc tăng cường sự tham gia của phụ nữ vào các cương vị lãnh đạo, quản lý trong toàn ngành nhằm từng bước giảm dần khoảng cách về giới trong lĩnh vực này.

Xác định hai nhóm mục tiêu trên, trong thời gian qua, nhóm mục tiêu quốc gia nhằm bảo đảm bình đẳng giới giữa nam và nữ trong tiếp cận và thụ hưởng dịch vụ chăm sóc sức khỏe được thành phố quan tâm như:

Ban hành kịp thời các văn bản triển khai Chiến lược Dân số, sức khỏe sinh sản giai đoạn 2011-2020, tích cực triển khai thực hiện đề án can thiệp giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh và tăng cường kiểm tra, giám sát nhằm kiểm soát tỷ số giới tính khi sinh. Lồng ghép truyền thông và nâng cao nhận thức về sức khỏe sinh sản (SKSS), sức khỏe tình dục và phòng chống HIV/AIDS cũng như thiết lập và duy trì mạng lưới cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục cho vị thành niên, phụ nữ và nam giới trong phạm vi toàn thành phố.

Sở Y tế đã đưa việc duy trì tỷ số giới tính khi sinh thành nhiệm vụ trọng tâm của ngành y tế, trong đó có nội dung 100% các cơ sở y tế cam kết không thông báo giới tính thai nhi cho phụ nữ có thai và người thân của họ và không loại bỏ thai nhi

vì lý do giới tính, kết quả tỷ số giới tính khi sinh <110 trẻ sơ sinh trai/100 trẻ sơ sinh gái. và đã tổ chức kiểm tra 80% hoạt động này tại các cơ sở y tế công lập và ngoài công lập. Đã thiết lập hệ thống chăm sóc sức khỏe sinh sản về cấp cứu sản khoa, làm mẹ an toàn. Thường xuyên mở các lớp đào tạo, đào tạo lại nhằm nâng cao kỹ năng cho người đỡ đẻ và các nội dung chăm sóc thiết yếu bà mẹ và trẻ sơ sinh trong và sau khi đẻ. Các cơ sở y tế đã được trang bị đầy đủ các trang thiết bị, cơ sở thuốc thiết yếu theo quy định của Bộ Y Tế, do vậy mà trong 4 năm liên tục 2011-2015 không có tử vong mẹ liên quan đến tai biến sản khoa, thực hiện tốt nhiệm vụ đỡ đẻ và chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em từ tuyến cơ sở đến tuyến thành phố. Ngoài ra, nhiều dịch vụ chăm sóc sức khỏe được thực hiện và mở rộng như khu khám chữa bệnh phụ khoa, chăm sóc thai sản, cung cấp các dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, mạng lưới cung cấp thuốc chữa bệnh thuận tiện... Thành phố đầu tư xây dựng Bệnh viện Phụ nữ, thành lập Bệnh viện Phụ sản – Nhi, tạo điều kiện thuận lợi về cơ sở vật chất cho chị em phụ nữ được chăm sóc điều trị theo hướng chuyên khoa sâu;

Thành phố tiếp tục tăng cường nhân lực cho tuyến y tế cơ sở. Sở Y tế giao Bệnh viện Đà Nẵng và các bệnh viện chuyên khoa có trách nhiệm luân chuyển, hỗ trợ tuyến và tăng cường bác sĩ từ các Trung tâm y tế cho các trạm y tế thiếu bác sĩ theo lịch 1-3 buổi/tuần; đảm bảo 100% các trạm y tế đều có nữ hộ sinh. Ngành y tế thường xuyên tổ chức đào tạo, tập huấn về chuyên môn cho cán bộ tuyến y tế cơ sở, cán bộ y tế thôn; có kế hoạch tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho lao động nữ trong các ngành nghề nặng nhọc, độc hại. Tổ chức tập huấn chuyên môn cho các đơn vị y tế tại doanh nghiệp, chú trọng đến việc khám sức khỏe cho lao động nữ tại cơ quan.

Có chính sách ưu đãi đối với bác sĩ công tác tại trạm y tế phường, xã; có chính sách hỗ trợ 100% chi phí khám, chữa bệnh đối với phụ nữ thuộc diện hộ nghèo có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn và phụ nữ nghèo bị bệnh ung thư; hỗ trợ 80% chi phí khám, chữa bệnh tại bệnh viện sau khi trừ đi phần chi của BHYT đối với phụ nữ thuộc diện hộ nghèo khi khám, chữa bệnh tại Bệnh viện Phụ nữ. Đã có trên 500 lượt phụ nữ nghèo và đặc biệt nghèo được khám chữa bệnh.

Kết quả đến nay, tỷ lệ phụ nữ thành phố được tiếp cận với dịch vụ y tế đạt

100%; tỷ lệ phụ nữ mang thai tiếp cận dịch vụ chăm sóc và dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con 100%; tỷ lệ phụ nữ khám thai đủ 3 lần đạt 99,6%.

Hoạt động truyền thông chuyển đổi hành vi thông qua tư vấn, tập huấn, nói chuyện chuyên đề, tọa đàm, hội thảo, xây dựng phóng sự, chuyên trang về công tác dân số-KHHGĐ, về dự án Phòng chống HIV/AIDS được đẩy mạnh; hoạt động chăm sóc sức khỏe sinh sản và cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em được chú trọng. Trong năm 2015, các cơ quan chức năng của thành phố đã tổ chức nói chuyện trực tiếp, in và cấp phát 30.000 tờ rơi về chăm sóc sức khỏe sinh sản vị thành niên cho các trường THPT trên địa bàn thành phố; 100% các trường trung học cơ sở và trung học phổ thông thực hiện tốt chương trình giáo dục ngoại khoá về giới tính, chăm sóc sức khỏe trẻ em gái, sức khỏe sinh sản vị thành niên... nhờ đó mà đã giảm tỷ lệ phá thai từ 50,2% năm 2010 xuống còn 38,9% năm 2015.

Ngoài ra, thành phố cũng đẩy mạnh hoạt động nâng cao nhận thức về bình đẳng giới cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong ngành y tế; hỗ trợ giảm thiểu hậu quả đối với sức khỏe của người bệnh là nạn nhân của bạo lực gia đình.

Bên cạnh các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho phụ nữ của thành phố, Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ các sở ngành, đoàn thể duy trì thường xuyên hoạt động tổ chức khám chữa bệnh định kỳ cho 100% cán bộ, công chức, lao động nữ tại đơn vị.

Thành phố tăng cường sự tham gia của phụ nữ vào các cương vị lãnh đạo, quản lý trong ngành nhằm từng bước giảm dần khoảng cách về giới. Tỷ lệ cán bộ nữ trong tổng số cán bộ lãnh đạo quản lý của ngành: Ban giám đốc Sở: 01/05, chiếm 20%; Trưởng phòng, phó phòng chuyên môn của Sở: 04/13, chiếm 30%; ban giám đốc các đơn vị trực thuộc: 16/77, chiếm 20%. Trong công tác tuyển chọn luôn có ưu tiên đối tượng nữ, không có sự phân biệt về giới trong tiêu chí tuyển dụng; xem xét, bố trí và sử dụng công chức viên chức nữ vào các vị trí quản lý, trưởng, phó các Khoa, Phòng; đào tạo, bồi dưỡng và xây dựng đội nữ cán bộ, công chức có phẩm chất và năng lực; thực hiện chế độ chính sách tạo điều kiện cho họ hoàn thành nhiệm vụ được giao và có cơ hội phát triển đối với nữ công chức, viên chức và người lao động như chế độ nghỉ ốm, nghỉ thai sản, 100% được khám sức khỏe theo định kỳ.

Tuy nhiên, thực hiện pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực này còn những khó khăn, hạn chế đặt ra hiện nay đó là: vẫn còn nhiều định kiến về giới trong xã hội, gia đình và ngay bản thân người phụ nữ, do đó, người phụ nữ thường gặp khó khăn hơn trong tiếp cận, sử dụng dịch vụ y tế. Hiện nay, toàn ngành Y tế có hơn 66% lực lượng lao động là nữ, nhưng vị thế của chị em cả trong chuyên môn cũng như trong cương vị quản lý hoặc là cương vị lãnh đạo các tổ chức, đoàn thể hiện là biểu đồ hình chóp nón (ở đáy lao động đơn giản, chức vụ thấp chiếm số đông, còn lên cao, những người có trình độ cao, cương vị lãnh đạo cao thì càng giảm).

Thực trạng này có nhiều lý do khác nhau do phụ nữ phải sinh nở, chăm con nên thời gian để cống hiến và đáp ứng những yêu cầu về các quy định liên quan đến đào tạo, bổ nhiệm là rất ngắn. Ngoài ra, còn có đặc điểm về mặt thể chất mang tính sinh học cũng ảnh hưởng phần nào đến vị thế của người phụ nữ. Ví dụ, người phụ nữ thường cần mẫn, tỉ mỉ, chi tiết ân cần nên phù hợp với những công việc mang tính phổ thông như điều dưỡng. Rồi điều kiện học hành cũng bị hạn chế trong khi các ngành chuyên môn đòi hỏi trình độ cao mới được ghi nhận...

Thực hiện pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực văn hoá, thông tin, thể dục, thể thao

Cùng với sự tăng trưởng của kinh tế, các loại hình văn hoá, văn nghệ, thể dục, thể thao tại Đà Nẵng ngày càng phát triển phong phú và đa dạng nhân kỷ niệm những ngày lễ lớn đã được tổ chức đều khắp trên địa bàn. Công tác xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở được đẩy mạnh và tăng cường, chú trọng tổ chức có hiệu quả các hoạt động văn hóa văn nghệ, lễ hội văn hóa - thể thao truyền thống, các lễ hội cộng đồng định kỳ. Chỉ đạo, hướng dẫn cơ sở đẩy mạnh phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa". Phong trào xây dựng khu phố, cơ quan, gia đình văn hóa trên địa bàn thành phố đã được chú trọng và có hiệu quả tốt.

Đà Nẵng cũng khẳng định vị thế của mình qua việc tổ chức và đăng cai các sự kiện quốc tế như Cuộc thi Trình diễn pháo hoa Quốc tế Đà Nẵng; cuộc thi marathon quốc tế; cuộc thi đường chạy sắc màu, cuộc đua Iron Man70.3 và các hội nghị quốc tế... đặc biệt tham gia cuộc đua thuyền buồm quốc tế Clipper Race 2015 –

2016, tổ chức chương trình đại hội thể thao bãi biển châu Á năm 2016 và hướng đến chuẩn bị tổ chức tuần lễ cấp cao APEC năm 2017.

Hoạt động thể dục, thể thao phong trào và công tác tổ chức thi đấu, tham gia các giải thi đấu thể thao thành tích cao hằng năm đã thu được những kết quả tốt. Về Thể thao thành tích cao, đóng góp nhiều Vận động viên cho đội tuyển quốc gia tham gia thi đấu các giải thể thao khu vực và quốc tế. Tại SEA Games 28 (Singapore, 2015), đoàn thể thao Đà Nẵng đóng góp 12 VĐV(2 nữ), 01 HLV trong thành phần đoàn thể thao Việt Nam tham gia thi đấu, kết quả, đạt thành tích 4 HCV(1 nữ), 2 HCB, 4 HCD, trong đó đặc biệt là thành tích phá kỷ lục SEA Games của VĐV Hoàng Thị Phước ở nội dung bơi 200m Tự do với thành tích 1'48"96 (Kỷ lục SEA Games là 1'49"22) và thành tích ghi 5 bàn thắng cho đội tuyển Bóng đá U23 Nam tại SEA Games 28 của VĐV Võ Huy Toàn. Phong trào thể thao quần chúng và công tác tổ chức các hoạt động, sự kiện thể thao ngày càng phát triển và được nâng lên về quy mô, số lượng và chất lượng, thu hút đông đảo quần chúng nhân dân, người hâm mộ và du khách trong, ngoài nước đến tham dự đã góp phần quảng bá hình ảnh của thành phố đến bạn bè trong nước và quốc tế.

Thành phố ngày càng quan tâm đến bảo đảm các hoạt động phúc lợi công cộng, văn hoá, giải trí, thể thao cho nhân dân, trong đó có phụ nữ, nhằm tạo điều kiện cho sự phát triển và tiến bộ của phụ nữ trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Có thể nói, nhu cầu tham gia các hoạt động giải trí, thể thao và thưởng thức đời sống văn hoá là nhu cầu chung của mọi người. Thành phố luôn xem việc tham gia hoạt động vui chơi, giải trí, thưởng thức văn học, nghệ thuật, tham gia các hoạt động thể dục, thể thao là một trong những quyền công dân nam cũng như nữ cần được vận động và khuyến khích.

Bên cạnh đó, bảo đảm bình đẳng giới (BDG) trong lĩnh vực văn hoá và thông tin là mục tiêu thứ 5 trong chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011-2020. Theo nội dung chiến lược, để đảm bảo mục tiêu này cần đạt được 2 chỉ tiêu cơ bản gồm: chỉ tiêu 1 là đến năm 2015 giảm 60% và đến năm 2020 giảm 80% sản phẩm văn hoá, thông tin mang định kiến giới. Tăng thời lượng phát sóng các chương trình, chuyên mục và số lượng các sản phẩm tuyên truyền, giáo dục về bình

đẳng giới. Chỉ tiêu 2 là đến năm 2015 có 90% và đến năm 2020 có 100% Đài PT - TH Trung ương và địa phương có chuyên mục, chuyên đề nâng cao nhận thức về BDG.

Để thực hiện mục tiêu này, trong 5 năm qua (2011-2015), thành phố đã ban hành nhiều văn bản đề nghị các cơ quan báo chí thành phố xây dựng các chương trình, chuyên trang, chuyên mục và thời lượng thích hợp tuyên truyền hiệu quả chính sách của Đảng và Nhà nước về thực hiện Luật Bình đẳng giới, hướng sự quan tâm của cộng đồng đến phụ nữ, đặc biệt là phụ nữ nghèo ở nông thôn, phụ nữ người dân tộc thiểu số; giới thiệu, phổ biến các kinh nghiệm hay, mô hình làm tốt công tác thực hiện bình đẳng giới, nhất là các mô hình câu lạc bộ gia đình hạnh phúc, bình đẳng và không có bạo lực, mô hình tư vấn, hỗ trợ phòng, chống bạo lực trên cơ sở giới và buôn bán người, các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản linh hoạt, dễ tiếp cận và miễn phí dành cho chị em phụ nữ. Đồng thời, Sở cũng đã hướng dẫn, nhắc nhở phòng Văn hoá - Thông tin các quận, huyện xây dựng kế hoạch chi tiết nhằm thông qua những hình thức tuyên truyền, cổ động phù hợp để tuyên truyền thường xuyên, sâu rộng các nội dung về bình đẳng giới.

Các cơ quan báo chí địa phương và báo chí trung ương đóng chân trên địa bàn thành phố không ngừng đăng tải các tin bài phản ánh công tác tuyên truyền về bình đẳng giới. Sau 05 năm, đã có hơn 1.200 tin bài có nội dung tuyên truyền về bình đẳng giới, đề cao vai trò của người phụ nữ trong thời đại mới.

Báo chí thành phố Đà Nẵng tích cực phản ánh những hoạt động của phụ nữ trong xây dựng và phát triển thành phố trên các lĩnh vực chính trị - kinh tế - văn hóa – xã hội, quốc phòng – an ninh, góp phần xây dựng gia đình ấm no, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc; giới thiệu, biểu dương các gương điển hình phụ nữ vượt lên hoàn cảnh khó khăn riêng để hoàn thành nhiệm vụ, giữ vững truyền thống của người phụ nữ Việt Nam trong thời đại mới; qua đó ngày càng khẳng định địa vị người phụ nữ trong xã hội và gia đình. Nhiều bài viết có chất lượng đã để lại nhiều ấn tượng trong lòng người đọc, tạo nên hiệu ứng tuyên truyền giáo dục mạnh mẽ như: *Giới nữ chống đói nghèo, Hoa nở từ sỏi đá* (Báo Đà Nẵng); *Chị em phụ nữ Đà Nẵng kể chuyện “ Tôi sống xanh ”* (Dân trí); *Đội nữ dân phòng cơ động ở Đà Thành, chuyện*

bây giờ mới kể (Công an nhân dân),...

Các bài viết tuyên truyền, phổ biến Luật bình đẳng giới, Nghị định số 70/2008/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bình đẳng giới, Luật Hôn nhân gia đình, Luật phòng, chống bạo lực gia đình, các chủ trương, chính sách của Thành ủy, ủy ban nhân dân thành phố có liên quan đến công tác phụ nữ và bình đẳng giới được báo chí chú trọng về nội dung và hình thức phản ánh. Cụ thể: *Đà Nẵng ưu tiên phụ nữ vào vị trí lãnh đạo, Trung tâm dịch vụ việc làm phụ nữ thành phố Đà Nẵng, địa chỉ tin cậy của phụ nữ thành phố biển, (báo công an thành phố); UN Women đánh giá cao Đà Nẵng về thúc đẩy bình đẳng giới (Vietnam Plus); Thúc đẩy quan hệ hợp tác giữa phụ nữ Việt – Lào, Thành lập nhóm liên kết phụ nữ tham chính, nỗ lực chăm lo đời sống của phụ nữ,...(báo Đà Nẵng).*

Đặc biệt, cùng với việc tuyên truyền đề cao vai trò, vị trí của phụ nữ trong thời đại mới, các cơ quan thông tấn báo chí còn thường xuyên cập nhật công tác phòng chống bạo lực gia đình, chống buôn bán phụ nữ, thực thi Luật Bình đẳng giới trên địa bàn thành phố. Tiêu biểu như các tin, bài: Hội trại bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình, Triển khai thí điểm các hoạt động tháng hành động phòng, chống bạo lực gia đình, Cần chung tay phòng chống bạo lực phụ nữ và trẻ em gái, Tiếng hét bạo lực gia đình, (Công an thành phố); Sau ly hôn sống trong sợ hãi (báo Đà Nẵng); Hành động để chống bạo lực giới; Đà Nẵng quyết tâm không bạo lực phụ nữ, trẻ em gái,...

Các Đài phát thanh, truyền hình ở địa phương, tiêu biểu là Đài phát thanh truyền hình Đà Nẵng và Trung tâm truyền hình Việt Nam tại Đà Nẵng đã thành lập và duy trì nhiều chuyên mục, chuyên đề nâng cao nhận thức về bình đẳng giới. Hiện nay, Đài phát thanh- truyền hình Đà Nẵng có 02 chuyên mục chuyên đề về công tác phụ nữ và bình đẳng giới, gồm: Phụ nữ và phát triển; Dân số và đời sống với thời lượng 15 phút/ chương trình. Các chuyên mục, chuyên đề đã thực hiện nhiều phóng sự về hoạt động của phụ nữ và bình đẳng giới; các hội nghị, hội thảo, tập huấn về giới và bình đẳng giới, thực hiện kế hoạch hóa gia đình, lựa chọn sinh con theo giới tính, vị thế của phụ nữ trong gia đình và ngoài xã hội,...

Cùng với các chuyên mục, chuyên đề của Đài phát thanh- truyền hình Đà Nẵng, chuyên mục *Cùng chúng tôi đối thoại* do Trung tâm truyền hình Việt Nam tại thành phố Đà Nẵng xây dựng và phát trên kênh VTV Đà Nẵng trong những năm qua đã được đánh giá là diễn đàn để người phụ nữ khẳng định vị trí, vai trò trong xã hội. Thông qua chuyên mục này các bác sĩ, nhà giáo, nhà lãnh đạo, doanh nhân là nữ được góp tiếng nói của mình trong công tác tư vấn, chia sẻ kinh nghiệm giúp người dân thành phố giải quyết những vấn đề cấp thiết của cuộc sống.

Bên cạnh đó, việc duy trì phát sóng các hoạt động liên quan đến bình đẳng giới qua các chương trình phát thanh địa phương, Đài truyền thanh các quận, huyện cũng đã chủ động xây dựng nhiều chuyên mục mới như chuyên mục tư vấn các vấn đề liên quan đến sức khỏe, đời sống tâm sinh lý phụ nữ, kinh nghiệm nuôi dạy con, nâng cao kỹ năng sống và kiến thức phòng, chống bạo lực gia đình; qua đó tạo nên một diễn đàn hấp dẫn, thu hút nhiều phụ nữ tham gia trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm.

Công tác theo dõi, kiểm tra các hoạt động, sản phẩm văn hoá thông tin về giới cũng được các ngành chức năng của thành phố chú trọng. Sở Thông tin và Truyền thông đã chủ động phối hợp với Chi cục Dân số Kế hoạch hoá gia đình trong việc phổ biến các văn bản về chính sách dân số để có định hướng tuyên truyền kịp thời; phối hợp kiểm tra các xuất bản phẩm vi phạm Pháp lệnh dân số đang lưu hành trên địa bàn thành phố vào tháng 9/2012 và tháng 10/2013, qua đó đã phát hiện và tịch thu 39 quyển sách có nội dung vi phạm Luật Bình đẳng giới và Pháp lệnh Dân số tại một số nhà sách trên địa bàn quận Hải Châu, Thanh Khê, Liên Chiểu. Đoàn kiểm tra đã cung cấp cho các nhà sách những thông tin cần thiết về xuất bản phẩm có nội dung vi phạm Pháp lệnh Dân số để các đơn vị kịp thời báo cáo với cơ quan chức năng khi phát hiện. Phòng Văn hoá - Thông tin các quận Sơn Trà, Ngũ Hành Sơn và huyện Hoà Vang đã tiến hành kiểm tra 45 lượt tại 154 hộ kinh doanh văn hoá phẩm trên địa bàn và phát hiện, thu giữ 11 sách vi phạm Luật Bình đẳng giới và Pháp lệnh dân số. Đến năm 2014 hầu hết các nhà sách trên địa bàn thành phố đã chấp hành tốt việc thu hồi các xuất bản phẩm vi phạm Pháp lệnh dân số và không phát hành các xuất bản phẩm loại này.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được, việc bảo đảm bình đẳng giới

trong lĩnh vực văn hoá và thông tin còn một số khó khăn như: trên thị trường vẫn còn những sản phẩm văn hoá, thông tin mang tính định kiến giới chưa được kiểm soát hết; các chương trình, chuyên mục tuyên truyền về bình đẳng giới chưa thực sự phong phú, đa dạng và hiệu quả tuyên truyền chưa cao. Công tác tuyên truyền, giáo dục về giới trên các phương tiện thông tin đại chúng đôi lúc, đôi khi chưa linh hoạt, phù hợp với từng nhóm đối tượng và từng khu vực. Chưa theo dõi, kiểm tra các hoạt động và sản phẩm văn hoá, thông tin từ góc độ giới một cách thường xuyên.

Thực hiện pháp luật về bình đẳng giới trong gia đình

Gia đình là tế bào của xã hội, là cái nôi nuôi dưỡng con người, là môi trường đầu tiên cho việc hình thành nhân cách của mỗi công dân. Trước khi cá nhân được hưởng sự bình đẳng từ xã hội thì phải được hưởng sự bình đẳng trước tiên từ gia đình. Với mục tiêu xây dựng một xã hội công bằng, dân chủ và văn minh; Đà Nẵng luôn chủ trương kiên quyết loại bỏ sự phân biệt đối xử giữa nam và nữ trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Nhiều lớp tập huấn về giới được mở ra ở hầu hết các địa phương đã góp phần nâng cao nhận thức về bình đẳng giới, trong đó bình đẳng giới trong gia đình là nhân tố quan trọng tiến đến sự bình đẳng thực chất giữa nam và nữ.

Chủ trương đó đã được thể hiện trong một số văn bản quan trọng như: Hiến pháp 2013 quy định: Nam, nữ có quyền kết hôn, ly hôn. Hôn nhân theo nguyên tắc tự nguyện, tiến bộ, một vợ một chồng, vợ chồng bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau. Nhà nước bảo hộ hôn nhân và gia đình, bảo hộ quyền lợi của người mẹ và trẻ em (Điều 36); Trẻ em được Nhà nước, gia đình và xã hội bảo vệ, chăm sóc và giáo dục; được tham gia vào các vấn đề về trẻ em. Nghiêm cấm xâm hại, hành hạ, ngược đãi, bỏ mặc, lạm dụng, bóc lột sức lao động và những hành vi khác vi phạm quyền trẻ em. (Điều 37).

Luật Hôn nhân và gia đình (năm 2014); Pháp lệnh Dân số 2008 đã tiếp tục thể chế hoá điều này. Tháng 5/2001 Thủ tướng Chính phủ đã ký quyết định lấy ngày 28/6 làm “Ngày gia đình Việt Nam”.

Điểm nổi bật là Thành phố Đà Nẵng đã ban hành Chi thị 25-CT/TU về “đẩy mạnh các hoạt động phòng, chống bạo lực gia đình” trên địa bàn thành phố, từ đó

hiệu quả như: Hội thi với chủ đề: “Gia đình văn hoá”, “Gia đình thành đạt”, “Chung tay phòng, chống bạo lực gia đình”, “Gia đình thể thao”, “Cùng nói lời yêu thương”; tổ chức Ngày hội *“Vì một gia đình không có bạo lực”* nhằm tuyên truyền trong cộng đồng về xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc; thành lập Ban chỉ đạo phòng, chống bạo lực gia đình tại các quận, huyện, xã phường, các “địa chỉ tin cậy” trong cộng đồng nhằm giúp đỡ và hỗ trợ những phụ nữ, trẻ em là nạn nhân của bạo lực gia đình và phụ nữ có nguy cơ bị bạo lực gia đình. Hình thành các câu lạc bộ như *“Gia đình hạnh phúc”, “Phòng, chống bạo lực gia đình”, “Bình đẳng giới”, “Gia đình không có người vi phạm pháp luật và tệ nạn xã hội”, “Mẹ và con gái”, “Phụ nữ với pháp luật”*..., thu hút sự tham gia của nhiều gia đình với những điều kiện sống và hoàn cảnh khác nhau vào các hoạt động xã hội nhằm chia sẻ những vấn đề thường gặp trong cuộc sống, cung cấp cho các gia đình những kiến thức về bạo lực gia đình và phổ biến những tác hại của bạo lực gia đình đối với mỗi cá nhân. Tăng cường vai trò nòng cốt của cán bộ, hội viên các tổ chức chính trị xã hội trong phong trào xây dựng *“Gia đình văn hóa”, “Nói không với bạo lực gia đình”*... Sự nỗ lực của các cấp đã tạo chuyển biến đáng kể trong công tác phòng, chống bạo lực gia đình và xây dựng gia đình “No ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc” trên địa bàn thành phố. Từ năm 2011 đến năm 2015 trên địa bàn thành phố đã xảy ra 954 vụ bạo lực gia đình; trong đó hơn 70% nạn nhân bị bạo lực gia đình được tư vấn về pháp lý và sức khỏe, được hỗ trợ và chăm sóc tại các cơ sở trợ giúp (địa chỉ tin cậy); 70% đối tượng gây ra bạo lực gia đình được tư vấn tại các cơ sở trợ giúp nạn nhân bạo lực gia đình tại các địa phương.

Công tác tư vấn và giải quyết đơn thư về hôn nhân gia đình, bạo lực gia đình luôn được Ngành tư pháp, Hội Liên hiệp phụ nữ (HLHPN) quan tâm. Trong thời gian qua, đã tham gia hòa giải 539 trường hợp, tư vấn 197 trường hợp và giải quyết 259 đơn thư về hôn nhân gia đình, mâu thuẫn gia đình và bạo lực gia đình.

Ngoài ra, Các cấp Hội phụ nữ đã khai thác và thực hiện hiệu quả các dự án quốc tế, trong đó có nâng cao năng lực phòng, chống bạo lực đối với phụ nữ, phòng chống buôn bán phụ nữ, trẻ em, thực hiện bình đẳng giới như Dự án phát triển cộng

đồng bền vững (Enda), Chương trình thúc đẩy phụ nữ tham chính (PyD), Chương trình nâng cao năng lực tài chính nhằm giảm thiểu bạo lực gia đình (Caecid), dự án “Huy động cộng đồng phòng, chống bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái tại thành phố Đà Nẵng” (UNWomen),...

Với nhiều giải pháp đồng bộ, việc thực hiện bình đẳng giới trong gia đình đã đạt được nhiều tiến bộ. Trên bình diện chung, trong gia đình người chồng đã biết chia sẻ với vợ công việc nhà, chăm sóc con; người vợ cũng đã chủ động chia sẻ với chồng gánh nặng kinh tế gia đình. Việc phân công, sắp xếp lại công việc trong gia đình một cách hài hòa, hợp lý cho các thành viên trong gia đình đã được quan tâm, chú trọng nhiều hơn; sự hưởng thụ về đời sống vật chất và tinh thần của phụ nữ ngày càng được nâng lên.

Mặc dù Nhà nước ta đã ban hành nhiều văn bản pháp luật quan trọng tạo hành lang pháp lý cho việc thực hiện bình đẳng giới cũng như loại bỏ thiên kiến giới, thay đổi cách nhìn nhận về vai trò truyền thống của phụ nữ và nam giới. Tuy nhiên, nhận thức về giới cũng như về bình đẳng giới chưa được thực hiện một cách triệt để và đồng đều ở các lĩnh vực, các vùng miền. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến sự bất bình đẳng giới trong gia đình trong đó nguyên nhân sâu xa là do chưa có các biện pháp giải quyết tận gốc tư tưởng trọng nam khinh nữ đã tồn tại hàng ngàn năm, ăn sâu vào nếp nghĩ, hành vi của người dân. Mặc dù pháp luật luôn quy định rõ, trong gia đình, vợ chồng đều bình đẳng với nhau về mọi mặt, cùng nhau bàn bạc, quyết định mọi vấn đề chung, vợ chồng có nghĩa vụ nuôi dạy con trở thành công dân tốt, vợ chồng cùng thực hiện chính sách kế hoạch hóa gia đình...nhưng trên thực tế, nam giới vẫn được coi là trụ cột gia đình, có quyền quyết định các vấn đề lớn như mua nhà, mua xe...và là người đại diện ngoài cộng đồng. Còn các công việc nội trợ, chăm sóc các thành viên trong gia đình thường được coi là “thiên chức” của phụ nữ. Mặc dù phụ nữ cũng có những đóng góp không nhỏ trong kinh tế gia đình, trong nhiều gia đình phụ nữ lại là lao động chính tạo ra thu nhập nhưng họ thường là đối tượng thụ động và không có quyền quyết định các vấn đề liên quan tới kinh tế gia đình. Bên cạnh số ít những phụ nữ thành đạt, biết tự giải phóng mình khỏi công việc nội trợ gia đình, vừa tham gia vào các hoạt động xã hội lại vừa đảm nhận trách

nhiệm của những người vợ, người mẹ trong gia đình và ở cương vị nào họ cũng gặt hái được thành công, thì bên cạnh đó, vẫn còn rất nhiều phụ nữ vẫn bị trói buộc trong công việc nội trợ gia đình và những định kiến mang tính chất phân biệt đối xử trong xã hội, họ không có thời gian tham gia vào các hoạt động xã hội. Bên cạnh đó, bạo lực giới vẫn còn, tỷ lệ gánh chịu bạo lực thân thể trong cuộc đời của người phụ nữ do bạn trai hoặc chồng mình gây nên là 31,5%, ở khu vực nông thôn, tỷ lệ này cao hơn thành thị. Tỷ lệ bạo lực hiện hành trong nhóm người trẻ tuổi cao hơn và giảm dần theo độ tuổi. Tình trạng này cũng xảy ra ở những phụ nữ ít học. Ảnh hưởng của bạo lực là rất lớn, nó có thể dẫn tới thương tích và các nạn nhân thường rơi vào tình trạng sức khỏe kém hoặc suy sụp tâm lý.

2.5. Nguyên nhân của ưu điểm và hạn chế trong thực hiện pháp luật về bình đẳng giới ở thành phố Đà Nẵng

2.5.1. Nguyên nhân của ưu điểm

Trước hết, phải nói đến vai trò của Ban Thường vụ Thành ủy Đà Nẵng đã ban hành các văn bản lãnh đạo thực hiện pháp luật về bình đẳng giới, từ đó nhận thức của các cấp ủy đảng, chính quyền và xã hội về bình đẳng giới ngày càng được nâng lên. Việc lồng ghép các nội dung bình đẳng giới và thực hiện pháp luật về bình đẳng giới được các ngành, các địa phương chú trọng;

Hai là, vai trò của Ban Vì sự tiến bộ phụ nữ thành phố Đà Nẵng. Với mô hình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố trực tiếp làm trưởng ban, Giám đốc Sở Kế hoạch và đầu tư làm Phó Trưởng ban Thường trực. Tuy có khác với mô hình theo quy định của Trung ương, nhưng mô hình Đà Nẵng vẫn được đánh giá là mô hình tốt, vì hiệu quả là Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ cấp sở ngành/quận huyện cũng sẽ do người đứng đầu chính quyền làm trưởng ban nhằm tăng cường thẩm quyền quyết định trong việc thực hiện các mục tiêu về bình đẳng giới.

Ba là, vai trò của Hội liên hiệp Phụ nữ, với nhiệm vụ giới thiệu, giúp đỡ, tạo điều kiện để phụ nữ tham gia vào các cơ quan lãnh đạo của Đảng, chính quyền, cơ quan dân cử và đoàn thể các cấp đảm bảo bình đẳng và phát triển cho phụ nữ. Với bộ máy Hội được thành lập từ trung ương đến tận thôn, xóm, bản, tổ dân phố hay cụm dân cư là mô hình tốt nhất để thực hiện được các nhiệm vụ nói trên, đặc biệt là

nhiệm vụ tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức giới, vai trò, vị trí của người phụ nữ hiện nay.

Bốn là, đội ngũ cán bộ, công chức nói chung và cán bộ nữ nói riêng đang từng bước được nâng cao về trình độ, kiến thức và vị trí, vai trò trong các lĩnh vực hoạt động chuyên môn của ngành. Một số cán bộ nữ trẻ, có trình độ đã được quy hoạch, bổ nhiệm các chức danh chủ chốt của các cơ quan, đơn vị.

Năm là, nhận thức về giới, bình đẳng giới và pháp luật về bình đẳng giới có bước tiến bộ tương đối rõ trong một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức và người lao động. Quan tâm bảo đảm sự tham gia, đóng góp và hưởng lợi của phụ nữ và nam giới trong các vị trí chức danh quản lý, lãnh đạo và các công việc cụ thể...

Sáu là, địa phương cũng coi trọng việc xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác tư vấn, hòa giải về hôn nhân và gia đình, thực hiện nếp sống văn minh, tổ chức tuyên truyền sâu rộng kiến thức pháp luật, trong đó có Luật Hôn nhân và Gia đình, Luật phòng, chống bạo lực gia đình và các văn bản khác liên quan đến bình đẳng nam nữ trong gia đình.

2.5.2. Nguyên nhân của hạn chế, vướng mắc

Một là, do hạn chế của hệ thống pháp luật hiện hành về bình đẳng giới

Mặc dù đã có cơ sở pháp lý và chính sách đảm bảo bình đẳng giới, tuy nhiên bản thân hệ thống pháp luật hiện hành về bình đẳng giới vẫn còn những hạn chế nhất định. Một trong những nguyên nhân - mà cũng có thể xem là nguyên nhân của mọi nguyên nhân - dẫn đến những nhược điểm trong thực hiện pháp luật về bình đẳng giới ở Đà Nẵng và không chỉ riêng Đà Nẵng là *hầu hết quy định trong các văn bản luật liên quan đến bình đẳng giới trên lĩnh vực chính trị đều không bị ràng buộc bởi các điều khoản chế tài nếu như không thực hiện hoặc thực hiện không đúng mức, không đạt chỉ tiêu pháp lệnh*. Chẳng hạn nếu Đà Nẵng không đạt chỉ tiêu pháp lệnh 30% nữ đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố đã nêu trong Chiến lược Quốc gia Vì Sự tiến bộ của Phụ nữ Việt Nam (nay là Chiến lược Quốc gia về Bình đẳng giới) thì cũng không bị luật pháp chế tài gì cả. Chính vì vậy nên thời gian qua hầu như không đặt ra yêu cầu kiểm tra, giám sát, giải quyết khiếu nại tố cáo của công dân của cả hệ thống chính trị trong quá trình thực hiện pháp luật về bình đẳng

giới trong lĩnh vực chính trị để kịp thời đôn đốc, chấn chỉnh các trường hợp không thực hiện hoặc thực hiện không đúng mức, không đạt chỉ tiêu pháp lệnh.

Hai là, do hạn chế về năng lực quản lý nhà nước trong thực hiện pháp luật về bình đẳng giới

Năng lực thể chế của các tổ chức, cơ quan chức năng về quản lý nhà nước trong thực hiện pháp luật bình đẳng giới chưa đủ mạnh và thiếu hệ thống, đặc biệt là trong các lĩnh vực thu thập thông tin, phân tích giới, báo cáo và giám sát công tác thực hiện pháp luật về bình đẳng giới trong các lĩnh vực. Nhiều địa phương không bố trí được cán bộ chuyên trách mà chỉ bố trí cán bộ kiêm nhiệm làm công tác bình đẳng giới. Hiện nay, các chỉ số đánh giá về tình hình thực hiện pháp luật về bình đẳng giới thường chỉ tập trung vào đo lường hiện trạng bất bình đẳng giới, ví dụ: tỷ lệ phụ nữ trong cấp ủy, Hội đồng nhân dân các cấp,... mà thiếu chỉ số giám sát và đánh giá quá trình vận động, thực hiện quy phạm pháp luật về bình đẳng giới để hướng tới đạt được bình đẳng giới thực chất và bền vững trong mọi hoạt động đời sống xã hội.

Ba là, nhận thức của cộng đồng, xã hội và gia đình

Cộng đồng xã hội và gia đình vẫn còn nặng nề tư tưởng trọng nam khinh nữ, vai trò của phụ nữ trong gia đình cũng như ngoài xã hội bị coi nhẹ, cách nhìn nhận về phụ nữ trong tham gia các hoạt động, lĩnh vực vẫn còn hẹp hòi.

Công tác tuyên truyền, giáo dục về giới và bình đẳng giới chưa thường xuyên, sâu rộng, chưa sát với đối tượng. Các cấp, các ngành, đoàn thể chưa có sự quan tâm đúng mức về vấn đề này. Nhận thức của phụ nữ về quyền lợi của mình còn nhiều hạn chế, nhất là phụ nữ ở vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa.

Tất cả những nguyên nhân trên đã dẫn đến những hạn chế trong thực hiện pháp luật về bình đẳng giới.

Kết luận Chương 2

Chương 2 của luận văn tập trung phân tích thực trạng thực hiện pháp luật bình đẳng giới trên các lĩnh vực: Chính trị; kinh tế; lao động việc làm; y tế; văn hoá, thông tin, thể dục, thể thao và trong gia đình. Qua đó, cho thấy thực hiện pháp luật

về bình đẳng giới rất đa dạng, phong phú; pháp luật bình đẳng giới đã bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của phụ nữ và nam giới, vì lợi ích cộng đồng, góp phần phát triển kinh tế - xã hội đất nước. Tuy nhiên, còn nhiều tồn tại, bất cập trong xây dựng và tổ chức thực hiện, đòi hỏi cần phải hoàn thiện hơn nữa pháp luật về thực hiện bình đẳng giới nhằm đáp ứng nhu cầu của xã hội, của nhân dân cũng như nhu cầu của phụ nữ trong tình hình mới.

Bảo đảm thực hiện pháp luật về bình đẳng giới có ý nghĩa hết sức quan trọng, nó thể hiện vai trò và vị trí của người phụ nữ được nhìn nhận như thế nào trong xã hội. Sự tiến bộ của phụ nữ trên mọi mặt nhất là lĩnh vực lãnh đạo, quản lý, học tập, lao động là thước đo trình độ phát triển của xã hội. Cùng với các vấn đề khác, các điểm kết luận sơ bộ trên đây sẽ được giải quyết trong chương 3 của luận văn.

CHƯƠNG 3

QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP ĐẢM BẢO

THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI

TỪ THỰC TIỄN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

3.1. Quan điểm đảm bảo thực hiện pháp luật về bình đẳng giới ở nước ta hiện nay

3.1.1. Đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng, quán triệt đầy đủ chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về vấn đề bình đẳng giới gắn với việc kiên quyết và kiên trì chống tư tưởng “trọng nam, khinh nữ” phân biệt đối xử với phụ nữ

Nhằm bảo đảm và thực hiện bình đẳng giới luôn là trách nhiệm của mỗi cá nhân, tổ chức và cộng đồng xã hội. Đây cũng là yếu tố thể hiện rõ nét nhất tinh thần nhân đạo cũng như mục tiêu mà Việt Nam đang hướng tới “xây dựng một xã hội dân chủ, công bằng, văn minh”.

Do đó, để đảm bảo cho phụ nữ được tham gia lãnh đạo, quản lý các cơ quan nhà nước các cấp, Đảng và Nhà nước ta cũng đã cụ thể hóa quyền bình đẳng nam - nữ, nghiêm cấm việc đối xử với phụ nữ trong việc tham gia các hoạt động chính trị - kinh tế - văn hóa xã hội và gia đình trong nhiều văn bản. Điều 7 Công ước về Xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW) - mà Việt Nam là một trong những quốc gia đầu tiên trên thế giới ký tham gia Công ước vào ngày 29/7/1980, phê chuẩn vào ngày 27/11/1981 - cũng đã nêu rõ: “... áp dụng mọi biện pháp thích hợp nhằm xóa bỏ sự phân biệt đối xử với phụ nữ trong đời sống chính trị và cộng đồng của đất nước và đặc biệt là phải đảm bảo cho phụ nữ, trên cơ sở bình đẳng với nam giới, được thụ hưởng các quyền sau: Tham gia bỏ phiếu trong mọi cuộc bầu cử và trưng cầu dân ý, được quyền ứng cử vào tất cả các cơ quan dân cử; được tham gia xây dựng và thực hiện các chính sách của chính phủ, tham gia vào bộ máy và các chức vụ nhà nước ở mọi cấp chính quyền; tham gia vào các tổ chức xã hội và hiệp hội phi chính phủ liên quan đến đời sống công cộng và chính trị của đất nước”.

Ngày 15/7/2004, Thủ tướng Chính phủ cũng đã ban hành Chỉ thị 27/2004/CT-TTg về tăng cường hoạt động vì sự tiến bộ của phụ nữ ở các Bộ, cơ

quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, trong đó nêu rõ: “*Đảng và Nhà nước ta coi sự tiến bộ của phụ nữ và bình đẳng giới là một trong những nhiệm vụ quan trọng của sự nghiệp phát triển đất nước*” [30, tr.46]. Đồng thời Chỉ thị này cũng nêu yêu cầu các cơ quan Trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cần phải quán triệt và thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về bình đẳng giới. Trong Chỉ thị số 37/CT-TW ngày 7/6/1994 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về công tác cán bộ nữ cũng đã nêu rõ: “*Việc nâng cao tỷ lệ cán bộ nữ tham gia quản lý nhà nước, quản lý kinh tế và xã hội là yêu cầu quan trọng để thực hiện quyền bình đẳng của phụ nữ, là điều kiện để phát huy tài năng, trí tuệ và nâng cao địa vị xã hội của phụ nữ*” [14, tr.2]. Chỉ thị đã nhấn mạnh quan điểm của Đảng là nhằm làm tốt hơn nữa công tác cán bộ nữ và tăng cường sự tham gia lãnh đạo và quản lý của phụ nữ trong thời kỳ đổi mới và xây dựng đất nước.

Nghị quyết 11-NQ/TU ngày 27-4-2007 của Bộ Chính trị Trung ương Đảng về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Đây là Nghị quyết được ban hành sau 10 năm thực hiện Chỉ thị 37-CT/TU về công tác cán bộ nữ và trong bối cảnh Việt Nam đang đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập kinh tế thế giới.

Mục tiêu mà Nghị quyết 11-NQ/TU đề ra là: “Phấn đấu đến năm 2020, phụ nữ được nâng trình độ về mọi mặt, có trình độ học vấn chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, có việc làm, được cải thiện rõ rệt về đời sống vật chất, văn hóa, tinh thần, tham gia ngày càng nhiều hơn công việc xã hội, bình đẳng trên mọi lĩnh vực, đóng góp ngày càng lớn hơn cho xã hội và gia đình. Phấn đấu để nước ta là một trong các quốc gia có thành tựu bình đẳng giới tiến bộ nhất khu vực”.

3.1.2. Đảm bảo tăng cường trách nhiệm của Nhà nước trong việc thực hiện chính sách, pháp luật về bình đẳng giới

Đây là quan điểm then chốt của toàn bộ quá trình thực hiện pháp luật về bình đẳng giới. Bởi lẽ, trách nhiệm của Nhà nước, các cơ quan, tổ chức nhà nước là phải tổ chức thực hiện pháp luật về bình đẳng giới bằng các biện pháp

hỗ trợ, giúp đỡ cụ thể để đưa pháp luật về bình đẳng giới vào đời sống xã hội. Nhà nước phải quan tâm, chú trọng hơn đến bình đẳng giới nhằm tăng cường các biện pháp để bảo vệ quyền lợi của các chủ thể, bảo đảm công bằng xã hội được thực thi trên thực tế, làm cho nguyên tắc *nam nữ bình đẳng trên mọi lĩnh vực* thực sự thể hiện tính ưu việt và bản chất tốt đẹp của chế độ xã hội chủ nghĩa. Trong điều kiện hiện nay, khi mà hệ thống pháp luật về bình đẳng giới ngày càng hoàn thiện, thì việc thực hiện pháp luật về bình đẳng giới càng phải được chú trọng hơn. Vì vậy, trong quá trình hoàn thiện chính sách pháp luật về bình đẳng giới cần phải nắm vững quan điểm của Nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam về bình đẳng giới; trên cơ sở đó, tăng cường và nâng cao hơn nữa trách nhiệm của Nhà nước trong việc thực hiện pháp luật bình đẳng giới, cụ thể là:

Chính sách, pháp luật về bình đẳng giới cũng như thực hiện pháp luật về bình đẳng giới phải thể hiện rõ và xuyên suốt quan điểm của Nhà nước là *Công dân nam, nữ bình đẳng về mọi mặt. Nhà nước có chính sách bảo đảm quyền và cơ hội bình đẳng giới. Nhà nước, xã hội và gia đình tạo điều kiện để phụ nữ phát triển toàn diện, phát huy vai trò của mình trong xã hội. Nghiêm cấm phân biệt đối xử về giới.* (Điều 26 Hiến pháp năm 2013). Tại Điều này trách nhiệm tạo điều kiện cho phụ nữ phát triển toàn diện, phát huy vai trò của mình trong xã hội, không chỉ của nhà nước, xã hội mà còn có trách nhiệm của cả gia đình. Tại Khoản 2, Điều 36 “*Nhà nước bảo hộ hôn nhân và gia đình, bảo hộ quyền lợi của người mẹ và trẻ em*”; tại Khoản 2, Điều 58 “*Nhà nước, xã hội và gia đình có trách nhiệm bảo vệ, chăm sóc sức khỏe người mẹ, trẻ em, thực hiện kế hoạch hóa gia đình*”...

Quan điểm này phải được bảo đảm thực thi trên thực tế, được thẩm thấu trong các quan hệ chính trị - xã hội và trở thành hành vi thực tế, hợp pháp của các chủ thể tham gia thực hiện pháp luật về bình đẳng giới. Các chủ thể thực hiện phải nắm bắt đầy đủ và tự giác tuân thủ, chấp hành nghiêm chỉnh, thống nhất các quy định pháp luật của nhà nước về bình đẳng giới.

Chính sách pháp luật về bình đẳng giới phải dựa trên các nguyên tắc cơ bản về bình đẳng giới được ghi nhận trong Luật Bình đẳng giới: *nam nữ bình đẳng trên các lĩnh vực; nam - nữ không bị phân biệt đối xử về giới; biện pháp*

thúc đẩy về bình đẳng giới không bị coi là phân biệt đối xử về giới; bảo đảm lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng và thực hiện pháp luật; thực hiện bình đẳng giới là trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, gia đình và cá nhân (Điều 6 Luật Bình đẳng giới).

Chính sách pháp luật về bình đẳng giới phải gắn chặt với bảo vệ pháp luật về bình đẳng giới; quán triệt đầy đủ chủ trương, quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về thực hiện pháp luật bình đẳng giới.

Xây dựng chính sách pháp luật và tổ chức thực hiện pháp luật về bình đẳng giới phải đảm bảo thống nhất với Hiến pháp và các văn bản luật vì Nhà nước ta là Nhà nước đề cao Hiến pháp và pháp luật trong quản lý xã hội. Nhà nước và các cơ quan, cán bộ, công chức nhà nước, công dân vừa phải chấp hành, tuân thủ nghiêm chỉnh pháp luật, vừa là chủ thể tổ chức thực hiện pháp luật, bảo đảm cho pháp luật được các chủ thể chấp hành nghiêm chỉnh, thống nhất.

3.1.3. Chính sách pháp luật về bình đẳng giới và thực hiện pháp luật về bình đẳng giới phải phản ánh đúng đắn nhu cầu xã hội, xử lý hài hòa các yếu tố lợi ích, khách quan, toàn diện và sát với yêu cầu thực tiễn

Chính sách pháp luật về bình đẳng giới muốn được cuộc sống chấp nhận, trở thành hành vi thực tế, hợp pháp của các chủ thể thì phải khách quan, phản ánh đúng nhu cầu của xã hội. Hình ảnh những phụ nữ tiêu biểu cho những hy sinh, cống hiến to lớn vào sự nghiệp chung của dân tộc và trong công cuộc đổi mới hôm nay, hàng chục triệu phụ nữ đang có mặt trên khắp mọi lĩnh vực hoạt động của đời sống xã hội, bằng bản lĩnh, tài năng, trí tuệ và sức lao động của mình đang khẳng định vị thế trên tuyến đầu của sự nghiệp xây dựng đất nước - một xã hội công bằng, dân chủ, văn minh và tiến bộ. Thực tiễn đã cho thấy, đang xuất hiện ngày càng nhiều những nữ lãnh đạo, quản lý trong vai trò chính khách, nhà ngoại giao, nhà quản lý, chủ doanh nghiệp, anh hùng lao động... Cụ thể, phụ nữ chiếm 51,48% dân số, 48% lực lượng lao động xã hội. Họ được coi là một nửa thế giới cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng. Tất cả những điều đó đang dần tạo nên diện mạo, bản sắc riêng của giới lãnh đạo nữ và được xã hội đánh giá cao và ghi nhận. Thực hiện pháp luật về bình đẳng giới phải gắn với các nhu cầu thực tiễn, liên quan đến quyền lợi của cộng đồng nói chung và nữ giới nói riêng. Muốn vậy,

quá trình hoàn thiện chính sách pháp luật và thực hiện pháp luật bình đẳng giới phải sát và đáp ứng với yêu cầu thực tiễn, phản ánh đúng đắn nhu cầu điều chỉnh của xã hội, bảo đảm tính khách quan, toàn diện, bảo đảm cho pháp luật được thực thi nghiêm chỉnh và thống nhất để mọi chủ thể đều phải tuân thủ và chấp hành pháp luật không phân biệt giới, hoàn cảnh, địa vị xã hội.

3.1.4. Thực hiện pháp luật bình đẳng giới phải bảo đảm tính thường xuyên, liên tục, linh hoạt và sáng tạo đồng thời kế thừa, phát triển những thành tựu, khắc phục tồn tại, hạn chế, tiếp thu tiến bộ của thế giới và phù hợp với xu hướng phát triển của thời đại

Thực hiện pháp luật về bình đẳng giới phải được xác định là một quá trình thường xuyên, liên tục, linh hoạt và sáng tạo. Bởi lẽ, pháp luật mang tính khái quát rất cao, thể hiện tính điển hình, phổ biến nên dễ thấm thấu trong từng quan hệ chính trị - xã hội cụ thể, pháp luật phải được các chủ thể thực hiện một cách thường xuyên, liên tục, linh hoạt và sáng tạo. Hơn nữa, bản thân pháp luật không thể đi vào cuộc sống và được thực thi trên thực tế mà phải có sự hiểu biết vận dụng của các chủ thể thực thi, phải gắn với hành vi tích cực, chủ động của các chủ thể mà trước hết là người lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện.

Các tư tưởng, quan điểm định kiến giới được nói và không nói thành lời của các chủ thể có trách nhiệm trong việc thực hiện pháp luật là điểm yếu có thể dẫn đến việc không sử dụng pháp luật, không tuân thủ pháp luật hay áp dụng sai pháp luật cho dù pháp luật vốn là công bằng và thích hợp. Hơn nữa, trong xã hội, do có sự không đồng đều giữa các chủ thể trong tiếp cận và sử dụng pháp luật, vì thế, thực hiện pháp luật bình đẳng giới phải linh hoạt và sáng tạo, có tính đến đặc trưng của một số nhóm đối tượng để có giải pháp hỗ trợ, giúp đỡ họ tiếp cận, sử dụng pháp luật. Ngoài ra, thực hiện pháp luật bình đẳng giới phải biết kế thừa ưu điểm, khắc phục hạn chế, tiếp thu sự tiến bộ của thế giới, phát triển những giá trị, chuẩn mực được nhân loại tiến bộ thừa nhận; biết học hỏi kinh nghiệm các nước đi trước, tìm ra hướng đi có hiệu quả cho nước mình để tiến dần tới chuẩn mực quốc tế, hòa cùng dòng chảy văn minh nhân loại. Việc nước ta tích cực tham gia Công ước Cedaw về Xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ được Liên hiệp quốc

đánh giá là điểm sáng trong thực hiện mục tiêu thiên niên kỷ với 5/8 mục tiêu cơ bản hoàn thành trước hạn, trong đó có mục tiêu về bình đẳng giới và nâng cao vị thế cho phụ nữ. Theo đánh giá của Liên hợp quốc, hiện Việt Nam được xếp thứ 47/187 quốc gia về chỉ số bình đẳng giới. Việt Nam cũng có tỷ lệ nữ tham gia Quốc hội cao nhất trong khối các nước ASEAN. Đây là một trong những thành tựu quan trọng của Việt Nam trong việc thực hiện bình đẳng giới và nâng cao vị thế của phụ nữ trong xã hội mà trong tiến trình thực hiện pháp luật bình đẳng giới phải bảo đảm tính kế thừa và phát triển.

3.2. Giải pháp đảm bảo thực hiện pháp luật về bình đẳng giới ở Thành phố Đà Nẵng

3.2.1. Nhóm giải pháp chung đảm bảo thực hiện pháp luật về bình đẳng giới

3.2.1.1. Tăng cường vai trò lãnh đạo của các cấp uỷ Đảng trong việc cụ thể các chủ trương và định hướng, cũng như thực hiện pháp luật về bình đẳng giới.

Trong những năm qua, Đảng bộ và chính quyền thành phố Đà Nẵng luôn ý thức và đánh giá cao vai trò của phụ nữ toàn thành phố - một lực lượng quan trọng trong suốt chặng đường phát triển. Thành phố Đà Nẵng đã ban hành nhiều văn bản hướng dẫn, chỉ đạo cho việc thực hiện pháp luật về bình đẳng giới ở thành phố như: Chương trình hành động số 17-CTr/TU ngày 08 tháng 8 năm 2007 của Thành uỷ Đà Nẵng thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW của Bộ Chính trị về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước; Quyết định số 2820/QĐ-UBND ngày 15 tháng 4 năm 2009 của Chủ tịch UBND thành phố ban hành Kế hoạch thực hiện Luật Bình đẳng giới và Quyết định số 2146/QĐ-UBND ngày 22 tháng 3 năm 2011 của Chủ tịch UBND thành phố ban hành Chiến lược bình đẳng giới tại thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2011-2020;... Điều đó thể hiện cam kết chính trị của lãnh đạo thành phố trong việc thúc đẩy vai trò, vị thế của phụ nữ và bình đẳng giới trong thời kỳ hội nhập. Tuy nhiên, có một thực tế là từ quyết tâm chính trị và chủ trương, đường lối đến việc triển khai thực hiện còn có khoảng cách khá rõ, bởi vẫn còn bị ảnh hưởng nặng nề của tư tưởng Nho giáo và các quan niệm

truyền thống về phụ nữ. Vì vậy, việc tăng cường vai trò lãnh đạo của các cấp uỷ Đảng trong các lĩnh vực là rất cần thiết.

3.2.1.2. Đảm bảo bình đẳng giới ngay trong quá trình xây dựng pháp luật

Ở Việt Nam nói chung và thành phố Đà Nẵng nói riêng, khi mà vẫn còn sự khác biệt giữa trẻ em gái và trẻ em trai, giữa nam và nữ trong việc tiếp cận và thụ hưởng nguồn lực thì vấn đề lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật là biện pháp quan trọng trong thúc đẩy bình đẳng giới. Đây là biện pháp nhằm thực hiện mục tiêu bình đẳng giới bằng cách xác định vấn đề giới, dự báo tác động giới của văn bản, trách nhiệm nguồn lực để giải quyết vấn đề giới trong các quan hệ xã hội được văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh. Lồng ghép giới nghĩa là đưa yếu tố giới vào trong các văn bản pháp luật khác cũng như các lĩnh vực của đời sống xã hội. Đây được coi là một phương pháp tiếp cận, hay là một biện pháp chiến lược nhằm đạt được bình đẳng giới trên diện rộng trong xã hội bằng cách đưa yếu tố giới vào những yếu tố chủ đạo, mang tính chi phối về các ý tưởng, giá trị, quan niệm, thái độ, mối quan hệ và cách thức tiến hành mọi việc trong xã hội. Để từ đó nó tác động tới chất lượng cuộc sống của tất cả mọi người trong xã hội

3.2.1.3. Kiện toàn bộ máy thực hiện chiến lược về bình đẳng giới (Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ)

Hiện nay, Đà Nẵng đã có một bộ máy thực hiện chiến lược về bình đẳng giới (hay còn gọi là Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ) từ thành phố đến địa phương. Bộ máy này được cơ cấu các thành viên là lãnh đạo chủ chốt ở tất cả các ngành, đơn vị; đây có thể coi là một cơ sở vững chắc để triển khai chính sách, pháp luật về bình đẳng giới, điều thuận lợi của bộ máy này là : Trưởng Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ là đồng chí chủ tịch uỷ ban nhân dân, các phó Trưởng ban là lãnh đạo Sở lao động, Thương binh và xã hội; Sở kế hoạch và đầu tư; Hội liên hiệp phụ nữ thành phố. Với ban thư ký đặt tại Sở kế hoạch đầu tư của thành phố, là một cơ quan liên ngành có nhiệm vụ tham mưu cho Chủ tịch uỷ ban nhân dân thành phố thực hiện chiến lược về bình đẳng giới trong thời gian qua. Đồng thời, mỗi Quận, Huyện, đơn vị cơ sở trên địa bàn thành phố cũng hình thành một bộ máy như vậy để cùng triển khai thực

hiện chiến lược về bình đẳng giới.

Tuy nhiên, theo báo cáo của Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ thành phố thì số lượng cán bộ làm công tác bình đẳng giới còn thiếu và thường xuyên thay đổi; nơi đặt bộ phận làm công tác bình đẳng giới không cố định, chủ yếu giao cho Văn phòng của Sở kế hoạch và đầu tư thành phố; các đơn vị quận, Huyện, xã phường giao cho các phòng lao động tiền lương, phòng tổ chức cán bộ kiêm công tác bình đẳng giới. Trong số cán bộ làm công tác bình đẳng giới thì tỷ lệ nam nhiều hơn (chiếm 65%). Như vậy, với đội ngũ cán bộ làm công tác bình đẳng giới còn mỏng và yếu như hiện nay là một khó khăn, rào cản cho việc triển khai thực hiện pháp luật bình đẳng giới. Để thực hiện pháp luật bình đẳng giới có hiệu quả hơn nữa thì cần hoàn thiện tổ chức bộ máy và nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác bình đẳng giới từ thành phố đến địa phương.

3.2.1.4. Xây dựng chiến lược, chương trình đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực nữ, trong đó chú trọng đến công tác quy hoạch nguồn lãnh đạo nữ các cấp, các ngành

Việc này không chỉ là để thực hiện bình đẳng giới về lĩnh vực chính trị mà còn gián tiếp để thực hiện bình đẳng giới trên các lĩnh vực khác, bởi chỉ khi có một đội ngũ cán bộ nữ, nguồn nhân lực nữ mạnh, có trí tuệ, hiểu biết và phẩm chất đạo đức tốt thì mới có thể thúc đẩy các quyền bình đẳng giới một cách toàn diện.

Liên quan đến vấn đề trên, Nghị quyết số 11-NQ/TW của Bộ Chính trị đã khẳng định “Xây dựng, phát triển vững chắc đội ngũ cán bộ nữ tương xứng với vai trò to lớn của phụ nữ là yêu cầu khách quan, là nội dung quan trọng trong chiến lược công tác cán bộ của Đảng”. Do đó “Các cấp ủy đảng có trách nhiệm lãnh đạo xây dựng quy hoạch cán bộ nữ trong quy hoạch tổng thể về cán bộ của Đảng ở từng cấp, từng ngành, từng địa phương. Đối với cán bộ nữ, đồng thời với việc xây dựng quy hoạch, phải chăm lo đào tạo, bồi dưỡng để chủ động về nhân sự; đề bạt, bổ nhiệm cần bảo đảm tiêu chuẩn của từng chức danh, có khả năng hoàn thành tốt nhiệm vụ, phát huy được thế mạnh, ưu điểm của cán bộ nữ. Thực hiện nguyên tắc bình đẳng giữa nam và nữ về độ tuổi trong quy hoạch, đào tạo, đề bạt và bổ nhiệm”.

Trên tinh thần đó, Thành phố đã đặt ra chỉ tiêu phấn đấu đạt 80% trở lên các Sở và tương đương thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, UBND các quận, huyện có lãnh đạo chủ chốt là nữ; 70% trở lên số cơ quan Đảng, đoàn thể và quản lý nhà nước có lãnh đạo chủ chốt là nữ nếu ở đó có trên 30% nữ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động. Để thực hiện chỉ tiêu trên, cần thực hiện một số công việc sau:

Tổ chức rà soát các văn bản hiện hành ở Trung ương và địa phương liên quan đến độ tuổi đào tạo, bồi dưỡng đề bạt, bổ nhiệm, tuổi nghỉ hưu; tiến hành đánh giá tác động của các văn bản này đối với cơ hội của cán bộ nữ trong quy hoạch vào chức danh lãnh đạo, quản lý các cấp; Thực hiện có hiệu quả các biện pháp nâng cao nhận thức giới và thực hiện lồng ghép giới trong chính sách phát triển nguồn nhân lực, trong công tác tổ chức cán bộ; Tăng cường công tác đào tạo bồi dưỡng chuyên môn, lý luận.....cho cán bộ nữ trẻ, đặc biệt quy định cụ thể tỷ lệ nữ tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức để làm cơ sở đánh giá; Các sở, ngành địa phương cần tiếp tục tổ chức thi tuyển để bổ nhiệm chức danh lãnh đạo.

3.2.1.5. Kinh phí cho hoạt động bình đẳng giới

Một trong những nguyên nhân dẫn tới pháp luật bình đẳng giới còn chưa được thực hiện tốt là do kinh phí dành cho nội dung hoạt động này còn ít, có thể bị tùy tiện cắt giảm do đó các hoạt động thúc đẩy bình đẳng giới bị hạn chế phần nào. Vì vậy, nhà nước cần có chính sách ưu tiên lập ngân sách giới. Việc lập ngân sách giới có thể làm giảm những bất bình đẳng giới vì sẽ thể hiện kinh phí được sử dụng vào việc gì, cho ai, trong các giai đoạn phân tích, lập kế hoạch, phân bổ, chi tiêu và rà soát ngân sách. Trong ngân sách giới sẽ thể hiện: Chi tiêu chung và chi tiêu chuyên biệt về giới. Chi tiêu chung là ngân sách chung để chi tiêu cho toàn bộ người dân ví dụ ngân sách cho sức khỏe, giáo dục, giao thông và việc làm. Loại chi tiêu này là đối tượng chủ yếu của ngân sách giới. Chi tiêu chuyên biệt bao gồm các ngân sách tập trung hướng tới đối tượng cụ thể nào đó (nam giới/phụ nữ, trẻ em trai hay trẻ em gái) nhằm giải quyết các nhu cầu về giới của họ. Loại chi tiêu này nhằm giải quyết các vấn đề về bất bình đẳng giới. Bất bình đẳng giới là một vấn đề có tính

lịch sử, vì vậy hợp tác trong đấu tranh vì bình đẳng giới là một hoạt động cần thiết.

3.2.1.6. Chế tài xử phạt đối với hành vi vi phạm pháp luật trong thực hiện Luật bình đẳng giới

Như đã phân tích ở chương 2, hầu hết quy định trong các văn bản luật liên quan đến bình đẳng giới đều không bị ràng buộc bởi các điều khoản chế tài nếu như không thực hiện hoặc thực hiện không đúng mức, không đạt chỉ tiêu pháp lệnh. Chính vì vậy, trong thời gian đến cần thực hiện nghiêm Nghị định số 55/2009/NĐ-CP ngày 10/6/2009 về quy định xử phạt vi phạm hành chính về bình đẳng giới.

Nghị định quy định cụ thể các hành vi vi phạm hành chính về bình đẳng giới và mức phạt tương ứng trong từng lĩnh vực như: Chính trị, kinh tế, lao động, giáo dục và đào tạo, khoa học, công nghệ; văn hóa, thông tin, thể dục, thể thao; y tế và gia đình.

Ngoài các hình thức phạt chính, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, tổ chức, cá nhân vi phạm hành chính còn có thể bị áp dụng một hoặc các hình thức xử phạt bổ sung như: Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề; tịch thu tang vật, phương tiện sử dụng để vi phạm hành chính.

Tổ chức, cá nhân vi phạm còn có thể bị áp dụng một hoặc nhiều biện pháp khắc phục hậu quả như: Buộc xin lỗi, cải chính công khai; buộc khôi phục lại quyền lợi hợp pháp đã bị xâm hại; buộc chịu mọi chi phí khám bệnh, chữa bệnh hợp lý trong trường hợp hành vi vi phạm hành chính gây thiệt hại về sức khỏe, tinh thần; Buộc sửa đổi, bổ sung, thay thế, đính chính hoặc tiêu hủy các vật phẩm, văn hóa phẩm có nội dung cổ vũ, tuyên truyền, phổ biến về bất bình đẳng giới, định kiến giới...

Theo Nghị định này, thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính về bình đẳng giới là một năm kể từ ngày hành vi vi phạm hành chính được thực hiện. Nếu quá thời hạn này thì không xử phạt nhưng vẫn áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại Nghị định. Riêng với cá nhân đã bị khởi tố, truy tố hoặc đã có quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục tố tụng hình sự nhưng sau đó có quyết định đình chỉ điều tra hoặc đình chỉ vụ án mà hành vi có dấu hiệu về bình đẳng giới thì bị xử phạt vi phạm hành chính. Ngoài ra, trong thời hạn 3 ngày kể từ ngày ra quyết

định đình chỉ điều tra hoặc đình chỉ vụ án gửi quyết định đình chỉ điều tra hoặc đình chỉ vụ án, người đã ra quyết định phải gửi cho người có thẩm quyền xử phạt. Trong trường hợp này, thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính là 3 tháng kể từ ngày người có thẩm quyền xử phạt nhận được quyết định đình chỉ và hồ sơ vụ vi phạm...

Nghị định cũng phân định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, quy định về các thủ tục áp dụng hình thức xử phạt hành chính, tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề, tịch thu và xử lý tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính. Quy định rõ việc chấp hành quyết định xử phạt, áp dụng các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm việc xử phạt, áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt...

3.2.2. Nhóm giải pháp cụ thể đảm bảo hiệu quả thực hiện pháp luật tại thành phố Đà Nẵng

Thứ nhất, đẩy mạnh hoạt động truyền thông - giáo dục nhằm nâng cao nhận thức pháp luật về bình đẳng giới đối với các chủ thể thực hiện

Các chủ thể thực hiện cần được quán triệt kỹ và sâu sắc hơn về hệ thống pháp luật hiện hành về bình đẳng giới với tư cách là điều kiện để đạt được bình đẳng giới thông qua các hoạt động truyền thông. Đây vốn là điểm mạnh của Đà Nẵng, nhưng rõ ràng hiệu quả vẫn chưa như mong đợi. Muốn khắc phục những bất cập trong việc thực thi hệ thống pháp luật hiện hành về bình đẳng giới trong các lĩnh vực, các chủ thể thực hiện cần nắm kỹ những nội dung về bình đẳng giới (Điều 11 đến điều 18 của Luật Bình đẳng giới), cũng như chiến lược về bình đẳng giới giai đoạn 2011-2020.

Để nâng cao nhận thức thực hiện pháp luật về bình đẳng giới, cần áp dụng các biện pháp khác nhau, trong đó việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới vào chương trình giáo dục ở các cấp bậc học. Thông qua việc lồng ghép đó, cần chuyển tải thông điệp rằng bình đẳng giới là một quyền cơ bản của mọi người, bao gồm cả nam và nữ. Vì thế, bảo vệ và thúc đẩy bình đẳng giới là nghĩa vụ, trách nhiệm của mọi chủ thể, trong đó có Nhà nước, cơ quan, tổ chức và mỗi công dân, từ đó dần hình thành ý thức và văn hoá nhân quyền.

Như vậy, không chỉ tuyên truyền sâu rộng những nội dung về bình đẳng giới

trong cộng đồng dân cư, các cơ quan truyền thông với ưu thế thông tin của mình, còn phải kịp thời phát hiện và phản ánh những bất cập và nhất là những vi phạm của các tập thể và cá nhân trong quá trình thực hiện pháp luật về bình đẳng giới, chẳng hạn có thể lồng ghép vào chuyên mục Ý kiến bạn nghe đài của Đài Phát thanh và Truyền hình Đà Nẵng hoặc Ý kiến bạn đọc của Báo Đà Nẵng nhằm tạo áp lực về dư luận đối với các cơ quan chức năng có thẩm quyền giải quyết.

Tuy nhiên, việc quán triệt kỹ và sâu sắc hơn về hệ thống pháp luật hiện hành về bình đẳng giới trong các lĩnh vực với tư cách là điều kiện để đạt được bình đẳng giới *không chỉ* thông qua các hoạt động truyền thông. Cần đưa nội dung về bình đẳng giới vào giảng dạy trong hệ thống giáo dục, đặc biệt ở các cấp trung học phổ thông, trung học cơ sở và tiểu học; đồng thời đưa nội dung về giới vào các chương trình bồi dưỡng về quản lý nhà nước, đào tạo về cao cấp lý luận chính trị nhằm nâng cao nhận thức cho đội ngũ lãnh đạo chủ chốt. Thực hiện tốt giải pháp này cũng chính là đã thực hiện tốt Quyết định số 2146/QĐ-UBND ngày 22/3/2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về thực hiện Chiến lược về bình đẳng giới giai đoạn 2011 - 2020.

Thứ hai, tăng cường kiểm tra, giám sát, nâng cao hiệu quả trong quá trình thực hiện pháp luật về bình đẳng giới

Thực tế cho thấy, trong quá trình triển khai thực hiện pháp luật về bình đẳng giới, các văn bản liên quan đến bình đẳng giới không bị ràng buộc bởi các điều khoản chế tài nếu như không thực hiện hoặc thực hiện không đúng mức, không đạt chỉ tiêu pháp lệnh. Chính vì vậy nên thời gian qua hầu như không đặt ra yêu cầu kiểm tra, giám sát, trong quá trình thực hiện pháp luật về bình đẳng giới để kịp thời đôn đốc, chấn chỉnh các trường hợp không thực hiện hoặc thực hiện không đúng mức, không đạt chỉ tiêu pháp lệnh. Hơn nữa, thực hiện Nghị định số 55/2009/NĐ-CP ngày 10/06/2009 của Chính phủ ban hành quy định về xử phạt vi phạm hành chính về bình đẳng giới. Đây là công cụ pháp lý quan trọng để xử lý về bình đẳng giới trong các lĩnh vực và gia đình. Do vậy, lãnh đạo thành phố Đà Nẵng cần quy định rõ trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước về bình đẳng giới. Cần có những quy định cụ thể về quy trình, thủ tục kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật về bình đẳng giới.

Thứ ba, nâng cao vai trò của Hội liên hiệp phụ nữ các cấp của Đà Nẵng

Cần tăng cường thực hiện chức năng đại diện của tổ chức; chủ động, tích cực tham mưu, đề xuất, tham gia xây dựng, thực hiện các chủ trương, chính sách và quy định pháp luật về quyền bình đẳng giới. Hội cũng cần đẩy mạnh công tác tham mưu, đề xuất, tham gia giám sát và phản biện xã hội các chính sách, pháp luật về bình đẳng giới; giới thiệu nguồn cán bộ nữ; tham gia đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nữ, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của hội viên... góp phần vào thành tựu chung về bình đẳng giới của Thành phố. Thông qua chức năng, nhiệm vụ của mình, các cấp hội phụ nữ cần khuyến khích mỗi hội viên không ngừng nâng cao sự hiểu biết, kiến thức xã hội, chuyên môn nghiệp vụ và kiến thức về quyền bình đẳng giới. Tăng cường công tác giáo dục, tuyên truyền để từng bước nâng cao nhận thức về quyền bình đẳng giới của phụ nữ là một trong những công việc thường xuyên. Cần có những sáng kiến trong các chương trình, kế hoạch của Hội, như tổ chức thi tìm hiểu về Luật Bình đẳng giới và khuyến khích các gương điển hình, tiên tiến trong các phong trào của Hội, tránh bệnh hình thức, quan liêu. Thông qua mỗi hội viên để xây dựng hình ảnh phụ nữ thời đại mới, hình thành những giá trị, chuẩn mực mới về bình đẳng giới để từng bước đẩy lùi những quan niệm định kiến giới đã ăn sâu trong tiềm thức của các nhóm xã hội.

Thứ tư, đẩy mạnh hoạt động của các Câu lạc bộ “Phụ nữ với pháp luật”.

Đây là một loại hình hoạt động mới của Hội Liên hiệp Phụ nữ. Vì sao Hội Liên hiệp Phụ nữ cần tổ chức loại hình hoạt động này? Có hai lý do chủ yếu: 1) Thượng tôn pháp luật là biểu hiện của một xã hội văn minh. Câu khẩu hiệu phổ biến lâu nay ở nước ta là “Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật”. Cho nên mọi công dân phải có những hiểu biết cần thiết về pháp luật, vì thiếu những hiểu biết cần thiết về pháp luật thì không thể thượng tôn pháp luật. Phụ nữ chiếm hơn một nửa dân số, không thể thiếu những hiểu biết cần thiết về pháp luật. Câu lạc bộ “Phụ nữ với pháp luật” là giải pháp hữu hiệu giúp phụ nữ và hội viên Hội Liên hiệp Phụ nữ nhanh chóng *phổ cập* những hiểu biết cần thiết về pháp luật, nhất là pháp luật liên quan đến quyền và lợi ích chính đáng của nữ giới; 2) Thành lập Câu lạc bộ “Phụ nữ với pháp luật” còn nhằm mục đích *tư vấn* kịp thời

cho những phụ nữ và hội viên Hội Liên hiệp Phụ nữ bị xâm phạm quyền và lợi ích chính đáng nói chung, quyền và lợi ích chính đáng của nữ giới nói riêng.

Hai lý do vừa nêu cũng là hai chức năng chủ yếu của Câu lạc bộ “Phụ nữ với pháp luật”: phổ cập kiến thức pháp luật và tư vấn về pháp luật. Vậy ai sẽ tham gia Câu lạc bộ “Phụ nữ với pháp luật”? Có hai đối tượng chủ yếu: 1) một là đông đảo phụ nữ và hội viên Hội Liên hiệp Phụ nữ ở từng địa phương, trước hết là những phụ nữ và hội viên Hội Liên hiệp Phụ nữ đang gặp vấn đề về pháp luật - do thiếu hiểu biết pháp luật nên phải chịu thiệt thòi khi bị xâm phạm quyền và lợi ích chính đáng nói chung, quyền và lợi ích chính đáng của nữ giới nói riêng; 2) hai là một số ít phụ nữ, nhất là cán bộ nữ đang công tác ở những ngành bảo vệ pháp luật hoặc có hiểu biết nhất định về pháp luật, có tinh thần sẵn sàng tương trợ người cùng giới đang gặp vấn đề về pháp luật cần được tư vấn cụ thể để giảm thiểu thiệt thòi hay để đòi công lý, hoặc đang cần được phổ cập những hiểu biết cần thiết về pháp luật, nhất là pháp luật liên quan đến quyền và lợi ích chính đáng của nữ giới.

Thứ năm, nâng cao vai trò của giới nữ trong thực hiện pháp luật về bình đẳng

Trong bối cảnh thực hiện công cuộc cải cách kinh tế- xã hội và hội nhập, bản thân người lao động nói chung và phụ nữ nói riêng không chỉ phải can đảm chịu khó, chịu đựng gian khổ, mà cần thông minh, nhạy bén với cái mới; phải tháo vát năng động đối phó với các tình huống xảy ra; độc lập suy nghĩ, phát huy năng lực trí tuệ cá nhân, dám quyết đoán và chịu trách nhiệm.

Yêu cầu nêu trên đặt ra cho tất cả mọi người lao động nam, nữ, với mức độ khác nhau, tùy công việc, ngành nghề, vị trí xã hội. Nhưng với phụ nữ lại có đặc điểm riêng do thiên chức làm mẹ và trách nhiệm nặng nề trong việc giáo dục con cái, chăm sóc gia đình. Như vậy, điều kiện làm việc, học tập, sinh sống của họ rõ ràng có nhiều khó khăn hơn nam giới. Câu hỏi đặt ra ở đây là chị em phải phấn đấu như thế nào để có thể tham gia có hiệu quả vào công cuộc đổi mới của đất nước cũng như tự tạo dựng cho bản thân mình và gia đình một cuộc sống hạnh phúc và có ý nghĩa? Để làm được điều đó, ngoài những yếu tố khách quan như các chính sách tạo điều kiện của Đảng và Nhà nước, sự ủng hộ của cộng đồng và xã hội, của những

người thân, thì sự phấn đấu và nỗ lực chủ quan của người phụ nữ là hết sức quan trọng và là yếu tố quyết định. Phụ nữ không thể trông chờ ai làm hộ cho mình, mà chính họ phải vươn lên, tự giải phóng và phải đấu tranh để giữ lấy quyền lợi và phát huy vai trò của mình trong đời sống xã hội.

Kết luận Chương 3

Chương 3 của luận văn đã tập trung phân tích, làm rõ phương hướng tiếp tục thực hiện pháp luật về bình đẳng giới và giải pháp thực hiện pháp luật bình đẳng giới ở Đà Nẵng hiện nay. Những giải pháp mà luận văn đưa ra trên cơ sở việc phân tích những vấn đề lý luận về pháp luật bình đẳng giới, đặc điểm của pháp luật bình đẳng giới ở Đà Nẵng, thực trạng pháp luật về bình đẳng giới, đồng thời tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm pháp luật quốc tế, trong nước với mong muốn thực hiện pháp luật về bình đẳng giới ở Đà Nẵng vừa đáp ứng điều kiện đặc thù trong nước, vừa phù hợp với thông lệ quốc tế trong bối cảnh hội nhập hiện nay. Các giải pháp trên là một thể hoàn chỉnh, có quan hệ chặt chẽ với nhau nên cần được tiến hành đồng bộ để tạo cơ sở pháp lý nhằm tạo môi trường pháp lý bình đẳng giới phát triển lành mạnh, đúng pháp luật bảo đảm bình đẳng và phát triển cho phụ nữ và góp phần xây dựng thành phố văn minh từng bước hiện đại.

KẾT LUẬN

Trong lịch sử loài người từ trước đến nay, phụ nữ Việt Nam nói chung và phụ nữ Đà Nẵng nói riêng bao giờ cũng là một bộ phận quan trọng trong đội ngũ đông đảo những người lao động trong xã hội. Bằng lao động sáng tạo của mình, phụ nữ đã góp phần làm giàu cho xã hội, làm phong phú cuộc sống con người. Phụ nữ luôn thể hiện vai trò không thể thiếu của mình trong các lĩnh vực đời sống xã hội. Do đó, việc động viên phụ nữ tham gia trực tiếp vào quá trình quản lý nhà nước, quản lý xã hội là cần thiết và không thể thiếu được, là yêu cầu của xã hội văn minh và phát triển. Việc quan tâm phụ nữ không chỉ là việc riêng của Đảng và Nhà nước ta, mà nó còn là mối quan tâm chung của toàn xã hội và của phụ nữ, nhằm phát huy vai trò của giới nữ trong phát triển kinh tế - xã hội và mang lại lợi ích cho bản thân phụ nữ.

Xuất phát từ đặc điểm vai trò của phụ nữ, từ thực tiễn xây dựng pháp luật và thực hiện pháp luật về bình đẳng giới, luận văn đề xuất giải pháp thực hiện pháp luật về bình đẳng giới. Thực hiện pháp luật bình đẳng giới không phải là sự ưu tiên đơn thuần vì họ là phụ nữ mà là tạo cơ hội cần thiết cho phụ nữ nắm bắt được quá trình vận động của đời sống xã hội, tự thân phấn đấu vươn lên, tự quyết định được vận mệnh của mình. Trong quá trình thực hiện pháp luật về bình đẳng giới đã thể hiện một số ưu điểm nhất định. Song vẫn còn những điểm chưa hợp lý như nhiều quy định của pháp luật vẫn còn quy định trên văn bản chưa thật sự đi vào cuộc sống, giữa quy định và thực tế vẫn còn khoảng cách. Trong phạm vi có hạn của luận văn này, tác giả đã phân tích, làm rõ những vấn đề cơ bản về lý luận và thực tiễn thực hiện pháp luật về bình đẳng giới, mong muốn đóng góp một phần nhỏ bé của mình vào sự phát triển của phụ nữ thành phố và hoàn thiện các quy định bảo đảm bình đẳng giới của hệ thống pháp luật Việt Nam trên đà hội nhập với thế giới.

Việc bảo đảm thực hiện pháp luật về bình đẳng giới ở thành phố Đà Nẵng trong thời gian qua đã được Thành uỷ, Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân thành phố chú trọng và đã đạt được những kết quả nhất định. Tuy nhiên, so với xu thế phát triển và yêu cầu thực tế thì việc thực hiện pháp luật về bình đẳng giới vẫn còn

một số tồn tại, hạn chế cần giải quyết. Những tồn tại, hạn chế đó xuất phát từ nhiều nguyên nhân khách quan, chủ quan khác nhau, đòi hỏi cấp uỷ Đảng và chính quyền thành phố phải có những giải pháp khắc phục;

Để nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về bình đẳng giới đáp ứng những đòi hỏi của tình hình mới, các cấp, các ngành, các cơ quan tổ chức và toàn bộ hệ thống chính trị ở thành phố Đà Nẵng phải vào cuộc, quán triệt quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về vấn đề này, đổi mới nhận thức và phương pháp quản lý, tổ chức thực hiện, ưu tiên đầu tư các nguồn lực và thực hiện đồng thời, đồng bộ các giải pháp chung và riêng mà luận văn đã đề xuất. Với tư duy và nỗ lực như vậy, chắc chắn nội dung thực hiện pháp luật về bình đẳng giới ở thành phố Đà Nẵng sẽ được bảo đảm tốt hơn trong thời gian tới.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa VII), *Một số vấn đề về công tác cán bộ nữ trong tình hình mới*, Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị 37-CT/TW.
2. Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ thành phố Đà Nẵng (2010), *Chiến lược của thành phố vì sự tiến bộ của phụ nữ đến năm 2020*.
3. Nguyễn Thị Báo (2003), *Quyền bình đẳng của phụ nữ trong sự nghiệp và cuộc sống gia đình*, Tạp chí Lý luận chính trị, (số 10).
4. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2009), *Báo cáo chuyên đề về thực hiện Luật Bình đẳng giới và kiện toàn, nâng cao hiệu quả hoạt động của các cấp*, Hà Nội.
5. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2012), *Cẩm nang về bình đẳng giới*, Nxb Lao động - Xã hội, Hà Nội.
6. Bộ luật Dân sự (2005)
7. Bộ luật Lao động (2012)
8. Bộ Tài chính (2009), *Thông tư số 191/2009/TT-BTC ngày 01/10/2009 hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí hoạt động bình đẳng giới và hoạt động vì sự tiến bộ của phụ nữ*.
9. Bộ Tư pháp (2006), *Pháp luật về các quyền cơ bản của con người*, Nxb Tư Pháp.
10. Chính phủ (2008), *Nghị định số 70/2008/NĐ-CP ngày 04/6/2008 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bình đẳng giới về trách nhiệm quản lý nhà nước về bình đẳng giới và phối hợp thực hiện quản lý nhà nước về bình đẳng giới*.
11. Chính phủ (2009), *Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04/02/2009 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phòng, chống bạo lực gia đình*
12. Chính phủ (2009), *Nghị định số 48/2009/NĐ-CP ngày 19/5/2009 quy định về các biện pháp bảo đảm bình đẳng giới*.
13. Lương Phan Cừ (2004), *Bình đẳng giới- hiện trạng chính sách và pháp luật về bình đẳng giới*, Nxb CTQG, Hà Nội.

14. Đảng bộ thành phố Đà Nẵng (2005), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIX*.
15. Đảng bộ thành phố Đà Nẵng (2010), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XX*.
16. *Hỏi đáp về Luật Bình đẳng giới*, NXB Lao động xã hội, Hà Nội – 2007
17. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 .
18. Học viện Hành chính Quốc gia (2002), *Tăng cường năng lực quản lý và vai trò của phụ nữ Việt Nam trong công vụ*, Hà Nội.
19. Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam (2001), *Quyền bình đẳng của phụ nữ trong pháp luật Việt Nam*, Nxb Phụ nữ, Hà Nội.
20. Hội Liên hiệp Phụ nữ thành phố Đà Nẵng (2004), *Báo cáo tham luận Hội nghị tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị 37-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng về công tác cán bộ nữ*.
21. Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu phụ nữ toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Phụ nữ, Hà Nội.
22. Hội Liên hiệp Phụ nữ thành phố Đà Nẵng (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu phụ nữ thành phố Đà Nẵng lần thứ XI, XII*.
23. Luật Bình đẳng giới. (2006)
24. Luật Hôn nhân và gia đình (2014)
25. Võ Thị Mai (2003), *Vai trò của nữ cán bộ quản lý nhà nước trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
26. Dương Thanh Mai (2004), *Công ước của Liên hợp quốc và pháp luật Việt Nam về xóa bỏ phân biệt đối xử với phụ nữ*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
27. Nguyễn Văn Mạnh (2004), *Quyền chính trị của phụ nữ trong Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử đối với phụ nữ và trong pháp luật Việt Nam*, Tạp chí Xây dựng Đảng, 2004.
28. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2008), *Luật phòng, chống bạo lực gia đình 2007*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
29. Quỹ phát triển phụ nữ Liên Hợp Quốc (2009), *CEDAW và pháp luật: Nghiên cứu rà soát văn bản pháp luật Việt Nam trên cơ sở quyền và giới qua lăng kính*

CEDAW

30. Lê Thi (2004), *Gia đình, phụ nữ Việt Nam với dân số, văn hóa và sự phát triển bền vững*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
31. Bùi Văn Tiếng (2002), *Bàn về vấn đề phụ nữ tham chính*, Báo Đà Nẵng, số ra ngày 18/10/2002.
32. Bùi Văn Tiếng (2004), *Tăng cường sự tham gia của phụ nữ vào các vị trí lãnh đạo, quản lý*, Báo Đà Nẵng, số ra ngày 5/3/2004.
33. Tổng Cục Thống kê thành phố Đà Nẵng (2010), *Tình hình Kinh tế - Xã hội thành phố Đà Nẵng năm 2010*.
34. Trường Đại học Luật Hà Nội (2002), *Giáo trình lý luận Nhà nước và pháp luật*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
35. Ủy ban các vấn đề xã hội (2009), *Báo cáo kết quả giám sát tình hình thực hiện bình đẳng giới và việc triển khai thi hành Luật bình đẳng giới*.
36. Ủy ban quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam (2010), *Chiến lược về bình đẳng giới đến năm 2020*, Nxb Phụ nữ, Hà Nội.
37. Viện gia đình và giới (2009), *Nghiên cứu gia đình và giới*, quyển 19 số 1/2009.
38. Võ Khánh Vinh (2011), *Giáo dục quyền con người: Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Học viện Khoa học xã hội, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
39. Võ Khánh Vinh (2012), *Những vấn đề lý luận và thực tiễn về các quyền mới xuất hiện trong quá trình phát triển*, Học viện Khoa học xã hội, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
40. Hoàng Thị Hải Yến, *Chuyên đề pháp luật về bình đẳng giới*, Trường đại học khoa học Huế, Huế 2007.